

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Kim Lân

#### Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Văn Tài. Sinh ngày 1.8.1921 tại Phù Lưu, Tiên Sơn, Bắc Ninh  
Mất ngày 20.7.2009 tại Hà Nội

#### Tác phẩm

Con chó xấu xí – Nền vợ nền chồng – Anh chàng hiệp sĩ gỗ



Chân dung Kim Lân  
(do Nguyễn Thị Hiền, con gái tác giả vẽ)

### Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Con chó xấu xí – 3

Đọc lại “Con chó xấu xí” – Nguyễn Mạnh Trinh - 10

Vợ nhặt – 14

Kim Lân lặng nằm xuống khi đôi chân đã mỏi – Lưu Hà - 22

#### Phụ đính:

Làng - Ông Cản Ngũ

Con mái mái - Anh chàng hiệp sĩ gỗ

Người bị treo bút trong chế độ đỏ

Cuộc trò chuyện cuối cùng với nhà văn Kim Lân

Kim Lân: sự im lặng của nỗi buồn

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Vài hàng về tác giả



Truyện ngắn *Con Chó Xấu Xí* là tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Kim Lân. Nhưng đặc điểm nổi bật của Kim Lân trong đời thường, trong làng văn chương là cách sống, gây cho bạn bè, đồng nghiệp những ấn tượng khó chịu

\*\*\*

Xuân Sách vẽ Kim Lân những nét rõ, sắc, lột tả được hết bản chất của ông. Từ ngoài xa nhìn vào, trông Kim Lân thật thảm hại:

Nên danh, nên giá ở Làng  
Chết vì Ông Lão bên Hàng Xóm kia  
Làm thân *Con Chó* sá gì  
Phận đàn *Xấu Xí* cũng vì miếng ăn

Lý Hồng Nhân  
(trích trong *Nhận Diện Chân  
Dung Nhà Văn* với Xuân Sách)

“...Nhà thơ Xuân Sách là tác giả 4 tiểu thuyết, 4 tập truyện, 4 tập thơ, nhưng nổi tiếng nhất là tập thơ biếm họa *Chân Dung Nhà Văn*, xuất bản năm 1992, gồm 99 bài đã được truyền tụng trong văn giới từ vài ba mươi năm về trước..

*Bạn đọc trẻ ngày nay, nhất là người không theo sát thời sự văn nghệ Hà Nội, khó bề tưởng tượng được ảnh hưởng của loạt thơ này trong quần chúng qua nhiều thập niên cuối của thế kỷ trước. Song song với thơ Xuân Sách là thơ hài hước Bút Tre thời đó, vừa đùa với ngôn ngữ, vừa phản ánh thời thế. Thơ Bút Tre giàu chất hài hước, thơ Xuân Sách nặng phần thế sự, nhất là với nhóm *Nhân Văn Gaii Phẩm*...qua lăng kính văn học...”*

(Xem “Tác Giả và Tác Phẩm Xuân Sách” ở tuyển tập kế tiếp)

## Con chó xấu xí

*Thực ra khi viết tôi cũng không nghĩ rằng lấy mình ra để viết, mà chỉ nghĩ trong đầu là viết về cái dói nhưng con người vẫn yêu đời, tin ở con người dù cái dói bao vây xung quanh, vẫn tin yêu, đùm bọc nhau và vẫn tràn đầy khát vọng sống. Nhưng sau khi viết xong, nghĩ lại thì hóa ra lại là viết mình.*

- Thế còn truyện ngắn “Con chó xấu xí”?

- Tôi viết Con chó xấu xí là viết sau khi xảy ra chuyện Nhân văn Giai phẩm. Tuy tôi không bị liệt vào nhóm Nhân văn Giai phẩm nhưng lúc bấy giờ người ta xướng ra việc đấu tranh với Nhân văn Giai phẩm thì có 5 người không tham gia “đánh”, gồm có: Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyên Hồng và tôi.

Chúng tôi không tham gia hội họp, không viết bài “đánh”... vì chúng tôi cho rằng đó đều là anh em mình cả. Chúng tôi chỉ muốn, nếu thực sự họ sai thì phải thuyết phục họ, vì tất cả đều mới ở trong kháng chiến mà ra cả (Hoàng Cầm, Trần Dần, Hoàng Tích Linh, Lê Đạt...). Nhưng chính vì không tham gia, nên người ta cũng ghét chúng tôi.

- “Con chó xấu xí” là ông viết để tự bạch tâm trạng của mình với mọi người lúc bấy giờ?

- Đúng thế! Tôi chỉ muốn nói rằng, tuy tôi có là con chó xấu xí nhưng vẫn trung thành với chủ. Nguyễn Công Hoan đọc xong bảo “thằng này ngu bỏ mẹ, tự nhận mình là con chó!”. Ông Văn Cao thì nhận xét “góm cậu viết võ kín quá!” làm tôi sợ.

- Nhưng ông đâu có bị “đánh” mà kêu oan?

- Cũng bị đánh chứ, vì khi đó tôi có viết một truyện ngắn Ông lão hàng xóm, ngày ấy cũng là chuyện nói về sai lầm trong cải cách ruộng đất. Lúc bấy giờ in ra, nhiều người thích vì cho rằng viết thế là dữ dội. Cộng với mình lại thêm tội “không chịu viết bài để đánh Nhân văn Giai phẩm” thế là người ta cũng không ưa chúng tôi luôn...

(...trích “Cuộc trò chuyện cuối cùng với nhà văn Kim Lân” – Bá Kiên)

\*\*\*

Nó là một con chó xấu xí! Xấu đến nỗi trong nhà chẳng ai buồn đặt cho nó một cái tên. Nó không được là tốt, kiki, cũng chẳng là quýt, là cún, là gì gì cả. Gọi nó người ta chỉ việc “ê, ê...” như gọi bất cứ một con chó nào là nó đến. Mãi đến lúc nó chết, đại khi nhắc đến, vợ tôi mới gọi nó bằng cái tên nghe rất đỗi thương yêu: “Con Mực nhà ta... Ngày Tây nhảy dù Việt Bắc, con Mực nhà ta... Ngày con Hiền mới chập chững biết đi, con Mực nhà ta...” Khốn nạn, cái “con Mực nhà ta” ấy, thực ra từ lúc mua, đến lúc chết, nó phải chịu sự ghét bỏ, hắt hủi của mọi người trong nhà tôi y như đứa trẻ, con một người làm lễ thứ năm, thứ bảy trong một gia đình giàu có, đông con mà bố mẹ chết rồi phải ở với anh, chị con bà cả vậy. Ngày ấy con bé đầu lòng của tôi chưa đầy tuổi tôi, vợ tôi cần có một con chó nhép để cho nó “dọn”. Cái trò đàn bà hay tham rẻ, chỉ tính đến chuyện được việc. Nhà tôi mua nó đâu có ba hào chỉ. Tôi bực mình lắm. Cứ thoáng trông thấy nó, tôi đã lộn ruột lên rồi. “Chó gày khổ mắt người nuôi!” ừ thì trong lúc kháng chiến này cũng chẳng nên kén chọn, cầu kỳ đến những giống chó đồ, chó kiêu làm gì, nhưng đã nuôi cái của giống má trong nhà, ít ra cũng phải sạch mắt thì mới coi được. Đàng này, con chó nhà tôi mua, nom nó thảm hại quá. Nó không còn thể gọi là con chó được nữa. Nó

bằng cái nắm đấm thế này, vừa bé, vừa lường, còm dóm như con chuột trù ốm ấy. Nhất là những hôm đang lạnh bỗng dưng trở nắng, con chó nhà tôi ra sân ngồi sưởi thì, gờì đất cha mẹ ơi, không còn thể sao khờm được. Bắn mắt quá! Nó ngồi gù gù ngoài bóng nắng như anh nghiện thiếu thuốc. Cái mặt gục xuống, rớt rãỉ chảy ra, hai con mắt ướt nhoèn hai cục nhử trắng nhũ. Cái lưng khòm khòm nổi lên từng đốt, từng đốt xương sống. Cái con chó khốn khổ ấy nó không còn đủ cả lông để che kín thân thể nữa. Lông nó lường ản rụng từng đám lơ phơ, nham nhở và đỏ bèm như đám cỏ ấy. Da lưng, da bụng, da cổ trật ra sần sùi, cóc cáy, đến cả cái đuôi cũng không đủ lông. Đuôi nó thun lủn một mẩu xám xịt như đuôi con chuột cống già. Dưới ánh nắng mùa hanh rất ràn rạt, lớp da răn rúm bọc ngoài cái thân hình gầy gù, lưng cũng những xương của nó, lúc lúc lại thấy rùng lên. Nó khẽ rên ư ử một cách sung sướng và thẽ thảm... Tôi bảo nhà tôi đem mà vớt mẹ nó đi, không có cho ai thì cho. Nhà tôi chỉ cười:

-Cho là thế nào? Để tăng gia đấy. Nhà tôi cũng biết chó mua phải con chó xấu quá, nên mỗi bận tôi kỳ kèo chỉ cười, nói quấy quá cho xong lần. Còn con chó thì hình như nó cũng biết thân phận nó, biết tôi ghét nó, mỗi lần thấy bóng tôi từ xa, cu cậu đã lui lủi lĩnh đi chỗ khác.

Nó cúi gằm mặt xuống, mắt lảm lét nhìn trộm, cái đuôi thun lủn một mẩu thịt cháy thì khẽ ngoáy ngoáy mừng nịnh. Tôi càng ghét. Cho mãi đến hôm có Đặng ở đoàn kịch của tỉnh đi qua tạt vào thăm, con chó ấy mới được yên thân với số phận Đặng quyết định cho nó và, từ đấy tôi cũng thôi không kỳ kèo nhà tôi nữa. Đặng là một tay bợm rượu. Anh em bạn chơi vẫn gọi anh ta là Đặng còm. Người anh ta lúc nào nom cũng ủ dột. Mặt trắng bự, mắt ướt nhoèn, lưng gù, cặp kính trắng thông xuống đến cánh mũi. Cái miệng chảy thũ ra lúc nào cũng thấy đánh tốp ta, tốp tép như cóc thềm muối. Thường khi cả ngày chẳng thấy anh ta nói một câu, ấy hẽ mà ngồi vào mâm rượu là cả người anh ta bỗng tỉnh táo, linh hoạt và cái khuôn mặt bẽch bạc, rụng hết lông mày của anh phút chốc rạng rỡ hẳn lên. Lúc ấy sao mà anh ta nói chuyện có duyên đến thế! Anh gọi chó là "hươu thềm", là "nàng thơ của cụ Lão Trí Thâm". Chó vàng anh gọi là "ka ki", chó đen anh gọi là "nhung Thượng Hải". Những con chó thui nhoáng mỡ treo lủng lẳng trước quán hàng anh gọi là "leo cóc" v. v... Hôm Đặng vào chơi tôi, con chó ấy đang ngồi phơi nắng ở giữa sân. Cũng như mọi bận, vừa thấy động bóng người, cu cậu đã lủi khủ đứng dậy, cúi đầu lẳng lẽ lui lủi xuống bếp. Nhưng mà Đặng đã nhìn thấy nó rồi. Anh ta tiếng rằng hấp him, cặp bà lòi nhưng lảm cái lại tinh ra phết. Vừa thoáng thấy con nhũi nhép ấy, anh ta bỗng reo lên:

-A ha, nhà này vừa sắm được của quý!

Nhà tôi ngồi trong bếp nhìn ra chưa hiểu nhà mình sắm được cái của quý gì, Đặng đã ngồi sà xuống đất, nheo mắt khẽ gọi:

-u, chặc, chặc chặc!... Tiếng gọi nghe thật dịu dàng, âu yếm. Con chó đứng lại lưỡng lự, nghi ngờ. Từ ngày về nhà này có bao giờ nó được nghe cái tiếng gọi thương yêu đến như thế.

-u, chặc chặc chặc!... Con chó sướng quá, ngoáy tít cái đuôi trụi, dặt dẹo trên bốn cái khoeo gày quay trở lại. Đến gần Đặng, nó nằm rạp xuống, thẽ lưỡi ra liếm liếm, và khẽ rít lên ư ử. Đặng cúi xuống nghiêng nghe cặp kính nhìn con chó hồi lâu, anh gặt gù, tấm tắc khen:

-Hay! Hay lắm! Sáng kiến của bà Hiền phải không? Nhà tôi thấy Đặng chú ý đến con chó mình mua một cách đặc biệt như vậy cũng hỏi lòng hỏi dạ. Nhà tôi cười bảo anh ta:

-Vâng tôi mua đấy anh ạ. Thế mà nhà tôi cứ bảo đem cho...

-Cho là thế nào!

-Đặng trợn mắt lên cướp lời

-Chị cứ để đấy cho tôi. Ba tháng nữa tôi giờ lại, được vô khối là việc. Đặng nháy tôi một cái, làm dáng điệu đang thủ một cái chày sau lưng, miệng ngọt ngào gọi "èu, chắc..." rồi thỉnh thoảng anh trợn mắt, mím môi bỏ xuống không khí một cái thật mạnh:

-A lê hấp! Cho một chày, chị biết chưa? Đặng cười ré lên một hồi ròn khanh khách. Con chó dưới chân Đặng còn giật thót người, cúp đuôi chạy vút đi. Đặng càng cười đắc ý. Đi với Đặng còn còn có Nhược Dự. Bạn nào Đặng đến nhà tôi, Nhược Dự cũng đi theo. Anh ta là người khó hiểu, khôn ngoan và kín đáo. Ngồi nói chuyện với anh ta khó mà biết được ý thật của anh ta như thế nào. Bao giờ anh ta cũng nói theo ý của người khác và nếu gặp một ý nào đối chọi lại lập tức anh ta rút lại ngay. Lúc nào anh ta cũng khoác bên ngoài cái vẻ lơ mờ, rụt rè như một người lạc lõng, hiểu rất ít về thời cục. Hồi mới chạy lên trên này, Nhược Dự còn để cái đầu trọc. Cái đầu sinh ra từ ngày còn Nhật chưa có dịp chuyển sang đầu thường, nhưng chỉ mấy tháng sau tóc anh đã mọc rất dài, không những thế anh còn để cả bộ râu dài lướt mượt như một ông cụ nữa. Bộ râu lạc lõng trên cái mặt non choẹt, trắng nhầy nom như râu đóng kịch. Có bộ râu ấy, anh có thể rên rỉ, than thở với mấy ông xã đội trưởng rằng mình già yếu không thể đi canh gác, hay đi phá đường được; hoặc từ chối một vài việc gì đấy mà ủy ban muốn nhờ anh ta giúp đỡ. Trước ngày, Nhược Dự cũng có viết văn. Anh ta viết những truyện "ái tình" lâm lá, sướt mướt với một thứ văn chương uốn éo, quen thuộc, rẻ tiền. Anh ta làm văn chẳng khác gì người thợ kim hoàn quen tay làm đồ Mỹ ký. Vì thế, từ ngày khởi nghĩa anh không viết gì được nữa, mà anh ta cũng chẳng nghĩ gì đến chuyện tiếp tục viết văn. Tuy vậy, cả nhà anh ta, từ bà cả già mỗ bán bún riêu ngoài quán đình Bùi, đến cô vợ hai còn trẻ măng chuyên việc bếp núc, hầu hạ chồng và con chồng ở nhà đều như còn luẩn quẩn, mê luyến với cái không khí của một thời "oanh liệt" của ông chồng trước kia... Trước mặt người lạ, họ đối đãi, nói năng với nhau hoa mỹ, kiêu cách như người trong truyện cá. Nghĩa là nghe nó ngớ ngẩn, giả dối rất chướng tai! Người như vậy, kháng chiến cũng không bỏ. Biết Nhược Dự trước kia có viết văn, cơ quan tôi mấy bạn cũ người về đón anh đi công tác. Bạn nào Nhược Dự cũng có bộ mặt râu rĩ, bần khổ vì nổi hoàn cảnh anh ta bó buộc, vì anh ta nặng gánh gia đình, vì anh ta bệnh tật, đau yếu luôn. Phải loanh quanh ở nhà như vậy anh ta lấy làm xấu hổ và khổ tâm lắm lắm.

Người địa phương vì thế ghét vợ chồng anh ta thậm tệ. Giữa cuộc kháng chiến bùng nổ, không ai có thể ưa một anh đàn ông sức dài vai rộng mà chỉ thấy cặp kẻ với hai bà vợ và nhờ nhờ với một ngôi hàng. Người ta làm vợ chồng anh khó chịu, tức tối ngấm ngấm, có khi phải tủi hổ. Mỗi lần Đặng có việc đi qua tạt vào chơi, vợ chồng Nhược Dự rất mừng. Trong số bè bạn ngày trước chỉ có Đặng là chịu chuyện được vợ chồng nhà này. Nhược Dự vợ được Đặng như người chết đuối vớ được cọc. Mỗi lần gặp nhau lại rượu. Trên mâm rượu "tha hương ngọc cổ"... ít ra anh ta cũng nói được đại ba câu cảm khái vụn, ngâm ngợi một vài bài thơ than thở cho thân, cho thì. Có lần rượu vào anh ta rũ xuống mà khóc. Hôm Nhược Dự theo Đặng đến nhà tôi chơi, thấy Đặng có ý kiến về con chó ghẻ như vậy, anh ta liền "bốc" ngay. Anh ta ca tụng các món thịt cày, ca tụng cái đạo của những ai biết thưởng thức thịt cày, cuối cùng anh ta hẹn ba tháng nữa, Đặng trở lại sẽ hội ẩm một chầu thịt cày có thể gọi là "phanh dương, tử ngưu..."

-Cô hai nhà moa sẽ đội sang một cái quả sơn đầy bún với hai cây rượu đặt thật trứ danh. Các toa sẽ thưởng thức của bà cả nhà moa món giò chó, món thịt chó hầm cách thủy, món thịt chó hấp... à, các toa đã được nghe bà cả nhà moa ngâm "Hồ trường" chưa? Đây "en" mà ngà ngà mấy chén vào, ngâm "Hồ trường" thì lạ lùng hết sức... Buồn mà thấm vô cùng...

Thực tình trong lúc này, tôi chẳng thấy hay ho gì những cái trò ấy. Nhưng thôi, con chó như thế, nó cũng yên với cái phận của nó rồi. Tôi cũng thôi không còn phải băn khoăn, kỳ kèo, ca thán gì về nó nữa. Trong những ngày chờ đợi nó béo, lớn lên, tôi như đã quên nó, coi như không có nó

trong gia đình. Đồi lần gặp Đặng, anh ta có nhắc nhở, tôi mới nhớ ra và trả lời một cách mù mờ rằng: con chó ấy có dễ nó cũng kha khá lên rồi. Thật ra tôi có biết bây giờ con chó nó gầy, béo ra sao đâu. Một phần vì độ ấy cơ quan tôi đã chuyển sâu vào rừng, tôi ít khi về nhà; một phần vì con chó ấy cứ thoảng thấy bóng tôi, nó đã lui lủi linh đi, nằm bẹp ở xó xỉnh nào rồi. Một buổi chiều, tôi vừa ở cơ quan ra thì gặp Đặng khoác ba lô, chống cái gậy hèo khật khưỡng đi tới. Thấy tôi, anh ta mừng quá, phì cả hơi rượu vào mũi tôi, nói choang choang giữa rừng:

-à, mà... Thăng Hiền! Thế nào, to chưa? To rồi chứ còn gì? Tôi đứng ngây ra không hiểu Đặng hỏi tôi cái gì to chưa. Anh ta phì cười, phát đen đét vào vai tôi:

-Bố khỉ, bố đàn!... Con chó ốm nhà mà ấy, to chưa? Khử được rồi chứ còn gì? Tôi gật đầu cười "à à...". Ra cái tay bọm rượu này không lúc nào nó quên được con chó!

-Tao đã bảo vợ chồng nhà Nhược Dụ rồi. Hai chai bố trong suốt như nước suối... Anh nháy tôi một cái, ngấp ngọ cặp kính thông xuống tận mũi, nhìn tôi:

-Kể ra vợ chồng chúng nó cũng có khí... nhạt đấy. Mặc mẹ, được việc cho mình thì thôi, hả? Anh ta cười khá lên một dịp tròn tan.

-Chủ nhật hả! Chủ nhật này mà về, ta làm một châu văn hóa cao! Đặng bắt tay tôi, hỉ hả chống gậy lên đường. Nhưng sự đời có mấy khi chiều những ý muốn đã định trước. Đặng vừa đi hôm trước thì hôm sau có tin giặc nhảy dù Thái Nguyên, rồi có tin giặc từ Bắc Giang đánh lên, Bắc Ninh đánh sang. Lối Kim Tràng, Cầu Xim, Cầu Đông; bên núi Hia, núi Đót; dưới chợ Lữ, bến Lũ, bến Phà, đâu đâu cũng có giặc cả rồi. Người các mạn dưới đánh trâu, bò, bồng bể, gồng gánh chạy giặc dạt lên đen kín cả ngoài cánh đồng. Cơ quan tôi đã chuẩn bị từ trước, vừa có tin giặc nhảy dù Thái Nguyên, lập tức chuyển sâu thêm nữa vào rừng, sang một địa điểm tỉnh khác. Tôi được anh em đồng ý cho về thu xếp gia đình rồi sẽ theo cơ quan sau. Anh em ai cũng biết cảnh nhà tôi neo bán, chỉ có một mình vợ tôi với đứa con gái nhỏ, lại ở vào giữa vùng giặc đang đánh lên, một mình vợ tôi sẽ không biết xoay xỏa như thế nào trong cái tình thế khó khăn, bối rối ấy được. Tôi về chuyện ấy, có ý định sẽ đưa gia đình theo cơ quan, ở một trại áp hẻo lánh nào đấy cách cơ quan tôi chừng độ dặm bày cây số cho tiện sự đi về thăm nom. Con chó của tôi như thế không thể "làm một châu văn hóa cao" như Đặng hẹn nữa, và cái số phận của nó cũng vì cuộc chạy giặc ấy mà thay đổi. Đêm ấy tôi từ cơ quan về đến nhà thì vợ con tôi đã chạy cả rồi. Hàng áp cũng không còn nhà nào ở lại. Xóm ngõ vắng tanh, súng giặc nghe rền từng chập. Nghe rõ tiếng liên thanh ùng ục và, từng phát súng trường lê tẻ rít vào không khí. Tôi biết vợ con tôi đã chạy vào đồng Kinh. Từ mấy tháng nay, mỗi bận tôi về nhà, hay viết thư về cho nhà, tôi đều căn dặn vợ tôi lúc nào cũng phải hết sức gọn gàng, phòng giặc đánh lên, hoặc nhảy dù là có thể bé con chạy ngay được. Trường hợp tôi chưa về kịp, mẹ con hãy chạy vào nhà cụ bếp Móm trong đồng Kinh làm chỗ liên lạc, tôi sẽ về đón. ở trong ấy gần rừng, hẻo lánh dễ chạy, mà cụ bếp Móm lại là chỗ đi lại quen biết từ trước, nhờ xảy gặp khó khăn có thể nhờ cậy được. Tôi đảo về qua nhà, đi vẫn vợ ngoài cái sân bỏ vắng mấy lượt, rồi cầm đầu đi thẳng vào đồng Kinh. Bấy giờ đã khuya lắm. Đêm tối vẫn rùng rùng bóng người, bóng trâu bò chạy giặc. Người ở vùng dưới chạy lên đây, người ở đây lại chạy mãi vào những mạn ven rừng. Trong các bụi cây, bờ ruộng, khe suối, rệ đồi, trong các lều quán ven đường, chỗ nào cũng thấy nhan nhản những người. Chỗ nào cũng nghe tiếng trẻ khóc, tiếng gọi thưa, tiếng than thở, chửi rủa. Ruột gan tôi càng rối lên. Vào đến nhà cụ bếp Móm, tôi giục nhà tôi thổi cơm ăn, chuẩn bị đi ngay đêm nay. Bây giờ tôi mới chợt nghĩ đến con chó. Tôi thấy nó vương vương. Đem nó theo gia đình lúc này thật chẳng được tích sự gì, rất phiền, mà rất có thể nguy hiểm.

Mà bỏ nó lại thì... thật ra trong lòng tôi cũng áy náy. Trong cái lúc chạy giặc này, trong cái lúc

con người ta đang phấn đấu giành lấy sự sống, sự đoàn tụ, yên vui, phải bỏ lại bất cứ một vật gì đã có trong gia đình mình cũng đều thấy xót xa như phải bỏ lại một con người và có cảm giác như đây là một cuộc chiA Ly phũ phàng giữa cái sống và cái chết. Con chó ấy, từ trước vẫn sợ tôi, thoáng thấy bóng tôi là tránh cho thật xa, đêm nay hình như nó cũng thấy có những cái gì khác hẳn, cái gì như là tan nát, thấy tôi về, nó mừng quá, nó quên cả cái thói quen sợ tôi của nó, nó chạy bổ ra với tôi, mừng ríu rít. Nó quấn lấy tôi, đều đều theo tôi, nằm phục dưới chân tôi mà hít hít, ngửi ngửi rên lên những tiếng ư ử sung sướng, thân thiết. Thì ra những lúc gian nguy, chẳng những con người, đến con vật cũng quên hết những ghét bỏ, hiềm khích cũ mà gần gũi, thương yêu nhau, thấy cần phải nương tựa vào nhau mà sống. Tôi bỗng đâm ra lưỡng lự không biết đối xử với con chó này như thế nào, bỏ nó lại, hay là mang nó đi?... Người chạy giặc vẫn kéo lên mỗi lúc một đông. Có tốp tiếp tục đi mãi vào trong mạn rừng, có tốp nghỉ lại ở đây. Cái túp nhà ông cụ bếp Móm chật nè những người. Trong số những người mới đến tôi thấy có cả ba vợ chồng Nhược Dự, tôi mừng quá, chạy ra hỏi tin giặc. Nhược Dự với cô vợ hai không nói gì. Đêm nay anh ta thay đổi hẳn, gặp tôi anh ta cũng chẳng thấy nhích lên được một nét vui nào. Anh ta chỉ lăm lăm cái mặt và thở dài. Sự lo lắng, chán nản, oán trách hiện lên đầy mặt. Anh ta đối với tôi lúc này lại như có vẻ hồ hững, khó chịu. Trái lại chị vợ cả lại nói rất nhiều, cặp môi ăn trầu thuốc thâm đen của chị cuốn lên. Chị nói bằng mắt, bằng tay, bằng nét mặt, bằng tất cả cái sắc sảo của một tay buôn lọc lõi. Có lúc chị nói liên liến một hồi như cái máy khâu đạp có rồi đột nhiên ngừng lại, đưa mắt dò la đánh giá người nghe, có lúc chị nói khoan thai thễ thợt như thể giọng mẹ chồng ngồi kể xấu nàng dâu. Có lúc chị giả giọng ba bốn người trò chuyện đối đáp với nhau. Chị vừa nói vừa cười ròn khanh khách. Kể chuyện giặc đánh lên, giặc đốt làng mà giọng chị nghe hồ hởi như chuyện vừa kiếm được món hời.

-Tại anh Nhược Dự đấy, kêu là chiều tối rồi, nó không lên nữa, để sáng sớm mai hẵng chạy còn kịp chán. Thế mà ai ngờ nó đi đêm anh ạ. Nó đốt cái quán ở đình Bùi của tôi rồi. Tiếc quá.

-Nó lên đình Bùi rồi chị? Chị bổ cái mặt chị vào mặt tôi:

-Chả có hai lần đình Bùi! Nó đến Nhã Nam rồi anh ạ. Thật cả là một sự điều linh. Cũng chỉ tại mấy bố du kích nhà ta thôi anh ạ. Súng ống chẳng có, có mấy khẩu súng kíp còm cũng đậm đọp bắn nó. Nó mấy cái, nó mấy đốt cho. Nó đốt đình Bùi, đốt Cao Thượng, bây giờ nó đang đốt Nhã Nam đấy. Vợ chồng tôi vừa chạy giặc, vừa ngoảnh lại nhìn ngọn lửa quân xâm lăng tàn bạo nó đốt nhà, đốt cửa của đồng bào mà trái tim của vợ chồng tôi tưởng chừng như sắp sửa tan vỡ ra từng mảnh... hé, hé, hé...

Chị ngửa cổ, bụng miệng cười khé lên. Mặt anh chồng cứ nhăn như bị. Nhược Dự vốn là người kín đáo, giữ gìn, có điều gì hậm hực, không được như ý, anh ta chỉ hậm hực riêng với mình, hoặc quá lắm thì anh hậm hực với hai bà vợ của anh. Cái lối văn hoa giả khôn, giả dại của bà vợ anh, thường ngày làm cho cái cửa hàng bún riêu của vợ chồng anh đông khách, người ta ngồi ăn hàng và xem một người ăn nói lạ tai như vậy cũng thấy hay hay, nhưng hôm nay, nghe vợ nói năng như vậy Nhược Dự ta khổ tâm quá, khổ tâm lắm. Anh khổ tâm không phải cái lối nói ba hoa, giả dối của vợ mà có lẽ anh khổ tâm vì bà vợ của anh không biết giữ mồm giữ miệng, nói những điều mà anh chỉ dám nói trong cổ họng. Anh ta vội hỏi tôi một câu, có ý lái khéo câu chuyện sang hướng khác:

-Lâu nay toa có sáng tác được cái gì mới không? Hình như thấy câu nói của mình lạc lõng không hợp với tình thế lúc này, anh ta hỏi thêm:

-Lâu nay toa có gặp Đặng không? Toa có biết lúy chạy đâu không? Tôi chưa kịp trả lời, Nhược Dự đã quay ra nói gì nhỏ nhỏ với bà cả. Hình như anh không cần thiết câu trả lời của tôi cho lắm. Tình hình lúc ấy đột nhiên lại thấy lộn xộn. Người ở ngoài chạy dồn vào, người ở đây lại

nhón nháo kéo nhau đi. Tin người tản cư nghe mỗi lúc một khác, những tin không biết từ đâu truyền đi rất nhanh. Lúc có tin giặc đã đến Nhã Nam, lúc có tin giặc ở Thái Nguyên đánh sâu vào rừng lũng các cơ quan, lúc lại có tin giặc ở Thái Nguyên đốt phá Thác Huống, Đá Gân. Mạn Vĩnh Yên, Phúc Yên cũng có tin giặc vào đến chân Tam Đảo. Con đường tôi và vợ con tôi phải đi qua đêm nay cũng có tin giặc đánh đến nơi rồi. Đằng nào cũng phải vượt thôi!

-Này mình ạ...

-Tôi nhìn nhà tôi dẫn đo một lúc

-Cái con chó nhà ta ấy, tôi thấy, tôi nghĩ không thể đem nó đi được đâu.

-Sao, mình bảo gì cơ? Nhà tôi ngồi nắm nắm cơm bằng chiếc khăn tay trên mặt cái sàng, ngẩng lên nhìn tôi sừng sốt. Tôi ngập ngừng nói thêm:

-Cái con chó nhà ta ấy, tôi thấy không thể đem nó đi theo mình đêm nay được đâu.

-Sao lại không đem nó đi được! Mình nói tôi chẳng hiểu ra sao cả. Nhà tôi cau mặt lại một cách khó chịu:

-Nuôi nó ngần ấy ngày giờ, gặp lúc như thế này lại định bỏ nó! Mình nghĩ thế nào, lại tính thế? Chẳng thà là thịt nó đi như anh Đặng nói lại đi một nhẽ. Tôi nín lặng chẳng biết nói với nhà tôi như thế nào, trong lòng thật cũng thấy hổ thẹn với những ý nghĩ của mình. Ngoài kia, ba bốn đám lửa đốt làng, đốt phố rừng rực trong đêm tối. Những đám lửa nom gần lắm rồi. Tôi càng nôn nao, bối rối, tôi nói với nhà tôi như đổ dành, như phân trần:

-Có phải rằng tôi muốn để lại nó đâu, nhưng mà giặc thì nó đánh đến nơi rồi, xung quanh mình chỗ nào cũng có tin giặc, mình đem nó đi làm sao được... Thôi, đành nhẽ là phải gửi nó lại... Sau này giặc yên, về ta lại đem nó về... Nhà tôi cúi nắm nắm cơm không trả lời. Nắm xong, nhà tôi lẳng lặng thu xếp, bỏ vào quang gánh, rồi đi vào trong nhà. Nét mặt nhà tôi lúc ấy nom lắm lì và buồn bã vô cùng. Lát sau nhà tôi và cụ bếp Móm từ trong nhà đi ra. Ông lão bước nhanh về phía tôi, xăm xăm:

-Thôi được, hai bác không đem được nó đi thì để lại, tôi trông nom cho, anh em mình, lo gì. à hà, con chó này đang ngon thịt đây...

"Quái thật, làm sao ai nhìn đến con chó cũng nghĩ đến chuyện thịt?" Tôi thấy hơi khó chịu. Ông lão chấp hai tay sau đít, cười gật gật ngấm nghĩa con chó. Chừng như con chó ấy nó cũng thấy có điều gì khác ý, nó vội rúc vào chân tôi liếm liếm, ngửi ngửi, hai chân nó đập đập vào chân tôi, ngoáy đuôi mừng mừng. Nhà tôi chẳng nói chẳng rằng, một tay cầm cái xích, một tay nắm gáy lôi tuột nó ra, xích nghiêng lại. Con chó giật mình, hoảng quá nó chồm lên và cào cào lên vào chân tôi, trốn tránh, giẫy giụa, kêu ăng ăng. Ông cụ bếp vui tính thấy thế cứ nhe bộ lộ ra cười kha khá, còn nhà tôi thì hai mắt cầu cầu, môi mím chặt lời sềnh sệch con chó ra một cách phũ phàng. Nhà tôi buộc nó vào gốc mít gần đấy. Con chó lăn lộn trong cái xích căng thẳng, cái xích vít cổ nó lại, nó cố nhào về phía tôi mà không được, nó tru lên từng hồi. Trong ánh lửa cháy bập bùng ở bếp hát ra, tôi thấy mắt nó có hai đốm lửa nhỏ tít. Hai đốm lửa ấy nhìn vào tôi oán trách, cầu khẩn lúc lại thấy như thù hằn, giận dữ. Tôi cúi mặt xuống, không dám nhìn vào con chó ấy nữa. Khốn nạn thân nó, bây giờ chắc nó biết chủ nó bỏ nó. "Thôi, để chuyện này chạy giặc về, tao sẽ nuôi mày, tao không dám phụ mày, tao không thịt mày nữa đâu"... Nhà tôi đã thu xếp quang gánh, đồ đạc xong. Đưa con gái nhỏ của chúng tôi ngồi gọn bên một thúng, xung quanh nó quây chắn, tã cho ẩm, phía trên che một cái chiếu cuộn khum khum như cái mái



lều. Một bên là nồi niêu bát đĩa, tương muối và các thức cần dùng khác. Bây giờ nhà tôi mới cầm một bọc gạo vừa mới san ở trong bị ra, đi đến trước mặt cụ bếp Móm:

-Thôi, chúng cháu đi đây... Nước mắt nhà tôi bỗng giàn ra, nhà tôi đứng im trước mặt cụ bếp nghẹn ngào không nói được. Tiếng con chó vẫn kêu ăng ăng và, tiếng cái xích căng ra xoắn vào thân cây mít lục cục.

-Cháu... gửi lại cụ một ít gạo đây, nhờ cụ trông nom nó giúp cháu... Sau này thiếu đủ như thế nào, về cháu sẽ xin thừa lại với cụ...

-Được! Được! Chỗ tôi với hai bác ấy mà. ông cụ bếp cười, xoa xoa tay, gạt đi. Nhà tôi khẽ chào ông cụ, bước vội về phía quang gánh. Tôi cũng đứng dậy khoác ba lô, ôm bọc chặn màn chào cụ bếp, bước theo nhà tôi. Từng chập súng máy nổ rền ngoài đêm tối. Và, đám lửa đốt làng, đốt phố ở mé Cao Thượng càng khuya nom càng rừng rực ngất trời. Bao giờ cho giặc rút? Bao giờ cho vợ con tôi được sống yên ổn dưới một mái nhà? Tôi thêm một cái mái nhà... "ăng!... ăng! ăng!..." Tiếng con chó lồng lộn, cuống quít đằng sau bước chân tôi. Nó như gọi tôi, nó như kêu cứu, như than khóc, oán trách. Tôi lẳng lặng bước qua chỗ vợ chồng Nhược Dự đang đứng. Rõ ràng anh ta biết tôi đi nhưng lại lơ đi như không nhìn thấy. Ra khỏi ngõ tôi thoáng nghe tiếng chị vợ cả nói với chồng:

-Vợ chồng nhà ấy họ đi đấy à? Này, họ bỏ lại con chó cậu ạ. Và tiếng anh chồng dấm dẩn:

-Đến người cũng chả chắc giữ được nữa là con chó!... Tôi xóc lại cái quai ba lô, bước theo hút cái bóng nhà tôi đang đi xăm xắm xuống đồi. Đêm "thu đông" lạnh buốt. Rải rác trong những bụi sim, mua rậm, bóng những người chạy giặc nằm ngả ngốn, chụm đầu vào nhau nói chuyện rì rầm. Trâu bò hàng đàn sồn sột gặm cỏ thẫm trong tối.

Tiếng con chó tự trong nhà cụ bếp Móm đưa ra vẫn nghe rõ mồn một "ăng!... ăng! ăng!...". Tiếng con chó da diết, nhọn hoắt xói vào ruột gan tôi. "Thôi để chuyện này về tao nuôi. Tao sẽ nuôi mày, tao không bỏ mày đâu...". Tôi nhủ thầm với tôi một lần nữa như vậy.

\* \* \*

Hai tháng sau tôi về. Giặc rút lâu rồi. Cuộc tấn công rầm rộ của chúng nó ngày ấy ai ngờ lại là cuộc đánh tháo cho đám quân mắc nghẽn ở giữa rừng già trong thị xã Bắc Cạn. Chúng nó tràn lên đầu trong vòng chỉ có nửa tháng thì rút hết. Vợ con tôi cũng đã dọn về nhà cả rồi. Dọc đường từ cơ quan về thăm gia đình hôm ấy tôi rất vui. Bao nhiêu nỗi vui dồn đến chen chúc rộ ràng trong ý nghĩ. Mấy tháng ở cơ quan, ngày lại ngày trông ra chỉ thấy cây già và núi thẫm bưng bít xung quanh, bây giờ về xuôi, tôi lại được thấy trời rộng, sông dài và những cánh đồng bát ngát. Tôi lại sắp được gặp vợ, gặp con tôi. Mỗi bước chân, bao nhiêu vui sướng. Nhưng mà tôi đã quên mất con chó khôn khổ ấy. Nhà tôi thấy tôi về, mừng quá cũng không kịp nhắc đến nó. Sau một trận giặc đánh lên, cái sống cái chết kề bên bây giờ mới được đoàn tụ, ai mà còn kịp nghĩ đến một con chó xấu xí! Một hôm tôi chợt thấy cặp kính trắng lấp loáng của Đặng còn từ đầu ngõ đi vào, bấy giờ tôi mới giật mình, sực nhớ đến con chó. Tôi quay lại hỏi nhà tôi:

-à, mình này! Con chó nhà ta đâu nhỉ? Mình chưa vào trong cụ bếp dắt nó về à? Nhà tôi đứng ngăn ra một lúc. Có lẽ nhà tôi cũng không ngờ rằng tôi đã về bằng ấy ngày giờ rồi vẫn không nói chuyện con chó ấy với tôi.

-Nó chết rồi!...

-Nhà tôi nói khe khe.

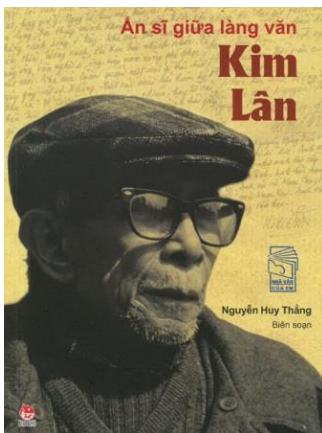
-Chết rồi? Làm sao mà chết được?... Tôi trở mắt lên hỏi lại. Nhà tôi cúi mặt xuống, thở dài:

-Nó chết thương lắm cơ mình ạ. Không phải nó chết trong cũi bếp Móm đâu. Nó về nhà ta nó chết đấy. Nhà tôi ngừng lại, cắn môi chớp chớp hai mắt nhìn ra ngoài sân. lát sau, nhà tôi đứng dậy mời Đặng vào trong nhà, rót nước mời anh rồi mới tiếp tục câu chuyện. Chao ôi! Con chó xấu xí ấy, của tôi! Con chó từ lúc mua, đến lúc chết không được một lần vuốt ve! Nó đã chết một cách thảm thương và trung hậu quá. Từ hôm vợ chồng tôi gửi lại nó cho ông cụ bếp Móm, con chó không chịu ăn uống gì. Nó chỉ kêu. Nó kêu suốt ngày, suốt đêm. Một đêm, ông cụ bếp không thấy con chó kêu nữa, thì ra nó đã xổng xích đi đâu mất rồi. Hôm nghe tin giặc rút, ở trong khe đồn Khau Vắt dọn về, nhà tôi tạt vào nhà cụ bếp Móm định đem con chó về nhân thể, nhưng vào đến nơi thì nó không còn đấy nữa. Lúc ấy nhà tôi cũng yên trí là con chó mất rồi. Chắc chắn nó sẽ lạc vào một trại áp nào đấy và người ta làm thịt nó. Nhưng khi nhà tôi về đến nhà. Bà con xóm giềng vừa chạy sang láo quáo thăm hỏi thì, ở ngoài vườn sau, có mấy tiếng chó hú lên thảm thương và ghê rợn. Từ sau bụi dứa rậm rạp, con chó khốn khổ ấy lao đảo đi ra. Người nó run lên bần bật. Nó gầy quá, chỉ còn một dúm xương da sộc sộc, rụng hết lông. Nó đói quá, đi không vững nữa. Nó đi ngã rụi bên này, rụi bên kia. Rồi nó không còn đủ sức mà đi nữa. Nó nằm bệt trên đất, rúm người lại, lét lét lê dần về phía nhà tôi. Lúc ấy cả người nó chỉ còn có cái đuôi là còn ngoáy được để mừng chủ và, cái lưỡi liếm liếm vào tay chủ. Khốn nạn con chó! Được gặp chủ nó mừng quá. Từ trong hai con mắt đờ đẫn của nó mấy giọt nước chảy ra. lát sau thì nó không liếm được nữa, cái đuôi ngoáy yếu dần, yếu dần rồi im hẳn. Nó chết. Tôi tối xạm mặt lại, vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ. Quả thật tôi chỉ là một thằng tồi. Một thằng ích kỷ. Tôi chỉ nghĩ đến mình và vợ con mình. Đến như con chó mình nuôi, mình đối xử với nó có được như cái tình nghĩa của nó đối xử với mình đâu? Đặng vẫn ngồi im. Từ lúc đến, đến lúc nghe xong câu chuyện, Đặng vẫn ngồi im. Hình như câu chuyện con chó ấy của nhà tôi kể làm anh có điều gì áy náy, nghĩ ngợi.

-Này, lâu nay cậu có được tin gì về vợ chồng Nhược Dự không? Lúc lâu sau Đặng chột ngẩng lên nhìn tôi hỏi. Cặp môi mỏng dính của anh kéo sệch một bên lên thành một nụ cười. Anh tự trả lời câu anh vừa hỏi:

-Nó dinh tê rồi! Nghe nói vào trong ấy nó viết báo, viết truyện chửi kháng chiến, chửi bọn mình đều lắm. Cả hai chúng tôi cùng im lặng. Cái im lặng trang nghiêm ghê lạnh, thật khó chịu.

## Đọc lại "con chó xấu xí" Nguyễn Mạnh Trinh



Sau một thời kỳ dài bị phê phán, Văn Nghệ Trẻ đăng lại truyện ngắn "Con Chó Xấu Xí" của Kim Lân. Đọc lời bình của Bảo Ninh, tự nhiên tôi muốn đọc lại một truyện ngắn đã gây ra nhiều rắc rối cho tác giả và cũng là một chuyện chứng minh rằng có những điều mà ở thời buổi ấy thật bình thường, xảy ra hàng ngày thì về sau lại rất lạ lùng tưởng chuyện xảy ra một nơi chốn nào khác như trên cung trăng chẳng hạn... Thời nào có đặc thù riêng của thời ấy. Trên mọi phương diện khác, các sự kiện có thể bị bôi xóa đi. Nhưng, ở văn chương thì không như vậy. Những sự kiện đã được ghi chép, không bị xóa nhòa mà trái lại còn là những chứng tích cho một thời. Mà, những chứng

tích ấy, càng về sau, lại càng làm rõ nét hơn một xã hội, một thời thế nữa...

Tác phẩm của Kim Lân có hai tập truyện ngắn : Nên Vợ Nên Chồng và Con Chó Xấu Xí. Trong tập "Nên Vợ Nên Chồng" có truyện "Ông Lão Hàng Xóm", một truyện mà Xuân Sách đã hạ một câu thật tuyệt "chết vì ông lão bên hàng xóm kia". Nhân vật của truyện là một ông lão, tuy muốn sống một đời bình thường nhưng lại mang nặng vết thương cải cách ruộng đất. Với tâm cảm ấy ông nhìn hàng xóm làng mạc khác hẳn thuở xưa. Cái tình lân lý tương thân tương trợ ngày trước đã hết, mà thay vào đó là sự ngờ vực của những người đã trải qua những thay đổi của nhân tâm, của tâm lý những con chim bị tên nhìn cây cong tường cây cung nhắm bắn. Truyện ấy còn có một nhân vật khác, cô đội trưởng đội cải cách non choẹt đã từng làm chánh án những buổi đấu tố và xử tử biết bao nhiêu địa chủ trong vùng. Ông tả lại cái hoạt cảnh cô đội trưởng tập lái xe đạp, một chiến lợi phẩm tịch thu được của một gia đình địa chủ, ở sân đình, với tất cả sự mỉa mai và trào lộng : "Cô đội trưởng lùn tè tè, hai bàn chân không đạp tới pê-đan... cặp mông mập xoắn lấy chiếc yên xe khi chân cô đạp lên đạp xuống..". Nhân vật cốt cán, là chủ lực của chế độ mà mô tả như thế thì làm sao những quan cán bộ "lãnh đạo" văn hóa như Trường Chinh, Tố Hữu,.. chấp nhận cho được. Thế là, sách in ra, bị tịch thu. Nhưng, mọi chuyện đã muộn, mọi người đã đọc, và, trong sổ đen công an văn hóa, Kim Lân bị ghi thêm một điểm xấu....

Trong lời bình của Bảo Ninh, viết sau hơn bốn chục năm tập truyện ngắn "Con Chó Xấu Xí" ra đời, tôi thấy hình như tác giả Nỗi Buồn Chiến Tranh muốn diễn tả một tâm tư nào, có khác với thời ấy nhưng cũng giống với thời ấy. Tuy bây giờ, là thời của đổi mới, cũng như có một thời là "sửa sai". "Đổi" hay "sửa", có làm mất đi được cái chất phi nhân vong thân không? Bảo Ninh viết:

"Con Chó Xấu Xí hồi mới ra đời bị phê dữ lắm. Cụ thể bị phán những gì qui kết ra làm sao chẳng ai còn nhớ, chỉ nhớ là rất kịch liệt. Cái thời đến lạ. Độc giả thời nay chịu không hiểu được. Đành rằng ở ta, và có lẽ chẳng riêng gì ở ta, cái sự truyện ngắn mà lại lấy loài vật, nào hợi, nào sừu, nào thân nào tuất ra làm "nhân vật" thể nào tác giả cũng phải chuốc lấy phiền toái, song trong Con Chó Xấu Xí thì quả thật đọc kỹ và soi mãi vẫn không thể lọc ra một đoạn một câu một chữ có thể làm cho thiên hạ chạnh lòng. Vậy mà...

Hay là bởi vì ở "con Mực nhà ta", ở cái con êu êu thảm hại này với sự xấu xí phát ghê, sự thống khổ bi hài, và nhất là với sự tận nghĩa kinh hồn, mù lòa và điên dại của nó, có toát lên một cái gì đặc biệt con người chẳng? Ít nhất là so với vợ chồng Nhược Dụ?..."

Không phải như Bảo Ninh viết: "Cái thời đến lạ. Độc giả thời nay chịu không hiểu được" đâu. Mà tôi nghĩ. Bảo Ninh biết thừa ra đấy. Bởi, thời trước với thời bây giờ có gì xa lạ với nhau đâu. Dù đã đổi mới, dù đã bị áp lực của cả thế giới để buộc phải cải tổ. Tôi nghĩ, về phương diện văn học, cái giây buộc trói vẫn còn chứ không phải đã cởi ra với nhà văn như tổng bí thư đảng Nguyễn Văn Linh đã tuyên bố. Hồi trước đã có nhiều vụ án văn tự như những nhà văn trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm hay nhóm nhà văn trí thức bị chụp tội "xét lại". Thì bây giờ, cũng có nhiều nhà văn nhà thơ bị truy bức bị đày ải bị treo bút bị theo dõi bị làm những công việc không liên quan đến chữ nghĩa.

Còn nhân vật vợ chồng Nhược Dụ trong Con Chó Xấu Xí là hai nhân vật mà tác gia cố ý phác họa cho giới trí thức tiểu tư sản với tất cả những tật xấu gán cho. Ở một cực độ, ông cho thấy chủ tâm muốn so sánh nhân vật này với con chó xấu xí kia. Cũng cùng vô dụng, cũng cùng có bộ dạng không giống ai, cũng cùng bị những người chung quanh khinh ghét:

"Trước ngày, Nhược Dụ cũng có viết văn. Anh ta viết những truyện "ái tình" lâm ly, suốt mướt với một thứ văn chương uốn éo quen thuộc rẻ tiền. Anh ta làm văn chẳng khác gì người thợ

kim hoàn quen tay làm đồ Mỹ khí. Vì thế, từ ngày khởi nghĩa anh không viết gì được nữa mà anh ta cũng chẳng nghĩ gì đến chuyện tiếp tục viết văn.

Tuy vậy, cả nhà anh ta, từ bà cô già mỗ bán bún riêu ngoài quán đình Bùi đến cô vợ hai còn trẻ măng chuyên việc bêu núc, hầu hạ chồng và con chồng ở nhà đều như còn lẫn quần mê luyến với cái không khí của một thời "oanh liệt" của ông chồng trước kia... Trước mặt người lạ họ đối đãi nói năng với nhau hoa mỹ kiểu cách như người trong truyện cả. Nghĩa là nghe nó ngớ ngẩn, giả dối rất chướng tai! Người như vậy kháng chiến cũng không bỏ. Biết Nhược Dự trước kia có viết văn cơ quan tôi mấy bận cử người về đón anh đi công tác. Bạn nào Nhược Dự cũng có bộ mặt rầu rĩ bần khoản vì nỗi hoàn cảnh anh ta bó buộc vì anh ta nặng gánh gia đình vì anh ta bệnh tật đau yếu luôn. Phải loanh quanh ở nhà như vậy anh ta lấy làm xấu hổ và khổ tâm lắm lắm. Người địa phương vì thế ghét vợ chồng anh ta thậm tệ. Giữa cuộc kháng chiến bùng nổ không ai có thể ưa một anh đàn ông sức dài vai rộng mà chỉ thấy cặp kè với hai bà vợ và nhõn nhõn với một ngôi hàng. Người ta làm vợ chồng anh ta khó chịu tức tối ngấm ngấm có khi phải tủi hổ..."

So sánh một con chó với một con người, hình như tác giả muốn làm chất nhân bản bị giảm sút đi trong đời sống ấy. Con chó dù bị bỏ đói bạc đãi đủ điều nhưng vẫn trung nghĩa, trong mọi hoàn cảnh dù tối tăm đến đâu cũng không bỏ chủ. Suốt đời sống nó, toàn là cảnh nằm nhóc mồm chờ cơm, dù mẩu xương thừa hay miếng cơm ời cũng không có. Thế mà mỗi khi chủ về vẫn chạy tới vẫy đuôi mừng rỡ. Nhà cửa bị Tây vào ruộng bốt đốt phá tan hoang, chủ phải chạy tản cư khi trở về vẫn thấy chú chó xấu xí nhưng có nghĩa ở đó dù sức tàn nhưng vẫn vẫy đuôi mừng rỡ. Có phải ông chủ bạc ác ấy, không biết quý trọng nhân nghĩa ấy, là tượng hình của những người lãnh đạo mà nhà văn Xuân Vũ ví von gọi là "dì ghẻ văn nghệ"?

Ví von vợ chồng Nhược Dự với chú chó, tác giả đã theo đúng những chỉ đạo được "trên" đề ra chưa? Hạ giá thấp giới tiểu tư sản, có gì mà rõ ràng cho bằng gọi bằng loài chó. Thế mà, trong cái nhận xét ấy, có một chút gì bất nhẫn, có một chút gì ngầm chứa từ liên tưởng xa xôi. Và, cái mục đích viết để gây căm thù giai cấp, viết để phân biệt ta địch, viết để minh họa chế độ, dường như không phải là chủ đích của Kim Lân. Mà, ngược lại có khi là những cái ngầm hiểu rất dễ gây ấn tượng đối nghịch...

Bảo Ninh nhận định: "Ngày nay chẳng biết phê gì biết bình gì hơn ngoài một chữ Hay, Truyện hay. Tuyệt hay. Mới ngấm ra rằng nhà văn rất khác nhà khoa học, không chỉ khoa học tự nhiên mà cả khoa học xã hội. Nhà nghiên cứu thì thế hệ sau nhất định phải cao tầm hơn thế hệ trước, trò phải giỏi hơn chí ít là kiến thức phải dày hơn thầy. Nhà văn thì không nhất thiết như thế. Nhà văn Kim Lân mà nói rộng ra là lớp nhà văn thế hệ ông, cho đến nay, và có thể sẽ mãi mãi, vẫn là những nhà văn bậc thầy, tác phẩm mãi mãi vẫn là hay mãi mãi vẫn vượt trội..."

Riêng tôi, trong cảm thức của mình, truyện Con Chó Xấu Xí đáng nói hơn từ cái chủ tâm hơn là cái tài nghệ văn chương. Làm người kể chuyện, ông viết kiểu khề khà và ít thấy chất sống động trong văn mạch. Nhưng, ở cái trầm lắng ấy, lại càng rõ hơn cái tâm thâm thúy và gợi lại nhiều suy tưởng. Không phải chỉ giản dị là tác giả mượn con vật để ví von với con người, mà phức tạp hơn, là biểu tượng của những đặc tính của một thời thế đã qua nhưng vẫn còn sức sống và là niềm nuối tiếc của nhiều người. Không gian, thời gian của Con Chó Xấu Xí là của một thời đã qua, của khó khăn vật chất, của hy sinh tinh thần. Nhưng, sau đó, khi phần nào đạt được những thành quả, thì có những người, như những chú chó cứ chờ hoài một hạt cơm rơi, một mẩu xương thừa nhưng chẳng bao giờ có. Những nhà văn, lưng còn thẳng, chân còn đứng chưa quì, trở về Hà nội, ngõ ngang với chiến thắng nhưng lại thảm tiếc thời gian khổ, lúc mà "dì ghẻ" (lãnh đạo văn nghệ) và "con chồng" (quần chúng văn nghệ) chịu chung thiếu thốn. Bây giờ, kể thì nhà cao cửa rộng lên xe xuống ngựa tem phiếu thượng hạng của ngon vật lạ không thiếu một món gì trong khi có người luôn thiếu, đói, vợ con nheo nhóc, chỗ ở chật hẹp.

Có lần nhà văn Kim Lân tâm sự :

"Tôi viết không chỉ vì nhuận bút. Viết được thì viết. Không viết được thì thôi. Những cái cố gượng viết đều giả, đều khô khan đọc lại thấy xấu hổ lắm.

Tôi nghĩ muốn theo đuổi nghề văn thì người viết phải là người tử tế trước đã. Dĩ nhiên không phải hễ là người tử tế ắt hẳn viết văn hay được. Viết văn phải có tài. Cái tài đến với nhà văn thật tự nhiên, mất đi cũng rất tự nhiên. Tôi thấy nhiều nhà văn lúc chưa biết nghề nếp tẻ ra sao, hồn nhiên thoải mái viết cái mình yêu, mình thích thì viết lại rất hay, đến lúc hiểu kỹ về nghề thì viết lại tòi đi rất nhiều. Hay chẳng cái mình biết đã gò bó cái tự nhiên của mình? Những hiểu biết về nghề văn là rất cần. Nó nâng tầm nhà văn lên, nhưng nếu để nó khống chế mình, làm mất cái thiên bẩm của mình đi thì nhà văn ấy không còn là chính mình nữa.."

Tôi vẫn chưa hiểu được tại sao "lúc hiểu kỹ về nghề thì lại viết tòi đi rất nhiều" như Kim Lân bày tỏ. Hay, nếu nghĩ rằng "hiểu kỹ về nghề" có thể là hiểu biết những mục tiêu mà cấp trên cần hoặc luôn lách khéo léo qua những kẽ hở để nói lên được điều mình muốn nói?

Theo Xuân Sách, trong những lời tâm sự khi viết về tập thơ "Chân Dung Nhà Văn" thì nhà văn phải học tập rất nhiều và rất nghiêm túc về những vấn đề chính trị, những yêu cầu cần thiết để văn học phục vụ chính quyền. Những giây phút học hành ấy là cả một cực hình cho những người nghệ sĩ. Và không biết có phải vì những hiểu biết thu lượm được để "hiểu kỹ về nghề" và làm ngọn bút tòi đi, kém đi.

Thế mà, sau khi Kim Lân viết Con Chó Xấu Xí, hơn bốn chục năm, thì Bảo Ninh lại xám hối và ca tụng một tác phẩm đã bị chế độ vui đập và đẩy tác giả của nó vào cùn nhụt lãng quên:

"... nhà văn Kim Lân viết không nhiều, tự đùa mình là lão ông, vậy mà chúng ta hơi ôi, chúng ta tràn giang đại hải, chúng ta hi hục sản xuất văn chương, nhưng một chút gì của "con chó xấu xí" thôi chúng ta cũng không thể có. Chúng ta ráo riết làm mới, làm lạ, mắ mồi mắ lợi tự cao tự đại phô trương sự tối tân và thời thượng của những kiệt tác chúng ta sản xuất ra, nhưng chúng ta vẫn cứ vô cùng cũ và nhạt, hoàn toàn không thể nào bì được với văn chương chậm rãi, khề khà, nhà que, â mà vừa xiết bao chân thực vừa vô cùng thâm thúy lại thiết tha và sâu đậm lòng nhân, tình yêu thương con người và đất nước, tình yêu ngôn ngữ Việt của một nhà văn thực tài như Kim Lân.

Trong tập truyện ngắn đầu tiên "Nên Vợ nên Chồng", có truyện ngắn "Cu", một truyện tuy viết theo đúng chính sách nhưng không làm cho "lãnh đạo" vừa lòng. Chuyện kể về một anh chàng trước đây nghèo đói nợ nần lại xấu xí nên vô duyên chẳng có cô nào thèm để mắt xanh đến. Những chàng trai cùng trang lứa đều thành vợ thành chồng hết mà chỉ có riêng anh vẫn sống cu ky một mình nên anh mới được gọi tên là "Cu". Nhưng đến khi đội cải cách về làng, anh được bắt rể để làm việc tổ cáo. Và, anh đã thấy được ánh sáng do Đảng mang tới cho đời mình. Cu Ế vươn lên và đấu tranh giai cấp một cách kịch liệt. Anh sắm được một cô vợ và người ta bây giờ không ai còn dám gọi anh là Cu Ế nữa. Truyện viết mạch lạc, kể một hơi, đọc dòng đầu đã ngờ ngờ dòng sau, lai viết đúng bài bản, không bắt bẻ chê bai chỗ nào được. Nhưng cái hình ảnh anh bản cổ nông như thế kể ra mà đại diện cho những người đang đấu tranh để xóa bỏ giai cấp thì cũng hơi... đẹp mặt cho Đảng. Cái thâm thúy của nhà văn là mang cái chính sách đang được đề cao để so sánh với một câu chuyện có thể gọi là vụn vặt, chuyện lấy vợ của một anh chàng kiết xác. Thời Cải cách ruộng đất khi mà những đội cải cách là thượng đế, ai chết ai sống mặc tình tùy thuộc vào quyền hạn của họ, thì cái chiến lợi phẩm như cô vợ của anh Cu Ế hay chiếc xe đạp của cô đội trưởng nhãi ranh đang vẹo mình tập đạp kể ra

cũng chẳng vinh quang mấy. Nó chỉ là một nét trào lộng thoáng qua thôi, nhưng mà thâm trầm sâu sắc...

Một truyện ngắn khác của Kim Lân được nhiều người cùng thời nhắc tới là truyện "Làng". Một truyện viết về nông thôn thời kháng chiến chống Pháp ở Việt bắc có những dấu ấn văn chương khá đậm. Cái tâm cảm của một người đi vào chiến đấu để mong có ngày trở về Hà Nội để nhìn thấy được những vinh quang mong đợi. Hình ảnh mà Kim Lân mô tả về cái gánh gồng của một gia đình tản cư có lẽ chỉ còn là chuyện rất cũ. Cái gánh này một đầu thì đầy những nồi niêu soong chảo đồ tuế nhuyễn lật vật cần thiết cho một gia đình còn đầu kia là một đứa bé. Nó ngồi trong thúng đầu đội chiếc nón lá che úp mặt hai bàn tay nắm chặt lấy quang giầy dù bố nó đã cẩn thận chèn chung quanh những chần màn vá chằng vá đụp. Cái hình ảnh ấy, nghèo nàn tang thương và nhẫn nhục làm sao...

Đọc lại truyện về chó, một con chó xấu xí, ghẻ lở vô dụng nhưng có nghĩa, tôi lại chạnh lòng khi nghĩ đến câu thơ của nhà thơ Nguyễn Vỹ "Nhà văn An Nam khổ như chó". Ấy là thời của đế quốc, phong kiến, nô lệ. Còn thời đại của văn nghệ "hiện thực xã hội chủ nghĩa" thì sao? Có còn người chủ bạc ác đối đãi tệ hại với một loài vật có tình với mình không? Dù, đã qua mấy thời sửa sai, đổi mới..?

## Vợ nhặt

*- Đọc những tác phẩm của ông, người ta nhận thấy đó đều là những cái ông rút ruột ra mà viết?  
- Tôi xuất phát từ anh nông dân nghèo, nên khi viết về chính những người đó thì mình lại dốc mình ra mà viết. Ví dụ như Lão Hai (trong truyện Lão Hai) là tôi, anh cu Tràng trong Vợ nhặt cũng là tôi và thậm chí con chó xấu xí (trong truyện Con chó xấu xí) cũng là tôi...  
Nhìn lại một số tác phẩm của mình, nhiều truyện tôi viết về tôi: Một con chó cũng là tôi, thằng Tràng lấy vợ nhặt, tưởng như là không phải tôi, vì tôi có cưới đàn hoàng và cũng không bao giờ nhặt được ai cả. Nhưng nó cũng là tôi, vì khi viết truyện ngắn đó tôi cũng vừa mới lấy vợ (có cưới xin hẳn hoi, không phải nhặt), nhưng lấy vợ được ít ngày thì gặp đói.  
Trong gia đình tôi cũng chỉ có ba người: tôi, vợ tôi và bà mẹ. Thì cái cảnh của tôi khi đó cũng không khác gì là cảnh mới nhặt được vợ trong truyện. Hai nữa là chính những ngày đói kém đó, vợ tôi cũng đi buôn cám, đã thế bà mẹ tôi tên là bà Tam, thì trong truyện tôi gọi là bà Tú.*

*(...trích "Cuộc trò chuyện cuối cùng với nhà văn Kim Lân" – Bá Kiên)*

\*\*\*

Trước kia mỗi chiều, cứ vào lúc chạng vạng mặt người(1) thì Tràng đi làm về. Hấn bước ngật ngưỡng trên con đường khằng khiu luôn qua cái xóm chợ của những người ngụ cư(2) vào trong bên.

Hấn vừa đi vừa tùm tùm cười, hai con mắt nhỏ tí, gà gà đấm vào bóng chiều, hai bên quai hàm bạch ra, rung rung làm cho cái bộ mặt thô kệch của hấn lúc cũng nhấp nhính những ý nghĩ gì vừa lí thú vừa dữ tợn. Hấn có tật vừa đi vừa nói. Hấn lắm nhảm than thở những điều hấn nghĩ.

Trẻ con trong xóm, cứ thấy cái thân hình to lớn, vập vập của hấn từ dốc chợ đi xuống là ùa cả ra vây lấy hấn, reo cười vác lên:

- A a a... Anh Tràng ! Anh Tràng đã về chúng mày ơi !

- Anh Tràng ơi bé em mấy...

- Anh Tràng ơi đã uống rượu chưa?

- Anh Tràng ơi !...

Đứa túm đằng trước, đứa túm đằng sau, đứa cù, đứa kéo, đứa lôi chân không cho đi. Tràng chỉ ngửa mặt lên cười hèn hếch.

Cái xóm ngụ cư tồi tàn ấy mỗi chiều lại xôn xao lên được một lúc.

Nhưng độ này thì trẻ con không đứa nào buồn ra đón Tràng nữa, chúng nó ngồi ủ rũ dưới những xô đường không buồn nhúc nhích. Trong bóng chiều nhá nhem, Tràng đi từng bước mệt mỏi, chiếc áo nâu tàng(3) vắt sang một bên cánh tay, cái đầu trọc nhẵn cúi về đằng trước. Hình như những lo lắng, chật vật trong một ngày đè xuống cái lưng to rộng như lưng gấu của hắn.

Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào. Những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình, đội chiếu(4) lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và nằm ngổn ngang khắp lều chợ. Người chết như ngã rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người.

Giữa cái cánh tối sẫm lại vì đói khát ấy, một buổi chiều người trong xóm bỗng thấy Tràng về với một người đàn bà nữa. Mặt hắn có một vẻ gì phờ phạc khác thường. Hắn tủm tỉm cười nụ một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh. Người đàn bà đi sau hắn chừng ba bốn bước. Thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn. Mấy đứa trẻ con thấy lạ vội chạy ra đón xem. Sợ chúng nó đùa như trước, Tràng vội vàng nghiêm nét mặt, lắc đầu ra hiệu không bằng lòng.

Mấy đứa trẻ đứng dừng lại, nhìn Tràng, đột nhiên có đứa gào lên:

- Anh Tràng ơi ! - Tràng quay đầu lại. Nó cong cổ gào lên lần nữa

- Chồng vợ hài.

Tràng bật cười:

- Bớ ranh !

Người đàn bà có vẻ khó chịu lắm. Thị nhíu đôi lông mày lại, đưa tay lên xóc xóc lại tà áo. Ngã tư xóm chợ về chiều càng xác xơ, heo hút. Từng trận gió từ cánh đồng thổi vào, ngăn ngắt. Hai bên dãy phố, úp súp, tối om, không nhà nào có ánh đèn, lửa. Dưới những gốc đa, gốc gạo xù xì bóng những người đói dật dờ đi lại lặng lẽ như những bóng ma. Tiếng quạ trên mấy cây gạo ngoài bãi chợ cứ gào lên từng hồi thê thiết.

Nhìn theo bóng Tràng và bóng người đàn bà lùi thui đi về bên, người trong xóm lạ lắm. Họ đứng cả trong ngưỡng cửa nhìn ra bàn tán. Hình như họ cũng hiểu được đôi phần. Những khuôn mặt hốc hác u tối của họ bỗng dưng rạng rỡ hẳn lên. Có cái gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tăm tối ấy của họ. Một người thờ dài. Người khác khế thì thảm hỏi:

- Ai đấy nhỉ? ... Hay là người dưới quê bà cụ Tứ mới lên?

- Chả phải, từ ngày còn mồ ma ông cụ Tứ(5) có thấy họ mạc nào lên thăm đâu.

- Quái nhỉ?

Im một lúc, có người bỗng lại cười lên rung rúc:

- Hay là vợ anh cu Tràng? ừ khéo mà vợ anh cu Tràng thật anh em ạ, trông chị ta thên thẹn hay đáo để.

- Ôi chao! Giời đất này còn rước cái của nợ đời về. Biết có nuôi nổi nhau sống qua được cái thì này không?

Họ cùng nín lặng.

Người đàn bà như cũng biết xung quanh người ta đang nhìn dồn cả về phía mình, thị càng ngượng ngịu, chân nọ bước díu cả vào chân kia. Hắn cũng biết thế, nhưng hắn lại lấy vậy làm thích ý lắm, cái mặt cứ vênh lên tự đắc với mình. Người đàn bà càu nhàu câu gì trong miệng. Hắn quay lại hỏi:

- Gì hả?

- Không.

Hắn cũng càu nhàu:

- Làm gì mà họ khỏe nhìn thế không biết? - Hắn bỗng đứng dừng lại nhìn ngang nhìn ngửa.

- Này bác Tràng ! Bác Tràng ! ...

Sau một khuôn cửa tối, một cái đầu trọc thò ra gọi giật giọng.

Tràng lật đặt quay lại.

- Về muộn mấy? Hăng vào chơi cái đĩa nào.

Tràng đứng lại thoái thác:

- Thôi ông để cho đến hôm khác.

Cái đầu trọc nháy nháy một con mắt, hất hất về phía người đàn bà hóm hỉnh:

- Cánh nào đấy?

- à hà... người quen. Thôi để hôm khác ông ná.

Hắn quay ngoắt trở ra, lật đặt chạy theo người đàn bà, như người xấu hổ chạy trốn. Người đàn bà đã đi đến trước cái miếu cũ. Tràng gọi với:

- áy rờ lối này cơ mà.

- Đẳng này à?

- ừ.

Hai người lặng lẽ rẽ xuống một con đường nhỏ. Con đường sâu thăm thẳm, luôn giữa hai bờ tre cao vút. ở đây vắng vẻ, thoải mái. Hắn định nói với thị một vài câu rõ tình tứ mà chẳng biết nói

thế nào. Hắn cứ lúng ta lúng túng, tay nọ xoa xoa vào vai kia đi bên người đàn bà. Thị cũng không nói gì, hai con mắt tư lự(6) nhìn ra phía trước. Tiếng gió trên bờ tre rì rào và tiếng lá khô kêu sào sạc dưới bàn chân.

Trong một lúc Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hàng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những tháng ngày trước mặt. Trong lòng hắn bây giờ chỉ còn tình nghĩa giữa hắn với người đàn bà đi bên. Một cái gì mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng.

- Sắp đến chưa? - Người đàn bà chột hỏi.

- Sắp

- Nhà có ai không?

- Có một mình tôi mấy u.

Thị tủm tỉm cười:

- Đã một mình lại còn mấy u. Bé lắm đấy!

Hắn bật cười:

- à nhỉ.

Câu chuyện xem chừng đã thân thân. Hắn đi sát gần bên thị hơn, ngẫm nghĩ một lúc, chột hắn giơ cái chai con vẫn cầm lăm lăm một bên tay lên khoe:

- Dầu tối thấp đây này.

- Sang nhỉ.

- Khá thôi. Hai hào đấy, đắt quá, cơ mà thôi chả cần.

- Hoang nó vừa vừa chứ.

Hắn chặc lưỡi:

- Vợ mới vợ miếc cũng phải cho nó sáng sửa một tí chứ, chả nhẽ chưa tối đã rúc vào ngay, hi hi...

- Khỉ gió.

Thị phát đánh đét vào lưng hắn, khoạm mặt lại.

Hắn thích chí ngửa cổ cười khanh khách.

Mấy con chó giật mình chạy thọt vào trong lũy thò mõm ra sửa váng lên. Tràng nhặt một hòn gạch vung tay ném mạnh một cái:



- Mẹ bố chúng mày cần gì thế!
- Vẫn chưa đến à?
- Còn chán.
- Khiếp.

Thị cau mặt lại, giẫy lên. Hấn phì ra cười, cúi xuống nhắc cành dong dấp cồng ra reo lên:

- Đây rồi- ời !...

Thị lẳng lặng theo hấn vào trong nhà, cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những bụi cỏ dại. Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô hấn lên, nén một tiếng thở dài. Tràng xăm xăm bước vào trong nhà, nhắc tấm phen rách sang một bên, thu dọn những niêu bát, xống áo vứt bừa bộn cả trên giường, dưới đất. Hấn quay lại nhìn thị cười cười:

- Không có người đàn bà, nhà cửa thế đấy!

Thị nhếch mép cười nhạt nhẽo. Tràng vỗ vỗ xuống giường đơn đả:

- Ngồi đây!... Ngồi xuống đây, tự nhiên...

Người đàn bà theo lời hấn ngồi mớm xuống mép giường. Cả hai bỗng cùng ngượng ngịu.

Tràng đứng tây ngậy ra giữa nhà một lúc, chợt hấn thấy sờ sợ. Chính hấn cũng không hiểu sao hấn sợ, hấn lăm lét bước vội mấy bước ra sân gắt lên:

- Sao hôm nay bà lão về muộn thế không biết!

Hấn loanh quanh hết chạy ra ngõ đứng ngóng, lại chạy vào sân nhìn trộm vào trong nhà. Thị vẫn ngồi mớm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, mặt bần thần.

Hấn nghĩ bụng: "Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?... ờ sao nó lại buồn thế nhỉ?...". Hấn nhỏ vu vơ một bãi nước bọt, tùm tùm cười một mình. Nhìn thị ngồi ngay giữa nhà, đến bây giờ hấn vẫn còn ngờ

ngợ như không phải thế. Ra hấn đã có vợ rồi đấy ư? Hà ! Việc xảy ra thật hấn cũng không ngờ, hấn cũng chỉ tầm phơ tầm phào(7) đâu có hai bận ấy thế mà thành vợ thành chồng...

ít lâu nay hấn xe thóc Liên đoàn (8) lên tỉnh. Mỗi bận qua cửa nhà kho lại thấy mấy chị con gái ngồi vêu ra ở đây. Hấn đoán họ ngồi đấy nhặt hạt rơi vãi, hay ai có công việc gì gọi đến thì làm. Một lần hấn đang gò lưng kéo cái xe bò thóc vào dốc tỉnh, hấn hò một câu chơi cho đỡ nhọc. Hấn hò rằng:

"Muốn ăn cơm trắng mấy giò này!

Lại đây mà đẩy xe bò với anh, nì!"

Chủ tâm hấn cũng chẳng có ý chòng ghẹo cô nào, nhưng mấy cô gái lại cứ đẩy vai cô ả này ra với hấn, cười như nắc nẻ:

- Kia anh ấy gọi! Có muốn ăn cơm trắng mấy giò thì ra đẩy xe bò với anh ấy!

Thị cong cớn:

- Có khối cơm trắng mấy giò đấy! Này, nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy?

Tràng ngoái cổ lại vuốt mồ hôi trên mặt cười:

- Thật đấy, có đấy thì ra mau lên!

Thị vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng.

- Đã thật thì đẩy chứ sợ gì, dằng ấy nhỉ ! - Thị liếc mắt, cười tít.

Tràng thích lắm. Từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chưa có người con gái nào cười với hấn tình tứ như thế.

Lần thứ hai, Tràng vừa trả hàng xong, ngồi uống nước ở ngoài cổng chợ tỉnh thì thị ở đâu sầm sập chạy đến. Thị đứng trước mặt hấn sững sĩa nói:

- Điều ! Người thế mà điều !

Hấn giương mắt nhìn thị, không hiểu. Thật ra lúc ấy hấn cũng chưa nhận ra thị là ai. Hôm nay thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đĩa, thị gầy sọp hấn đi, trên cái khuôn mặt lười cày xám xịt chỉ

còn thấy hai con mắt.

- Hôm ấy leo lẻo cái mồm hện xuống, thế mà mắt mặt.

à, hấn nhớ ra rồi, hấn toét miệng cười:

- Chả hôm ấy thì hôm nay vậy. Nay hăng ngồi xuống ăn miếng giàu đã.

- Có ăn gì thì ăn, chả ăn giàu.

Thị vẫn đứng cong cớn trước mặt hắn.

- Đây, muốn ăn gì thì ăn.

Hắn vỗ vỗ vào túi:

- Rích bố cu(9), hờ!

Hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên, thị đơn đả:

- ăn thật nhá! ừ ăn thì ăn sợ gì.

Thế là thị ngồi sà xuống ăn thật. Thị cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. ăn xong thị cầm dĩa quệt ngang miệng, thờ:

- Hà, ngon! Về chị ấy thấy hụt tiền thì bỏ bố.

Hắn cười:

- Làm đếch gì có vợ. Nay nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về.

Nói thế Tràng cũng tưởng là nói đùa, ai ngờ thị về thật. Mới đầu anh chàng cũng chợn(10), nghĩ: thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bong(11).

Sau không

biết nghĩ thế nào hắn chắc lười một cái:

- Chắc, kệ!

Hôm ấy hắn đưa thị vào chợ tỉnh bỏ tiền ra mua cho thị cái thúng con đựng vài thứ lặt vặt và ra hàng cơm đánh một bữa thật no nê rồi cùng đẩy xe bò về...

Tràng chợt đứng dừng lại, lắng tai nghe. Ngoài ngõ có tiếng người húng hắng ho, một bà lão từ ngoài rặng tre lọng khọng đi vào ngõ. Bà lão vừa đi vừa lẩm bẫm tính toán gì trong miệng.

Thấy mẹ, Tràng reo lên như một đứa trẻ, và gọi với vào trong nhà:

- U đã về đấy!

Hắn lật đật chạy ra đón:

- Hôm nay sao u về muộn thế ! Làm tôi đợi nóng cả ruột. Bà cụ Tứ nhấp nháy hai con mắt nhìn

Tràng, chậm chạp hỏi:

- Có việc gì thế vậy?

- Thì u hăng cứ vào trong nhà đã nào.

Bà lão phấp phồng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục mà. Ai thế nhỉ? Bà lão háp háp cặp mắt cho đỡ nhoèn vì tự dưng bà lão thấy mắt mình nhoèn ra thì phải. Bà lão nhìn kỹ người đàn bà lẩn nữa, vẫn chưa nhận ra người nào. Bà lão quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu.

Tràng tươi cười:

- Thì u hăng vào ngồi lên giường lên điếc chính chện cái đã nào.

Bà lão lập cập bước vào. Người đàn bà tưởng bà lão già cả, điếc lác, thị cất tiếng chào lần nữa:

- U đã về ạ!

Ô hay, thế là thế nào nhỉ? Bà lão băn khoăn ngồi xuống giường.

Tràng nhắc mẹ:

- Kia nhà tôi nó chào u.

Thấy mẹ vẫn chưa hiểu, hắn bước lại gần nói tiếp:

- Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ! chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau... Chẳng qua nó cũng là cái số cả...

Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỏ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?

Bà lão khẽ thở dài đứng lên, dăm dăm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ: Người ta có gặp bước khó khăn, đời khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bần phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn này(12) thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giờ bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được?

Bà lão khẽ dặng háng một tiếng, nhẹ nhàng nói với "nàng dâu mới":

- Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...

Tràng thờ đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi. Hấn ho khẽ một tiếng, bước từng bước dài ra sân. Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời:

- Nhà ta nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giờ cho khá... Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau.

Bà lão dăm dăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối. Mùi đốt đồng rấm(13) ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt. Bà lão thở nhẹ ra một hơi dài. Bà lão nghĩ

đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài đằng đặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không?...

- Con ngồi xuống đây. Ngồi xuống đây cho đỡ mỏi chân.

Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi. người đàn bà khẽ nhúc nhích, thị vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ. Bà lão hạ thấp giọng xuống thân mật:

- Kể có ra làm được dăm ba mâm thì phải đấy, nhưng nhà mình nghèo, cũng chả ai người ta chấp nhận chỉ cái lúc này. Cố gắng làm sao chúng mày hòa thuận là u mừng rồi. Năm nay thì đời to đấy.

Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...

Bà cụ nghẹn lời không nói được nữa, nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng. Tràng đứng ngoài thấy vậy, hấn bực mình quá hằm hằm bước vào trong nhà, đánh diêm đốt đèn. Thấy sáng, bà lão vội vàng lau nước mắt ngừng lên:

- Có đèn đây à? Ừ thấp lên một tí cho sáng sửa... Dầu bây giờ đất gớm lên ấy mày ạ.

Bà lão đứng dậy uể oải sang giường bên kia nằm. Tràng làu bàu trong miệng: "Chán quá, chẳng đâu vào đâu tự nhiên cũng khóc!"

Tiếng bà cụ Tứ bên kia nói với sang:

- Hôm nào nghỉ ở nhà kiếm lấy ít nữa về đan cái phen mà ngăn ra mày ạ.

- Vâng.

Tràng ngoan ngoãn đáp lời mẹ. Hấn toan quay lại bảo thị cởi áo đi nằm, nhưng thấy thị ngồi bần thần dưới chân giường tự nhiên hấn lại không dám. Hấn lẳng lặng ngồi xuống cái ghế bên cạnh, cả hai cùng sượng sùng chẳng biết nói gì. ánh đèn vàng

đục ở góc nhà tỏa ra ấm áp và kéo dài hai cái bóng trên vách. Bên ngoài gió từ mặt sông thổi lên rì rào như tiếng người thầm thì nói chuyện. Giữa sự im lặng của đôi vợ chồng mới, có tiếng ai hờ khóc(14) ngoài xóm lọt vào tỉ tê lúc to lúc nhỏ. Người đàn bà bỗng thở dài. Tràng quay lại khẽ hỏi:

- Buồn à?

- Không.

- Gớm sao lúc này nói chuyện dai thế, đời sót cả ruột.

Thị lờm hấn không trả lời. Hấn xích lại cười cười:

- Thôi khuya rồi đấy, ngủ đi.

Thị giơ tay củng vào trán hấn:

- Chỉ được cái thế là nhanh. Dơ!

Hấn cười khi khi, vươn cổ thổi tắt phụt ngọn đèn. Trong đêm khuya tiếng hờ khóc tỉ tê nghe càng rõ...

Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay hắn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hắn chắp hai tay sau lưng lững lững bước ra sân. ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa xói vào hai con mắt còn cay xè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mười niên (15) ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước (16) vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ắp. Đống rác mùn tung hoành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang cúi húi giẫy những bụi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng bảo nàng dâu:

-Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.

-Vâng.

Người đàn bà lẳng lặng đi vào trong bếp. Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát chỏng lỏn(17) như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Không biết có phải vì mới làm dâu mà thị tu chí làm ăn không? Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm xắn(18) thu dọn, quét tước nhà cửa. Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nề nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn.

Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà đều ăn rất ngon lành. Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này:

-Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tin rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...

Tràng chỉ vâng. Tràng vâng rất ngoan ngoãn. Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại đầm ấm, hòa hợp như thế. Câu chuyện trong bữa ăn đang đà vui bỗng ngừng lại. Niều cháo lỏng bồng, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn.

Bà lão đặt đĩa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ:

-Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ.

Bà lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bưng ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt cơm, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười:

-Chè đây. - Bà lão múc ra một bát - Chè khoán(19) đây, ngon đáo để cơ.

Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng. Tràng cầm cái bát thử hai mẹ đưa cho, người mẹ vẫn tươi cười, đon đả:

-Cám đấy mày ạ, hi. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khỏi nhà còn chả có cám mà ăn đấy.

Tràng cầm đôi đũa, gọt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hắn chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cầm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.

Ngoài đình bỗng dội lên một hồi trống, dồn dập, vội vã. Đàn quạ trên những cây gạo cao chót vót ngoài bãi chợ hốt hoảng bay vù lên, lượn thành từng đám bay vùn trên nền trời như những

đám mây đen.

Người con dâu khẽ thở dài, thị nói lí nhí trong miệng:

-Trống gì đấy, u nhỉ?

-Trống thúc thuế đấy. Đàng thì nó bắt gồng đay, đàng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống qua được đâu các con ạ... - Bà lão ngoảnh vội ra ngoài. Bà lão không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc.

Người con dâu có vẻ lạ lắm, thị làm bằm:

- ở đây vẫn phải đóng thuế cơ à?

Im lặng một lúc thị lại tiếp:

-Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật, chia cho người đói nữa đấy.

Tràng thần mặt ra nghĩ ngợi. Cái mặt to lớn bặm lại, khó dăm dăm. Miếng cám ngậm trong miệng hần đã bã ra chất xít... Hần đang nghĩ đến những người phá kho thóc Nhật.

Tràng hỏi vội trong miếng ăn:

-Việt Minh phải không?

-Ừ, sao nhà biết?

Tràng không trả lời. Trong ý nghĩ của hần vụt hiện ra cảnh những người nghèo đói âm âm kéo nhau đi trên đê Sộp. Đàng trước có lá cờ đỏ to lắm.

Hôm ấy hần lảng máng nghe người ta nói họ là Việt Minh đấy. Họ đi cướp thóc đấy. Tràng không hiểu gì sợ quá, kéo vội xe thóc của Liên đoàn tắt cánh động đi lối khác.

à ra họ đi phá kho thóc chia cho người đói. Tự dưng hần thấy ân hận, tiếc rẻ vẫn vợ, khó hiểu.

Ngoài đình tiếng trống thúc thuế vẫn dồn dập. Mẹ và vợ Tràng đã buông đũa đứng dậy.

Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...

---

(1) Lúc chạng vạng mặt người: Lúc chiều muộn, nhìn không rõ mặt người.

(2) Ngụ cư: người quê ở nơi khác đến ngụ trú ngụ.

(3) Tàng: cũ

(4) Đội chiếu: Lấy cái chiếu, cuộn lại, buộc túm một đầu, chụp lấy đầu và cuộn quanh người mà đi để chống rét. Đây là hình ảnh rất phổ biến ở miền Bắc nước ta thời kỳ có nạn đói khủng khiếp giết hại hơn hai triệu người vào mùa đông 1944 và mùa xuân 1945.

(5) Còn mỗ ma ông cụ Tứ: lúc cụ Tứ còn sống.

(6) Tư lự: suy nghĩ và lo lắng.

(7) Chỉ tầm phơ tầm phào: chỉ nói chơi, nói đùa.

(8) Thóc liên đoàn: Liên đoàn là một tổ chức chuyên thu mua thóc cho Nhật hồi trước Cách mạng Tháng Tám 1945.

(9) Rích bố cu: tiền nhiều lắm (Tiếng Pháp phát âm theo lối bình dân).

(10) Chợn: sợ.

(11) Đèo bòng: mang thêm, vướng bận thêm vào một cái gì khó gỡ ra được. "Vi cam cho quýt đèo bòng. Vì em nhan sắc nên lòng nhớ thương..." (Ca dao). "Đôi ta chút nghĩa đèo bòng. Đến nhà, trước liệu nói sòng cho mình" (Truyện Kiều).

(12) Tao đoạn này: Thời buổi này, giai đoạn này.

(13) Đốt đồng rằm: đốt cháy âm ỉ (thường là một đồng chấu) cốt có khói để xoa bớt tử khí.

(14) Hờ khóc: khóc to, vừa khóc vừa kể lể.

(15) Khươn mười niên: rất lâu rồi.

(16) Cái ang nước: dụng cụ đựng nước bằng gốm, thân tròn, miệng rộng giống như cái vại.

(17) Chông lòn: nói năng đanh đá, xúc xược; trái nghĩa với dịu dàng, lễ phép.

(18) Xăm xắn: mau mắn, hăng hái.

(19) Chè khoán: một thứ chè ngon nấu bằng đỗ xanh đãi sạch vỏ, nấu nhuyễn và đặc, đổ ra đĩa và cắt thành từng miếng. Có lẽ đây là tiếng địa phương vùng quê tác giả (giống như chè khó ở nơi khác).

## Kim Lân - Lặng nằm xuống khi đôi chân đã mỏi Lưu Hà

*Kim Lân ra đi vào một ngày Hà Nội oi bức và ngột ngạt. Trái tim trong sáng yêu thương nhẹ nhàng ngừng đập để thân hình nhỏ bé và nụ cười hồn hậu thanh thản trôi vào giấc ngủ dài. Bạn bè và hậu thế, biết bệnh tình của ông, đã chuẩn bị tâm thế cho một cuộc chia tay vĩnh viễn. Dầu không bị đường đột nhưng mất mát quá lớn vẫn khiến họ sững sờ. Dưới đây là chia sẻ của các nhà văn về những kỷ niệm vui buồn với Kim Lân.*



### Cụ tinh tường, giỏi quan sát và ưa chiêm nghiệm Bảo Sinh

Những năm gần đây, tôi không có điều kiện tiếp xúc nhiều với nhà văn Kim Lân. Nhưng vào khoảng thập kỷ 80, tôi gặp gỡ cụ vài lần, vì chúng tôi có cùng thú nuôi chó. Thật ra, lúc bấy giờ, xã hội Việt Nam còn rất khó khăn. Chúng tôi nuôi chó phần vì thú chơi và tình yêu với loài vật, phần vì còn phục vụ mục đích cải thiện kinh tế. Tôi nhớ mãi một kỷ niệm vui và xúc động về cụ Kim Lân. Một lần, đến nhà tôi chơi, cụ tâm sự rất thành thực: “Cậu làm thế nào giúp tôi. Chứ tôi viết về chó thì rất được, nhưng cứ nuôi con nào là hồng con ấy”. Thời đó có phong trào nuôi chó Nhật. Quả thực, loài này khó nuôi, hễ nó nhức đầu, sổ mũi thì chủ nó cũng phải đau đầu, sốt ruột.

Mà Kim Lân viết hay về chó là điều dễ hiểu thôi. Con người cụ rất tinh tường, rất hòa đồng với thiên nhiên và loài vật, cụ giỏi quan sát và ưa chiêm nghiệm. Mỗi lần nghe cụ nói chuyện, tôi ấn tượng mãi với gương mặt hóm hỉnh, đầy cảm xúc và rất đổi thân thiện của cụ.

### Trong đám nhà văn, ít ai có được duyên kể chuyện như Kim Lân Hoàng Cầm

Kim Lân chỉ học đến bậc tiểu học nhưng rất thông minh và có trí nhớ tuyệt vời. Mà ông lại còn có duyên kể chuyện nữa. Ông kể rất hóm hỉnh, từ chuyện sử Tàu, sử ta đến những thú chơi đồng ruộng như chơi gà, chơi chim... Bạn bè cùng lứa cùng tác rất thích nghe ông tán chuyện. Mà ở đâu có ông, ở đó có chuyện để nghe và có cái để cười. Trong đám nhà văn, tôi thấy ít ai

có được cái tài đó. Hồi cải cách ruộng đất, Kim Lân có làm đội phó hay đội viên gì đó. Mỗi bận đi làm về, chỉ cần nghe ông kể chuyện, người ở nhà cũng có thể viết được cả cuốn tiểu thuyết. Vì ông dí dỏm, mắt mũi tay chân diễn đạt sống động lắm.

Tôi và Kim Lân không ở cùng làng, cùng tỉnh. Tôi dân Bắc Giang còn Kim Lân người làng Phù Lưu, Bắc Ninh, nhưng chúng tôi rất quý nhau, vì hai anh em có cùng niềm đam mê đóng phim và diễn kịch. Mà ở phương diện này, ông ấy là bậc kỳ tài. Kim Lân làm diễn viên sáng tạo lắm chứ không rập khuôn theo một lối nào cả. Tôi nhớ nhất cái lần ông tham gia vở hài kịch *Cái tử chề* của Vũ Trọng Can. Vở kịch kể chuyện một ông nhà giàu rất mê tử chề. Nên khi kén rể cho đứa con gái xinh đẹp, ông cũng đòi lễ vật là cái tử chề. Rồi có hai chàng trai đến cầu hôn: Kim Lân đóng anh chàng nhà quê Cả Khiết, còn ông Trần Hoạt đóng vai ông Ký Phong... Chuyện chỉ có thể nhưng họ diễn hay đến nỗi người dân Bắc Giang cười nghiêng ngả, đến đổ cả rạp. Tất nhiên, hồi đó chỉ có rạp tranh nữa chứ không phải bê tông cốt thép như bây giờ. Ngay đến cả tôi, từng nằm chuyện trò với ông, từng quen thuộc với từng cử chỉ của ông cũng phải cười lăn ra. Đến bây giờ, nếu dựng lại vở đấy, chắc cũng không ai vượt qua được Kim Lân và Trần Hoạt.

Hồi năm 1946, tôi và Kim Lân cùng tham gia vở *Kiều Loan*. Kim Lân vào vai một ông già say rượu. Lúc tập thì bình thường lắm. Kim Lân ngồi sẵn trên sân khấu, trong một quán rượu, miệng uống, tay chân làm vài động tác của người say. Nhưng khi diễn thật, ông khiến chúng tôi vô cùng ngạc nhiên. Từ trong hậu trường, ông lao đảo đi ra, quay mông lại với khán giả. Nhân vật chưa phải nói một lời thoại nào, nhưng cái dáng điệu lẻo khoẻo và những cử chỉ bất cần của ông khiến người xem vỗ tay phải đến 2 phút. Khán giả kịch hồi đó tinh lắm. Sự sáng tạo của Kim Lân diễn tả rất tinh tế tâm trạng của một ông già trí thức, ngán ngẩm và quay lưng hoàn toàn với cuộc đời. Tôi phục và quý ông từ đó.

### **Kim Lân cầu toàn nên lắm trần trờ Trung Trung Đình**

Kim Lân là nhà văn viết ít. Ông có một sự nghiệp "quý hồ tinh bất quý hồ đa". Nhưng gần Kim Lân mới biết, ông vẫn luôn dằn vặt, trần trờ vì cái sự viết ít của mình. Ông cầu toàn lắm và luôn muốn được đóng góp nhiều hơn trong văn học. Một lần hai ông con tôi đi chơi Buôn Mê Thuột. Đến tận cái nơi xa lắc đấy mà người ta vẫn biết ông. Họ gọi ông là Lão Hạc. Tôi chắc mắt nhà văn phải hạnh phúc lắm. Nhưng khi về đến khách sạn, ông nằm vật ra, than: "Chán, chán mớ đời". Hỏi tại sao, ông bảo: "Có đóng phim, người ta mới biết đến mình. Còn mấy cái truyện ngắn, chắc chả ai để ý". Tôi nhắc: "Nhưng cũng có nhiều người nói đến truyện của ông đấy thôi". Ông thở hắt ra: "Úi dào, đấy là mấy cô giáo. Có vài cái truyện giảng đi giảng lại trong sách giáo khoa, sao lại không biết".

Trong cuộc sống riêng, Kim Lân là người rất xuề xòa, tuế tóa, nhưng ông lại rất kỹ, rất nghiêm túc trước những vấn đề về văn hóa và đạo đức. Đặc biệt, Kim Lân là người rất khắt khe với bản thân mình.

Những năm gần đây, ông yếu đi nhiều. Bệnh tật khiến cho ông lắm lúc cũng trầm lại. Nhưng cơ bản, ông vẫn là người lạc quan, hay đùa cợt cái sự ốm đi ốm lại của mình. Chỉ có điều, ông sốt ruột vì phải mất thời gian chống chọi với bệnh tật. Ông áp ủ viết nhiều thứ nữa, kể đi kể lại những cốt truyện đã dự định từ lâu nhưng tuổi tác, sức khỏe đã không cho phép ông hoàn thành chúng.

## Thành tựu chính của Kim Lân vẫn là văn học Hữu Thủ

Kim Lân là một trong những nhà văn xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại. Sở trường của ông là truyện ngắn, với đề tài quen thuộc là nông thôn và đồng quê. Ông viết về những người nông dân lao động thuần khiết, thô mộc nhưng rất giàu tình nghĩa và biết quý trọng đạo lý làm người.

Kim Lân cũng là một nhà văn sớm tham gia xây dựng nền văn hóa cứu quốc và có đóng góp lớn cho văn học cách mạng. Sau này, ông lại dành nhiều thời gian đào tạo, dìu dắt các nhà văn thế hệ trẻ ở Trường viết văn Quảng Bá. Ông viết báo, diễn kịch và vẽ... Nói chung, ở lĩnh vực nào, Kim Lân cũng tỏ rõ mình là một con người tài hoa, thông minh và tinh tế. Nhưng dù sao, thành tựu chính trong cuộc đời Kim Lân vẫn là văn học.

Tôi có khá nhiều kỷ niệm với Kim Lân, vì khi làm Trưởng ban nhà văn trẻ, tôi hay kéo ông đi hết nơi này nơi khác. Nhưng sức khỏe ông yếu, nên nhiều bận làm tôi lo đứng tim. Một lần, trên đường từ Cao Bằng về Hà Nội, do đường xấu, hành trình lại dài nên ông say xe, nôn khúng khiếp và nằm lả đi. Lần đó, tôi lo lắng vô cùng...

### Kim Lân

#### - Tô Hoài

- (...trích *Cát Bụi Chân Ai*)

Kháng chiến, Nguyễn Hồng và Kim Lân đưa gia đình tản cư lên ấp Cầu Đen trên Nhã Nam. Các họa sĩ Trần Văn Cẩn, Tạ Thúc Bình, cả nhà bác Ngô Tất Tố cũng lên quây quần trên cái đồi thấp bấy giờ còn hoang vắng. Những vùng ở Xuân Láng (Phú Thọ) hay Quần Tín (Thanh Hoá) cũng tụ hội lại những làng văn nghệ sĩ kháng chiến. Nghe kể họa sĩ Trần Văn Cẩn được xã cấp cả ruộng, anh đi cày đã thạo. Tên cúng cơm ấp Cầu Đen, Nguyễn Hồng đặt lại là ấp Đồi Cháy.

Lại trước đây, sau đây, truyện ngắn *Ông lão hàng xóm* của Kim Lân nghi ngờ thành tựu cải cách ruộng đất, những bài bút ký yếu đuối tinh thần đấu tranh thống nhất, như Thao thức của Đoàn Giỏi, Một ngày chủ nhật của Nguyễn Huy Tưởng (\*) (\*Trong Nhà văn Việt Nam hiện đại in năm 1992, kỷ yếu kỷ niệm 35 năm thành lập Hội Nhà Văn (1957-1992), tuần báo Văn xuất bản 1957/1958 không được nêu tên kể tên là tờ báo đầu tiên của Hội Nhà Văn Việt Nam)

Nhân Văn vẫn sờ sờ ra đây, chứ đâu. Những người đã đánh Nhân Văn vừa qua khăng định thế, cộng với những rì rào sang tai nhau, không khí nặng nề, ngao ngán, triền miên, thường hiện ra ở những chỗ này. Cái chuyện nuôi ông ba mươi trong nhà, cụ thân sinh ra Nguyễn Hồng nghe được ở đâu từ đời thuở nào. Người đọc tha hồ nghi, nhưng mà sáng tác không có ước ao được người đọc nghĩ ra mệnh mệnh thì cầm bút để làm gì? Một vòng người họp tổ, như các cụ trong làng ngày trước ngồi xếp bằng quanh chiếu tổ tôm. Những lời đao búa truy dồn. Thế là Nguyễn Hồng khùng lên, khóc oà.

Năm trước đã nghiên cứu cả tháng rồi, bây giờ báo Văn lại sa vào hữu khuynh tệ hại như thế. Báo Văn phải ngừng xuất bản. Hội nghị bất thường Hội Nhà Văn - nhiệm kỳ mở đầu ngoi ngoóp được hơn một năm, tất cả các cơ quan của Hội được chấn chỉnh lại, tuần báo Văn của Hội thay người phụ trách và đổi tên mới là tuần báo Văn Học. Chuẩn bị cho đại hội bất thường, nhờ địa điểm trường tuyên giáo dưới ấp Thái Hà, làm một cuộc thảo luận và kiểm điểm dài ngày. Cái tổ 18 của chúng tôi có Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Hồng, Nguyễn Công Hoan, Kim Lân... với một số nhà văn vững vàng làm nòng cốt. Trêu người ai, Kim Lân lại mới in truyện ngắn *Con chó xấu xí*. Con chó cũng như con hổ hiền lành, không ai tin con chó chỉ là con chó, lại xấu xí nữa, có khi tác giả ám chỉ con người nào cũng nên. Nguyễn Huy Tưởng đã về làm nhà xuất



bản Kim Đồng. Đương bị toi bời kiểm tra nhau mấy cái bản thảo, trong có một truyện đồng thoại ao cá ao rùa chi chi đó của Sao Mai - lại con cá, con rùa, con ba ba, lắm con quá. Cũng chẳng ai bảo đảm người vào tổ 18 ấy là một bọn hay một cánh, nhưng cứ ang áng biết thế, và cái kiểu hiểu như bên Trung Quốc kiểm thảo nhóm Đinh Linh đã xuất hiện cụm từ đầu mày cuối mắt thì dù chẳng nói một câu, cũng là cánh, cũng cho được vào xiếc một bọn rồi.

Ngổn ngang tâm sự và tâm trạng chua chát, mỉa mai, lại hài hước. Có người quen thân, có người chỉ sơ sơ, bây giờ moi móc những việc, những lời đã nói, bắt kể nói lúc nghiêm trang hay khi vui chén bông đùa, được dẫn chứng bằng cứ ra, phân tích cho nhau rõ ranh giới địch ta. Chỉ Nguyễn Tuân mới nhớ lâu và để bụng những câu góp ý ấy. Có những người rồi Nguyễn Tuân không bao giờ dàn mặt nữa. Đến lượt, ai cũng phải suốt buổi ngồi chịu trận nghe cả tổ mắng xa xả, vi vút. Kim Lân kể dạo ở trên chợ Chu, trong một cuộc kiểm điểm, Ngô Tất Tố bị một anh xưa nay bác Ngô vẫn không coi ra gì, bây giờ phải nghe anh ấy sát phạt lên lớp cho. Ngô Tất Tố quệt nước mũi vào gốc cây, sục sùi nói với Kim Lân:

- Làm người khó lắm, bác ạ.

Khổ một nỗi, có người nghe phê bình, cứ tiếp thu thun thút, còn mình hoạ thêm lỗi mình cho to ra thêm nữa. Thế mà cũng không được tin, lại bị tố cáo là hời hợt, trốn tránh. Có người bỗng thật thấy mình sai, nhận ngay cũng lại bị cho là nông cạn, con vẹt, thiếu đào sâu suy nghĩ. Đến lượt Nguyễn Hồng trình bày, lại đặt chồng báo Văn ra trước mặt, giờ từng số, vừa nói vừa ứa nước mắt. Chịu chẳng ai phân tích ra thế là kể công hay nhận tội. Tôi dự các cuộc chỉnh huấn đã nhiều, có người lo quá, cả tháng không chớp mắt, như ở báo Cứu Quốc, một cậu còn trẻ, đã vào rừng thất cổ.

Phương châm trị bệnh cứu người là ngồi nghe không được nói lại, đợi đến lúc phát biểu thì tiếp thu. Dao kéo chỉnh huấn của tôi cũng đã hăng hái mổ xẻ nhiều người lắm. Mùa đông 1951, ở rừng Chiêm Hoá, hai tháng dự lớp đầu tiên chỉnh huấn gọi là theo phương pháp Hoa Nam. Lớp ấy nòng cốt các ngành các giới và địa phương học xong về toả ra rộng khắp. Trần Dần và Tử Phác phụ trách chỉnh huấn trong văn nghệ quân đội. Đặng Đình Hưng và Lê Đạt là cán bộ trên ban tuyên nghiên huấn Trung ương về mở các lớp cho giới văn nghệ. Đoàn cán bộ giáo vụ đi học chỉnh huấn ở Hoa Nam về mặc áo bông xanh Sỹ Lâm. Lớp tôi bé mạp, một số cán bộ vượt Trường Sơn vào làm chỉnh huấn và cải cách ruộng đất trong khu Năm. Đoàn còn được lệnh vào sâu hơn, nhưng mới tới miền Đông Nam Bộ thì hiệp định Giơnevơ 1954 được ký kết.

Nửa đêm trở dậy, giữa rừng đất hàng trăm bó đuốc lên, lấp loáng bằng khẩu hiệu vải đen chữ trắng... Bộc lộ khuyết điểm... Thước đo lòng trung thành... Trời rét cắt ruột. Rừng đêm tối như mực. Con người bản thủ lỗi lầm đầy rẫy... Chưa... Chưa đủ thành khẩn, làm lại... lại làm lại. Mỗi lần làm lại, viết lại càng ngày càng áy náy lo. Cái chờ đợi được tổ thông qua cứ xa vời vợi. Chỉ có bộc lộ tội hủ hoá ngủ dậy thì cơ chừng nói ra dễ nhất, không có cũng đấm ngực bảo có, nhất là nam giới. Chết rồi còn bị khai trừ, vì tội trốn tránh. Hoạ sĩ Nguyễn Tư Nghiêm tham gia một đợt giảm tô ở Thái Nguyên. Công tác dưới xã xiết chặt phăm pháp từng buổi, từng ngày, cả đội như một đơn vị ra trận. Hai ngày bắt rể, một ngày xâu chuỗi rồi hạp rể chuỗi, rồi trưởng thôn mới ở xóm ra mắt... Đội viên giảm tô Nguyễn Tư Nghiêm loay hoay cả tuần không bắt được rể, không xâu chuỗi được một cổ nông nào. Nguyễn Tư Nghiêm hoảng quá phát đại, đi không nhớ đường về xóm. Suốt ngày vợ vẫn ngoài đồng, bắt cào cào, châu chấu ăn. Hoạ sĩ Tạ Thúc Bình được cơ quan cho xuống đoàn xin Nguyễn Tư Nghiêm về. Chưa bao giờ tôi hỏi lại xem ngày ấy Nguyễn Tư Nghiêm điên thật hay sợ phải ngồi chuồng trâu kiểm thảo đã sáng tác ra trò Vân đại ấy.

Chỉnh huấn xong ở Chiêm Hoá, về tổ chức chỉnh huấn trí thức và văn nghệ sĩ. Đặng Đình Hưng, Lê Đạt, Nguyễn Minh Tấn làm cán bộ giáo vụ chủ chốt của lớp. Anh em chúng tôi ai đợt trước chưa dự đợt ấy thì làm nốt. Tôi chỉnh huấn rồi lại dự nữa không làm giáo vụ nhưng được

làm tổ trưởng. Tổ tôi có nhiều nhân vật lạ khác nhau: Phan Khôi, Tú Mỡ, Văn Cao, Nguyễn Công Hoan, nhà triết học Trần Đức Thảo, bác sĩ Đặng Vũ Hỷ... Người khó góp ý kiến, khó đánh đổ không phải bác Phan Khôi ương bướng như tôi tưởng mà lại là Kim Lân và bác Tú Mỡ hiền lành, củ mủ, ít nói.

### “Kho ký ức” về một giai đoạn văn học cách mạng đã qua đời

14 giờ 30 chiều 20/7, nhà văn lão thành Kim Lân - tác giả truyện ngắn xuất sắc những năm đầu cách mạng, đã qua đời tại bệnh viện Hữu Nghị Hà Nội sau hơn một năm chống chọi với bệnh tật, ông hưởng dương 88 tuổi.

Nhà văn Kim Lân tên thật là Nguyễn Văn Tài, ông sinh năm 1920 ở làng Phù Lưu, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh và là một trong những cái nôi của nền văn hoá Kinh Bắc. Vì hoàn cảnh gia đình, ông chỉ được học hết tiểu học rồi sau đó phải đi làm thợ.

Nhà văn Kim Lân hoạt động trong phong trào văn hoá cứu quốc trước năm 1945, những ngày đầu cách mạng ông tham gia viết báo, viết văn rồi trở thành cây bút truyện ngắn nổi danh trong thế hệ các nhà văn tham gia kháng chiến chống Pháp. Trong kháng chiến, ông sống và công tác ở chiến khu Việt Bắc. Giải phóng thủ đô, ông và gia đình trở về Hà Nội sinh sống.

Những năm đầu hoà bình, nhà văn Kim Lân là một trong những uỷ viên đầu tiên trong Ban phụ trách Nhà xuất bản văn học. Sau đó, Kim Lân cùng nhà văn Nguyễn Hồng tham gia giảng dạy tại Trường bồi dưỡng những người viết văn trẻ, rồi công tác ở tuần báo *Văn Nghệ* và Nhà xuất bản tác phẩm mới (Hội Nhà văn Việt Nam). Ông là một trong những người sáng lập và là Uỷ viên Ban chấp hành Hội Văn nghệ Hà Nội.

Tác phẩm chính của Kim Lân đã xuất bản gồm: *Nên vợ nên chồng* (tập truyện ngắn, 1955), *Con chó xấu xí* (tập truyện ngắn, 1962); *Hiệp sĩ gỗ*, *Ông cả Ngủ*, *Tuyển tập Kim Lân* (1998, 2003). Kim Lân viết không nhiều, nhưng phải thừa nhận, những truyện ngắn của ông rất độc đáo và xuất sắc, và đã phần nào đưa ông lên hàng những nhà văn lớn nhất Việt Nam trong kháng chiến. Kim Lân đã được trao giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật, đợt 1, năm 2001. Khi trò chuyện cùng nhà văn Kim Lân, thỉnh thoảng, các nhà văn trẻ chúng tôi lại được nghe một số giai thoại thú vị về thế hệ các văn nghệ sĩ thời kỳ đầu cách mạng như: Ngô Tất Tố, Nguyễn Hồng, Nam Cao, Nguyễn Tuân, Văn Cao, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tư Nghiêm, Tạ Thúc Bình. Những năm tháng gian lao ấy, vùng áp Đồi Cháy ở Nhã Nam, Bắc Giang đã trở thành một “căn cứ địa” của văn hoá kháng chiến và không ít văn nghệ sĩ đã đưa cả gia đình tản cư lên đây theo cách mạng.

Trong những lần trò chuyện với anh em viết trẻ, nhà văn Kim Lân cho biết, ông cầm bút vì nhiều nguyên nhân ẩn ức chứa chất trước sự bất công trong đời sống xã hội nơi làng quê thời trước cách mạng. Sinh ra ở một miền quê bị trói buộc bởi nhiều hủ tục phong kiến, lại ở vào thân phận mặc cảm - con một người vợ lẽ, ngay từ thừa thiếu thời, Kim Lân đã có ý chí tự lập thân, tự vươn lên khá mạnh mẽ. Những tâm trạng ẩn ức này thể hiện khá rõ trong một số truyện ngắn đầu tay của ông.

Nhà văn Kim Lân người nhỏ nhắn, hiền lành, cởi mở và dễ gần.

Ông có duyên kể chuyện, hoạt bát và khá khôi hài. (Ảnh: Nguyễn Đình Toán)

Trong những buổi đầu đến với văn chương, Kim Lân đã gặp gỡ Nguyễn Hồng (lúc ấy đã là một nhà văn nổi tiếng), và tình bằng hữu văn chương đã gắn bó các ông suốt một thời gian dài từ trước cách mạng đến kháng chiến và sau này trong hoà bình.

Có lần tâm sự với tôi, nhà văn Kim Lân khẳng định: “Có thể nói, kể từ khi gặp Nguyễn Hồng, ý thức viết văn chuyên nghiệp của tôi mới dần dần được hình thành sáng rõ, vì thời gian trước đó, tôi viết theo cảm hứng và viết để giải tỏa những bức xúc, ẩn ức mà mình thấy cần phải cầm bút để nói. Ông Nguyễn Hồng thấy tôi cũng nghèo nghèo khổ khổ nên ông ấy cũng thích. Vào

năm đói 1945, tôi thường mang truyện ngắn đến nhờ Nguyên Hồng “bán” hộ cho các tờ báo lớn, trong đó có nhiều chuyện viết về phong tục và thú chơi của các làng quê ở xứ Kinh Bắc”. Kim Lân viết không nhiều, đa số sáng tác của ông là về nông thôn được viết trước cách mạng và trong kháng chiến như các tập truyện ngắn: *Làng, Vợ nhặt, Con chó xấu xí, Nên vợ nên chồng*... Thời gian sau này, ông viết rất ít, nhưng các truyện ngắn trước đó đã đưa ông lên hàng các tác giả tiêu biểu của nền Văn học Cách mạng Việt Nam những năm 50.

Mới đây, nhà văn Kim Lân rất mừng rỡ khi một bạn văn may mắn tìm lại được một số truyện ngắn của ông đã in trước cách mạng trên một số tờ của báo *Trung Bắc chủ nhật* và *Tiểu thuyết thứ bảy* mà ông đã quên bằng hơn nửa thế kỷ vì mất bản thảo. Trao đổi với tôi, nhà văn cứ ngỡ ngàng, xuýt xoa kêu tiếc vì không bao giờ có thể tìm lại đủ các số của 2 tờ báo nói trên trong những năm ấy.

Ông phàn nàn: “Những truyện ngắn này tôi in từ năm 1942-1945 rồi quên bằng đi mất, không nhớ rằng mình đã từng viết chúng như các truyện: *Người kếp già, Chó chết, Món đồ mừng, Người ta, Đứa con người cô đầu*... Tiếc rằng một số truyện ngắn khác cũng đã từng in mà bây giờ mất bản thảo không sao tìm lại được như: *Tông chim Cả Chuồng, Ông pháo, Chim họa mi, Chó săn, Trạng vật*. Riêng chuyện *Chó săn* được nhà văn Lan Khai khen và nhà văn Vũ Bằng viết lời đề dẫn.

Có một số truyện ngắn viết về thú chơi và phong tục làng quê, ông Vũ Bằng đổi bút danh từ Kim Lân thành Lan Kim (vì có ý muốn giữ bút danh Kim Lân cho những truyện ngắn đã nổi tiếng). Chính Vũ Bằng đã khuyên Kim Lân: “Ông viết về đời sống nghèo khổ ở nông thôn thì làm sao bằng được cụ Ngô Tất Tố. Ông hãy viết về thú chơi và phong tục nông thôn thì một mình ông “một chiếu”.

Nhà văn Kim Lân không ít lần xuýt xoa nói: “Tiếc nhất là tiếc cho Nam Cao chứ không phải là tiếc cho tôi, Nam Cao viết nhiều, in khoẻ và cũng giống như mấy nhà văn hồi ấy, ông không lưu lại báo và cũng chẳng còn bản thảo.

Đáng trí nhất là ông Nguyễn Công Hoan, khi mới về Hà Nội, được ông chủ nhà xuất bản Tân Dân ngưỡng mộ, biếu đầy đủ trọn vẹn một tập *Tiểu thuyết thứ bảy*. Nguyễn Công Hoan mừng rỡ đem báo về cất lấy những truyện ngắn của mình in trên đó, rồi sau, sơ ý bán toàn bộ số báo cũ này cho một cô hàng đồng nát mà quên mất rằng trên các số báo đó còn rất nhiều sáng tác của nhiều nhà văn đương thời cũng giống mình mất bản thảo sau kháng chiến. Lúc chợt nghĩ ra, nhà văn muốn đuổi theo cô hàng đồng nát đòi lại báo mà không kịp. Thế có nẫu ruột không chứ! Vì trên *Tiểu thuyết thứ bảy* ngày ấy còn nhiều truyện ngắn của Nam Cao mà sau này không thấy có mặt trong các tuyển tập truyện ngắn của ông”.

Còn nhớ, ngày rằm tháng giêng cách đây hai năm, chúng tôi gặp nhà văn Kim Lân ở sân Văn Miếu - Quốc Tử Giám trong dịp lễ đăng quang của *Ngày Thơ Việt Nam*. Mấy anh em nhà văn trẻ chúng tôi thường vẫn kính trọng, thân mật gọi ông là “Bố già Kim Lân”. Hôm ấy, một anh tếu táo nói: “Bố tám mấy tuổi rồi mà trông vẫn còn điển trai ra trò, khối em mê!”. Bố già Kim Lân nở một nụ cười hóm hỉnh đầy ý nhị: “Có viết nhiều, viết khoẻ được như các cậu đâu mà lăm em theo!”.

Nhà văn Kim Lân người nhỏ nhắn, hiền lành, cởi mở và dễ gần. Ông có duyên kể chuyện, hoạt bát và khá khôi hài. Trong con - người - nhà - văn của Kim Lân, cùng với sự hiểu biết sâu sắc thông tuệ là cả một kho ký ức.

Nếu được ngồi hầu chuyện “Bố già Kim Lân” thì có lẽ cánh viết trẻ nghe cả ngày không chán, vì tuy đã ở tuổi “gần đất xa trời” nhưng trí nhớ của ông là cả một kho tàng sống về một giai đoạn văn học Việt Nam trước và sau cách mạng tháng 8/1945, với nhiều gương mặt văn nghệ sĩ nổi tiếng.

Tôi vẫn thường trao đổi với họa sĩ Thành Chương (con trai cả của nhà văn Kim Lân): “Nếu cụ không viết hồi ký, không ghi chép lại những diễn biến về giai đoạn văn học ấy thì sẽ là một thiếu hụt lớn mà sau này chúng ta không cách gì bù đắp nổi”. Thành Chương cho biết, đã rất lâu nhà

văn hầu như không viết gì (hoặc không muốn viết thì đúng hơn!), dù cụ vẫn còn rất minh mẫn và luôn quan sát đời sống thế sự theo con mắt “nghiên ngẫm chiêm nghiệm” của một nhà văn. Tôi cũng đã có lần “mạo muội” hỏi nhà văn Kim Lân về chuyện này. Ông nhìn tôi, cười ý nhị và thủng thẳng: “Cái đáng viết thì đã viết rồi, còn cái không đáng viết thì viết làm gì. Viết nhiều mà nhạt thì thà không viết còn hơn, vả lại giờ cũng chỉ cho mình có thể, muốn hơn cũng không được. Viết được thì viết, không viết được thì thôi. Những cái cố gượng viết đều giả, đều khô khan, đọc lại thấy xấu hổ lắm...!”, rồi nhà văn nghiêng người với cái điệu bát, khói thuốc缭绕 lầy bầy bay lên trên gương mặt hiền hậu đầy chất hóm hình dân dã của ông.

Chợt có hôm tôi đến thăm Kim Lân, nhà văn cho biết, thời gian gần đây ông không ngủ được, cứ thao thức suốt đêm với nhiều chuyện ám ảnh, nhiều lúc cứ nói chuyện một mình, muốn thôi không nghĩ ngợi nữa cũng không được, do vậy nhà văn chợt nảy ra cái ý nghĩ viết một thiên truyện có cái tựa đề khá độc đáo *Lắm nhảm một mình trong đêm*.

Hôm ấy, khi tôi xin phép nhà văn ra về, ngoài trời mưa bụi đã lác đác bay. Thứ mưa bụi như sương, như khói chỉ có duy nhất vào tháng chạp, tháng giêng ở vùng nông thôn Bắc Bộ. Tôi chợt liên tưởng đến những truyện ngắn viết về vùng nông thôn này của nhà văn Kim Lân, nó sẽ vẫn còn mãi như thứ mưa bụi sương khói kia, làm thao thức trong ta nỗi nhớ quê mỗi độ khi xuân về.

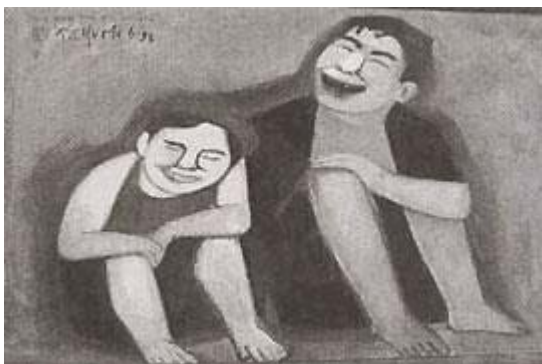
Giờ thì nhà văn Kim Lân đã từ già cõi trần bụi bặm này để đi gặp lại những bạn văn chí cốt một thửa với ông như Nguyên Hồng, Nam Cao... Và tôi cứ thao thức mãi với những lời nói tâm huyết của ông về nghề văn trước lúc đi xa: “Tôi nghĩ muốn theo đuổi nghề văn thì người viết phải là người tử tế trước đã. Dĩ nhiên, không phải hễ là người tử tế ắt hẳn viết văn hay được. Viết văn phải có tài. Cái tài đến với nhà văn rất tự nhiên, mất đi cũng rất tự nhiên.

Tôi thấy nhiều nhà văn lúc chưa biết nghề nếp tẻ ra sao, hồn nhiên, thoải mái, viết cái mình yêu, mình thích, thì viết lại rất hay, đến lúc hiểu kỹ về nghề thì viết lại tòi đi rất nhiều. Hay chẳng cái mình biết đã gò bó cái tự nhiên của mình. Những hiểu biết về nghề văn là rất cần. Nó nâng tầm nhà văn lên, nhưng nếu để nó khống chế mình, làm mất cái thiên bẩm của mình đi thì nhà văn ấy không còn là chính mình nữa”.

Gia đình nhà văn Kim Lân cho biết: Lễ viếng nhà văn Kim Lân bắt đầu từ 11 giờ - 13 giờ 30 ngày 24/7 tại Nhà tang lễ Bộ Quốc phòng số 5 Trần Thánh Tông, Hà Nội, 14 giờ linh cửu của nhà văn được đưa tới Đài hoá thân hoàn vũ.

\*\*\*

### Phụ đính :



tranh Thị Nở - Chí Phèo  
do họa sĩ Thành Chương, (bút hiệu  
Người Hà Nội) con trai nhà văn Kim Lân vẽ

## Làng

Tối nào cũng vậy, cứ đến lúc con bé lớn ông Hai thu thủ que đóm cháy lập lòe trong chiếc nón rách tất tả đi từ nhà bếp lên, và bà Hai ngồi ngây thuôn cái mặt trước đĩa đèn dầu lạc, làm bầm tính toán những tiền cua, tiền bún, tiền chuối, tiền kẹo... thì ông Hai vùng dậy, sang bên bác Thứ nói chuyện. Không hiểu sao cứ đến lúc ấy ông Hai lại thấy buồn. Nằm nghe tiếng súng dội trong đêm tối và nhất là cái tiếng rì rầm tính toán tiền nong của mụ vợ, tự nhiên ông sinh ra nghĩ ngợi vẩn vơ, nó bực dọc làm sao ấy. Mà ông, thì không thích nghĩ ngợi như thế một tý nào. Ông vốn là người hay làm, ở quê ông làm suốt ngày, không mấy lúc chịu ngồi chân ngồi tay. Không đi cày đi cuốc, không gánh phân tát nước thì ông cũng phải bày vẽ ra công việc gì để làm: đan rổ, đan rá hay chữa cái chuồng gà, cạp lại tấm liếp. Từ ngày tản cư lên đây, suốt ngày mấy bố con nhong nhóng ngồi ăn, tối đến lại nghe những tiếng rì rầm tính toán ấy, ruột gan ông cứ nóng lên như lửa đốt. Ông phải đi chơi cho khuây khỏa. Lần nào cũng như lần nào, cứ vừa nhô đầu qua cái mái lá bên gian bác Thứ là ông lão hỏi ngay:

-Thế nào, hôm nay có gì không bác? Không dội trả lời, ông lão nói luôn:

-Này Đácgiăngliơ nó lại về Pháp đấy nhé. Hừ, chơi vào! Còn là đi đi về về! Hoặc:

-Báo Cứu quốc hôm nay nghe sượng quá. Cụ Hồ đối đáp với các nhà báo ngoại quốc đâu vào đấy. Cứng rắn mà lại mềm mỏng lắm. Cụ bảo rằng thì là dân ta chỉ muốn Độc lập và Thống nhất thôi, không thì dân ta đánh đến cùng. Thật đấy, chuyện này không được Độc lập thì chết cả đi chứ sống làm gì cho nó nhục. Mà có khi nào mình lại không Thống nhất, Độc lập được hở bác? Rồi ông nói đến chuyện tản cư, chuyện Tây khùng bố, chuyện Việt gian, chuyện thổ phỉ... những chuyện ông lượm được hồi trưa, ở ngoài điểm. Cả chuyện chính trị, quân sự nữa. Ta bố trí nó thế này, ta bố trí nó thế kia. Ta chính trị nó thế này, ta chính trị nó thế khác. Rất trơn tru, rất thành thạo mà chẳng đâu vào đâu cả. Ông lão kéo dài một bên ria mép ra, tòm tòm:

-Cũng là học lỏm cả thôi đấy bác ạ... Chả là tôi cũng là phụ lão cứu quốc mà... Và cuối cùng, khi câu chuyện tin tức hàng ngày đã nhạt rồi, thì ông xoay đến chuyện cái làng của ông. Ông nói chuyện về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường. Hai con mắt ông sáng hẳn lên, cái mặt biến chuyển, hoạt động. Ông khoe làng ông có cái phòng thông tin tuyên truyền sáng sủa rộng rãi nhất vùng, chòi phát thanh thì cao bằng ngọn tre, chiều chiều loa gọi cả làng đều nghe thấy. Ông khoe làng ông nhà ngói san sát, sầm uất như tỉnh.

Đường trong làng toàn lát đá xanh, trời mưa trời gió tha hồ đi khắp đầu làng cuối xóm, bùn không dính đến gót chân. Tháng năm ngày mười phơi rơm, phơi thóc thì tốt thượng hạng, không có lấy một hạt thóc đất. Ông Hai vẫn có tính khoe làng như thế xưa nay. Hồi còn đế quốc Pháp, mỗi bận đi đâu xa, khoe làng ông chỉ khoe cái sinh phần của viên tổng đốc làng ông. Ông có vẻ hãnh diện cho làng có được cái sinh phần ấy lắm: "Chết! Chết, tôi chưa thấy cái dinh cơ nào mà lại được như cái dinh cơ cụ thượng làng tôi.

Có lắm lắm là cửa. Vườn hoa, cây cảnh nom như động ấy. Thấy bảo còn hơn cái lăng cụ thiếu(\*) Hà Đông nhiều cơ mà!" Mỗi bận có khách bên họ ngoại ở dưới tỉnh Nam lên chơi, thế nào ông lão cũng phải dắt ra xem lăng cho kỳ được. Ông mê man giảng giải cho họ: cái tượng đá này là ông Hoàng Thạch Công đánh rơi giày. Những người bằng sứ kia là bát tiên quá hải. Cái ông đắp bằng xi măng lù lù ở giữa hồ bát giác kia là là... lấy kiểu tận xa lắm, đâu như tận bên chùa Đệ Thích. Còn như cái cọc sắt nhọn hoắt cắm vào cái bầu rượu có đắp bốn con giới quét vôi vàng mãi tít trên ngọn sinh phần kia là máy thu lôi. Khiếp lắm! Sấm sét là thu tất cả vào

trong ấy.

-Chả nguyên là "cụ tôi" phòng sau này nằm xuống bất hạnh sét có đánh phải cũng không việc gì mà. Xem! Trí lực của người ta có khiếp không?

Ông lão vừa nói vừa nhìn vào cái bộ mặt lì xì của người bà con họ bên ngoài giãn ra vì kinh ngạc ấy mà ông lão hả hê cả lòng. Ông thấy cái lảng tẩm ấy một phần như có ông. Nhưng từ ngày khởi nghĩa thì người ta không còn thấy ông đá động gì đến cái lảng ấy nữa. Ông đã bảo ông thù nó cơ mà. Cái lảng ấy nó làm khổ ông, nó còn làm khổ bao nhiêu người làng này nữa. Xây cái lảng ấy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó. Có người ốm, có người chết, có người làm mấy tháng trời không được đồng công nào. Cái chân ông đi khắp khểnh bây giờ cũng vì cái lảng ấy. Ông bị một chông gạch đổ vào bại một bên hông. Bây giờ khoe làng, ông lão lại khoe khác. Ông khoe những ngày khởi nghĩa dồn dập ở làng, mà ông gia nhập phong trào từ thời kỳ còn bóng tối. Những buổi tập quân sự. Cả giới phụ lão có cụ râu tóc bạc phơ cũng vác gậy đi tập một hai.

Mỗi lần hô động tác, anh huấn luyện viên lại phải đệm tiếng ạ... thườn thợt đằng sau: "Nghiêm ạ!... Nghĩ ạ!... Vác súng lên vai ạ!...". Nhất là những hố, những ụ, những giao thông hào của làng ông thì làm công trình không để đâu hết. Ông lão kể rành rọt từng cái một. Cái thì đắp ở đầu xóm Ba Khu, cái thì xây ở Ngõ Mái, cái thì xẻ thông từ đầu phố trên đến tận đầu phố dưới. Cửa mạch nhà nào cũng đục, có thể đi suốt làng không phải ra đến đường cái. Cũng có khi ông lão lại ngậm ngùi kể lại những chuyện ngày xưa ngày xưa nào không biết, ông bị bọn hương lý trong làng truất ngôi trừ ngoại xiêu dạt đi, lang thang hết nơi này đến nơi khác, lần mò vào đến tận đất Sài Gòn, Chợ Lớn kiếm ăn. Ba chìm bảy nổi mười mấy năm trời mới lại được trở về quê hương bản quán. Cứ như vậy, suốt cả buổi tối, ông lão ngồi vén quần lên tận bẹn trên chiếc chõng tre nhà bác Thứ mà nói liên miên hết cái đường xóm kia tốt, cái giếng xóm kia trong với những chuyện đầu chuyện đầu về cái làng của ông lão, làm như bác Thứ cũng quen biết và bận tâm đến những thứ ấy lắm. Thực ra ông lão chỉ nói cho sướng miệng và đỡ nhớ cái làng của ông chứ cũng chẳng chú ý gì đến người nghe có thích nghe lắm không. Đôi khi thấy mình mãi nói quá, mà bác Thứ hình như lơ đãng những đâu đâu, ông lão lại nhắc:

-Cậu vẫn nghe đấy chứ? Thì bác Thứ giật mình, trả lời vội vàng:

-Có! Có! Tôi vẫn nghe đây, ông kể nốt đi... Thế là ông lão lại kể. Nhưng cũng có nhiều bận đang ngồi nói mãi mê như vậy bỗng dưng ông ngắc lại, mặt ông thản ra, ông nghĩ ngợi một lúc lâu rồi thủ thỉ:

-Chuyến này bước chân ra đi... Năm năm, ba năm hay mười mười lăm năm, không biết có còn về được đến làng đến nước nữa không đây. Ông lão im lặng, thờ dài:

-Nó chết một cái nhà tôi neo người quá, phải đi, chứ những như một mình tôi, thì tôi ở lại làng với anh em cơ đấy. Quê cha đất tổ một lúc rút ruột bỏ đi làm gì mà không đau xót hả bác?...

\* \* \*

Thực tình ông Hai không muốn tản cư lên trên này một tí nào. Trong làng còn có một số anh em ở lại, họ quây quần với nhau khoảng chừng năm, sáu nóc nhà giữa làng. Ngày ngày cùng anh em đi đào đường đắp ụ, công việc bề bộn, ông chẳng còn kịp nghĩ gì đến vợ con, nhà cửa nữa. Năm bảy lần bà Hai nhắc về thúc phải lên ngay, ông chỉ nhả mặt kêu: "Công việc đang như lửa đốt thế này đã lên thế nào được". Hôm bà Hai về đón, ông lão lại toan không đi. Ông nghĩ: mình sinh sống ở cái làng này từ tấm bé đến giờ. Ông cha cụ kỵ mình xưa kia cũng sinh

sống ở cái làng này đã từ bao nhiêu đời nay rồi. Bây giờ gặp phải cái lúc hữu sự như thế này mình lại đâm đầu bỏ đi còn ra thế nào nữa. Công việc là công việc chung chứ của riêng mình ai? ông lão bảo vợ:

-Tôi thì tôi không đi được đâu. Mẹ con mày trên ấy liệu bảo nhau xoay xỏa mà làm ăn. ở nhà rồi tôi cũng cố cày cấy, thêm thất vào tôi gửi lên cho, tản cư thì cũng phải thiếu thốn một tý chứ, lại như ngày trước thì có đâu. Nhưng bà Hai khóc lóc, bà năn nỉ bắt ông phải đi, bà bảo:

-Thế ông định bỏ mẹ con tôi chết đói à? ông phải lên trông nom chúng nó cho tôi xoay xỏa chứ. Rồi bà khẩn khoản nói với mọi người, khẩn khoản với đồng chí thôn đội trưởng, mọi người đồng ý để ông Hai đi, ông Hai đành phải nghe theo. ông buồn khổ lắm, nhưng cũng không biết làm thế nào. Tình cảnh mẹ con chúng nó quả là có gieo neo thật. Một nách ba đứa con dại, vốn liếng lại chẳng có, cứ nhong nhóng ôm con ở nhà thì lấy gì mà ăn? Nhà có người đàn ông nó như nhà có nóc ấy. ông lên rồi làm thuê làm mướn thêm cặp vào cũng đỡ vực được ít nhiều. "Thôi thì chẳng ở lại làng cùng anh em được, thì tản cư ầu cũng là kháng chiến". ...

Những ngày đầu ở trên này công việc không có, trong người ông lão lúc nào cũng bực bội. ông ít nói, ít cười, cái mặt lúc nào cũng lăm lăm. Xin được miếng đất sau nhà, ông hậm hụi cuốc xới suốt ngày, vừa được mấy luống rau cải, bèn chân thì đàn gà nhà chủ ra vật trụi tiệt. ông lão cáu lắm. Không thể cáu được với ai ông quay ra cáu với vợ con. Hơi một tý là gắt, hơi một tý là chửi, lắm khi chuyện chẳng đâu vào đâu, ông cũng khơi ra cho to để gây sự. "Chúng mày làm khổ ông! Chúng mày làm khổ ông vừa vừa chứ! ông thì giết hết, ông thì giết hết!". Mỗi lần ông lão bước chân ra khỏi cái gian nhà tối thấp bề bộn những bồ, bị, nôi, niêu, và những dây quần áo ẩm sì ấy là mặt ông lão nhẹ nhõm, tươi tỉnh hẳn lên.

Sao mà ông lão sợ cái gian nhà ấy thế! Nhất là những buổi trưa im ắng, oi ả, có tiếng mẹ chủ nhà nói nheo nheo ở bên ngoài, thì ông lão không sao chịu được. ông lão phải đi cho nó khuất. ông Hai chưa thấy người đàn bà nào tham lam, tinh quái như mẹ ta. Người thì gầy đét như thanh củi khô. Cái miệng mỏng lèo lèo, nói cứ liến đi, mà chúa thần là gian. Không vào nhà thì thôi, động vào nhà là nhòm.

Mụ nhòm xó này một tí, nhòm xó kia một tí, rồi lục. Mụ giơ lọ tương lên ngắm rồi đặt xuống, mụ mở thạp gạo ra xem, lại đập vào, mụ lục bồ moi chiếc áo ra ướm thử vào người, rồi ném trả. Hình như trong ý mụ, mụ nghĩ: chúng mày ở nhà tao, thì những thứ của chúng mày cũng như của tao. Đồ ăn thức đưng của mụ, mụ cất kỹ đi. Con dao, cái chày, bó củi của người ta mụ dùng tự nhiên, hồ cất đi, mụ lại lôi ra. Không tìm thấy thì mụ nói móc, nói máy như chính mụ bị người ta hà hiếp. Đến cả cái ăn, cái uống mụ cũng rầy phần vào. Có cái nôi nước giải mua để tặng gia một tí, mụ cũng lấy hết. Trong nhà động có thức gì mụ đã biết rồi. Không một hôm nào bà Hai ở quán về mụ không sấn đến vạch thúng ra xem.

-ái chà! Nhà này có mớ cá ngon gớm, chiều tở phải xin một bát mấy được. Thế là chiều mụ sai con bưng bát đến xin. Mụ đẩy lưng thẳng bé:

-Con cứ xuống mà xin, tội gì. Có cái gì ăn giấu, mà mụ biết thì mụ đánh hơi. Mụ đứng giữa nhà, héch cái mũi lên hít hít:

-Có cái gì mà thơm gớm, y như mùi bánh rán ấy anh em ạ. Mẹ kiếp nhà này nó giấu. Cứ lâu lâu, mụ lại vay tiền. Lúc mua trầu vỏ, lúc mua diêm thuốc, mớ rau, con cá... Có đòi thì mụ chùng chẳng:

-Tở trừ vào tiền thuê nhà đấy. Mụ cười rất nhạt:

-Nói đùa đấy chứ, mai tớ cuốc mẽ sấn tớ bán tớ khắc trả. Và mẹ tiếp luôn:

-Này, nói thì bảo là tham, cái nhà ông Hai này, với bác Thứ bên kia ở, thật tớ đéch được cái gì, ở xóm dưới, cánh hàng xáo họ ở, họ nuôi lợn được vô khối là "khuẩn". Nói thật, tớ cho ở nhờ chỉ chủ có mỗi cái "khuẩn" thôi...

Ngay từ dạo mới lên, ông Hai đã bực mình với mẹ ấy lắm rồi. Nghe xóm giềng ở đây người ta nói, ông biết mẹ không phải là người đứng đắn. Mẹ lấy đến người chồng này là đời chồng thứ ba rồi; hai người trước, người thì người ta bỏ mẹ, người thì mẹ bỏ người ta. Tính nét lành chanh lành chói, chỉ bắt nạt chồng. Người chồng thì lại hiền lành quá, cả ngày cặm cụi làm. Vợ nói, có tức lắm thì cũng chỉ đỏ mặt lên văng tục văng giác mấy câu rồi thôi. Ông Hai ghét mẹ chủ lắm. ông không muốn ở chung ở chạ với những người như thế. Năm lần bảy lượt ông bảo vợ dọn nhà đi nơi khác. Nhưng bà Hai cứ lẩn chần. Bà bảo:

-Biết rằng đâu hơn đâu, hay là lại quá tội. Trong làng ngoài phố nhà nào cũng ba bốn bếp tản cư cả. Có được chỗ chui ra chui vào như thế này là may mắn lắm rồi còn gì nữa. ông lão đành phải dùi dẳng chờ vậy.

\* \* \*

Buổi trưa hôm ấy ông Hai ở nhà một mình. Con bé lớn gánh hàng ra quán cho mẹ chưa thấy về. Hai đứa bé thì ông cất chúng nó ra vườn trồng mấy luống rau mới cấy lại chẳng gà vạt hết. ông Hai hí hục vờ một vạt đất rậm, ngoài bờ suối từ sáng đến giờ, ông tính để trồng thêm vài trăm gốc sắn ăn vào những tháng đói sang năm. Có một mình, ông phải làm cố, hai vai mỗi như. ông nằm vạt lên giường vắt tay lên trán nghĩ ngợi vẩn vơ. ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm với anh em. ả, sao mà độ ấy vui thế. ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hò, bông phèng, cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá... Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc là còn khướt lắm.

Chao ôi! ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá. Bên ngoài, ánh nắng rọi xuống mặt sân sáng lóa, có mấy tiếng gà trưa cất lên eo óc. Gian nhà càng như lịm đi, mờ mờ hơi đất. Giờ này là mẹ chủ sắp đi làm đồng về đây. ông lại sắp phải nằm trong này mà nghe mẹ chửi con mắng cái, kêu vãi nước chóng cạn, cái bếp bừa bộn nheo nhéo lên đây. Tấm liếp che cửa bỗng kêu lạch xạch, gian nhà sáng bừng lên. ông Hai giật mình, ngóc đầu nhìn ra. Đứa con gái lớn gồng đại thúng không bước vào. ông cất tiếng hỏi:

-ở ngoài ấy làm gì mà lâu thế mày?

Không để đứa con kíp trả lời, ông lão nhòm dậy vợ lấy cái nón:

-ở nhà trông em nhá! Đừng có đi đâu đấy. ông lão giơ tay chỉ lên nhà trên:

-Nó thì rút ruột ra, biết chừa! Dứt lời ông bước vội ra ngoài. Trời xanh lồng lộng, có những tầng mây sáng chói, lừ đừ. Đường vắng hẳn người qua lại. Họ rạt cả vào các khoảnh bóng cây tránh nắng. Một vài tiếng động nhẹ khẽ gợn lên, oi ả. ông Hai đi nghênh ngang giữa đường vắng, cái đầu cung cúc lao về phía trước. Hai tay vung vẩy, nhấp nhồm. Gặp ai quen ông Hai cũng nín cười cười:



-Nắng này là bỏ mẹ chúng nó! Có người bỡ ngỡ hỏi lại: "Chúng nó nào?". Thì ông lão bật cười, giơ tay trở về phía tiếng súng:

-Tây ấy chứ còn chúng nó nào nữa. Ngồi trong vị trí giờ bằng ngồi tù. Dứt lời, ông lão lại đi, làm như đang bận nhiều công việc lắm. Cũng như mọi hôm, việc đầu tiên là ông vào phòng thông tin nghe đọc báo. Ông cứ đứng vờ vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm. Điều này ông khổ tâm hết sức. Ông cũng đã cố học được một khóa binh dân học vụ ở làng, cũng đã biết đọc, biết viết. Nhưng chữ in khó nhận mặt chữ, ông đọc nó cứ bập bõm, câu được câu chẳng, mà chả lẽ cứ ghéch cổ lên giữ chặt lấy tờ báo không cho người khác xem nữa? ông ghét thậm những anh cậy ta đây lắm chữ đọc báo lại cứ đọc thầm một mình, không đọc ra thành tiếng cho người khác nghe nhờ mảy. Hôm nay may quá, vớ được anh dân quân đọc rất to, đồng dạng, rành rọt từng tiếng một, cơ chừng anh ta cũng mới học, đánh vần được chữ nào anh ta đọc luôn chữ ấy. ông lão nghe chẳng sót một câu nào. Bao nhiêu là tin hay.

-Một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung phong bơi ra giữa hồ Hoàn Kiếm cắm quốc kỳ lên Tháp Rùa.

"Đấy, cứ kêu chúng nó trẻ con mãi đi, liệu đã bằng chúng nó chưa?" Một anh trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng một quả lựu đạn cuối cùng. Đội nữ du kích Trưng Trắc giả làm người đi mua hàng đã bắt sống một tên quan hai bớt Thao ngay giữa chợ. "Khiếp thật, tinh những người tài giỏi cả". Lại còn bao nhiêu tin đột kích nữa, chỗ này giết được năm Pháp với hai Việt gian; chỗ kia phá đổ được một xe tăng và một xe díp. "Cứ thế, chỗ này giết một tí, chỗ kia giết một tí, cả súng ống cũng vậy, hôm nay dăm khẩu, ngày mai dăm khẩu, tích tiểu thành đại làm gì mà rồi thằng Tây không bước sớm".

Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá! ông lão náo nức bước ra khỏi phòng thông tin, rẽ vào quán dặn vợ mấy việc rồi đi thẳng ra lối huyện cũ. ở đây, những tốp người tản cư mới ở dưới xuôi lên đứng ngồi lố nhố cả ở dưới mấy gốc đa sù sì, cành lá rườm rà ken vào nhau, rải xuống mặt đường và bãi cỏ một vùng bóng mát rộng. ông lão ngồi vào một cái quán gần đấy. Hút một điếu thuốc lào, uống một hùm chè tươi nóng, ông chóp chép cái miệng ngẫm nghĩ: bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc. Tiếng quạt, tiếng thở, tiếng trẻ con khóc, cùng với tiếng cười nói của cánh đi phá đường về râm rạn một góc đường. Dưới chân đồi, những thửa ruộng lúa xanh mướt, uốn quanh co dưới trời nắng, lấp loáng như một khúc sông. Có mấy bóng cò trắng bay dật dờ...

-Các ông các bà ở đâu ta lên đây ạ? ông Hai đặt bát nước xuống chõng hời. Một người đàn bà mau miệng trả lời:

-Thưa ông chúng cháu ở Gia Lâm lên đây ạ. Đi bốn năm hôm mới lên đến đây vất vả quá!

-ở Gia Lâm lên ạ? Lúa má dưới ta thế nào, liệu có cấy được không bác?

-Chả cấy thì lấy gì mà ăn. Cấy tất ông ạ. Chân ruộng dưới chúng cháu còn tốt hơn trên này nhiều.

-Thì vưỡn! Lúa dưới ta vưỡn tốt nhiều chứ.

-ông lão rít một hơi thuốc lào nữa, gật gù cái đầu:

-Hừ, đánh nhau cứ đánh nhau, cày cấy cứ cày cấy, tản cư cứ tản cư... Hay đáo để.

-Này bác có biết mấy hôm nay súng nó bắn ở đâu mà nghe rát thế không? Một người đàn bà cho con bú mé bên kia nói xen vào:

-Nó rút ở Bắc Ninh về qua chợ Dầu nó khủng bố ông ạ. ông Hai quay phắt lại lấp bắp hỏi:

-Nó... Nó vào chợ Dầu hở bác? Thế ta giết được bao nhiêu thằng? Người đàn bà ẵm con cong môi lên đồng đánh:

-Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây còn giết gì nữa. Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:

-Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại...

-Thì chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại. Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông ạ. Tây vào làng chúng nó bảo nhau vác cờ thần ra hoan hô. Thằng chánh Bệu thì khuôn cả tù chề, đỉnh đồng, vãi vốc lên xe cam nhông, đưa vợ con lên vị trí với giặc ở ngoài tỉnh mà lại. Có người hỏi:

-Sao bảo làng chợ Dầu tinh thần lắm cơ mà?...

-Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy! ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:

-Hà, nắng گرم, về nào... ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên ấy vẫn dõi theo. ông nghe rõ cái giọng chua lạnh lạnh của người đàn bà cho con bú:

-Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì có cho mỗi đứa một nhát! ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. ông thoáng nghĩ đến mẹ chủ nhà. Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau. Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra... Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rề rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... ông lão nắm chặt hai tay lại và rít lên:

-Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này! ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình nói không được đúng lắm.

Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng. Quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm điều nhục nhã ấy!... Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích thị là người làng không sai rồi. Không có lừa thì sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì.

Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chữa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?... Chiều hôm ấy bà Hai về cũng có vẻ khác. Bà bước uể oải, cái mặt cúi xuống bần thần.

Đôi quang thủng thõng theo trên hai mấu đòn gánh. Bà đi thẳng vào trong nhà lúi húi xếp hàng vào một xó, rồi lẳng lẳng ra bậc cửa ngồi ôm má nghĩ ngợi. Trẻ con cũng không đứa nào dám vòi quạ. Trong nhà có cái im lặng thật là khó chịu, không ai dám cất tiếng lên nói, cả đến nhìn nhau họ cũng không dám nhìn nhau nữa. Mãi khuya, bà Hai mới chống gối đứng dậy. Bà lẳng lẳng xuống bếp châm lửa ngồi tính tiền hàng. Vẫn những tiền cua, tiền bún, tiền đỗ, tiền kẹo... Vẫn cái giọng rì rầm, rì rầm thường ngày.

-Này thầy nó ạ. ông Hai nằm rũ ra trên giường không nói gì.

-Thầy nó ngủ rồi à?

-Gì? ông lão khế nhúc nhích:

-Tôi thấy người ta đồn... ông lão gất lên:

-Biết rồi!

Bà Hai nín bật. Gian nhà lặng đi, hiu hắt. ánh lửa vàng nhờ nhờ ở ngọn đèn dầu lạc vờn trên nét mặt lo âu của bà lão. Tiếng thở của ba đứa trẻ chụm đầu vào nhau ngủ nhẹ nhàng nổi lên, nghe như tiếng thở của gian nhà.

-Thế nhưng người ta đồn trên này người ta không chứa những người chợ Dầu nữa thầy nó ạ. Nghe ngóng một chút, không thấy chồng trả lời, bà lão lại cúi xuống làm bầm tính. Nét mặt bà lặng đi, chịu đựng và nhẫn nhục. Bên gian bác Thứ đã ngủ từ lâu, chung quanh đều im lặng... Một vài tiếng chó nhúc nhích sủa phía xa, và có tiếng trẻ khóc vắng vắng trong tiếng gió. Ông Hai vẫn trần trọc không sao ngủ được. ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia, thở dài. Chợt ông lão lặng hẳn đi, chân tay nhũn ra, tưởng chừng như không cất lên được... Có tiếng nói léo xéo ở gian trên. Tiếng mẹ chủ... Mẹ nói cái gì vậy? Mẹ nói cái gì mà lào xào thế? Trống ngực ông lão đập thình thịch. lão nín thở, lắng tai nghe ra bên ngoài... Bà Hai bỗng lại cất tiếng:

-Thầy nó ngủ rồi ư? Dậy tôi bảo cái này đã. ông Hai bật ngóc đầu dậy, giơ tay trở lên nhà trên, ông sít hai hàm răng lại mà nghiến:

-Im! Khổ lắm! Nó mà nghe thấy lại không ra cái gì bây giờ. ông lão lại ngã mình nằm xuống, không nhúc nhích.

\* \* \*

Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng. Nghe ngóng xem bình tình bên ngoài ra sao? Một đám đông xúm lại ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến "cái chuyện ấy".

Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam nhông... là ông lúi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi! Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê hơn cả những tiếng kia nhiều. ấy là mẹ chủ nhà. Từ ngày xảy ra chuyện ấy, hình như mẹ ta lấy điều làm cho vợ chồng ông khổ ngấm khổ ngầm là mẹ thích. Sáng chiều bốn buổi đi làm đồng về, mẹ kéo lê cái nạo cỏ quèn quẹt dưới đất, qua cửa, mẹ nhòm vào nói những câu bóng gió xa xôi, như khĩa vào thịt ông lão. Thôi thì bây giờ thế nào mà chả phải chịu. Có được chỗ chui ra chui vào là may lắm rồi. Mỗi lần mẹ nói, ông lão chỉ cười gượng làm như không biết chuyện gì. ông thì

muốn lặng đi như thế, nhưng mẹ chủ nhà có để cho ông yên đâu. Sáng hôm nay lúc bà Hai sắp sửa quang gánh ra hàng thì mẹ chủ nhà không biết đi đâu về, mẹ đứng dặng háng ở ngoài sân nói chỗ vào:

-Bà lão chưa đi hàng cơ à? Muộn mấy?...

-Chưa bà ạ. Mời bà vào chơi trong này!

-Vâng bà để mặc em... à bà Hai này!... Mẹ chạy sát vào bực cửa, thân mật:

-Trên này họ đồn giăng giăng ra rằng thì là làng dưới nhà ta đi Việt gian theo Tây đấy, ông bà đã biết chưa nhỉ? ... Nghe nói, bảo có lệnh đuổi hết những người làng chợ Dầu khỏi vùng này không cho ở nữa. Mẹ chủ chếp miệng, giọng ngọt xót:

-Em cứ khó nghĩ quá... ông bà cũng là người làm ăn tử tế cả. Nhưng mà có lệnh biết làm thế nào. Đành nhẽ là ông bà kiếm chỗ khác vậy... Đây, ở với nhau đang vui vẻ, ông bà dọn đi, em lại cứ nhớ đáo để đấy nhớ. Bà Hai cúi mặt xuống rần rần nước mắt, bà nói:

-Vâng... thôi thì dân làng đã chẳng cho ở nữa, chúng tôi cũng đành phải đi nơi khác chứ biết làm thế nào. Nhưng xin ông bà trên ấy nghĩ lại thư thư cho vợ chồng chúng tôi vài ba hôm nữa. Bây giờ bảo đi, vợ chồng chúng tôi cũng không biết là đi đâu...

Mẹ chủ đi rồi, bà Hai và con bé lớn nước mắt ròng ròng, lẳng lẳng gánh hàng ra quán. Vợ chồng cũng chẳng dám nói với nhau câu gì. Ông Hai ngồi lặng trên một góc giường, bao nhiêu ý nghĩ đen tối, ghê rợn, nổi tiếp bời bời trong đầu óc ông lão. Biết đem nhau đi đâu bây giờ? Biết đâu người ta chưa bố con ông mà đi bây giờ?... Thật là tuyệt đường sinh sống! Mà không gì cái đất Thăng này. ở Đài, ở Nhã Nam, ở Bồ Hạ, Cao Thượng... đâu đâu có người chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi. Mà cho dẫu vì chính sách Cụ Hồ người ta chẳng đuổi đi nữa, thì mình cũng chẳng còn mặt mũi nào đi đến đâu. "Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây..." cái câu nói của người đàn bà tản cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông. Hay là quay về làng?... Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông lão phản đối ngay. Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến. Bỏ Cụ Hồ...

Nước mắt ông giàn ra, về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây. ông lão nghĩ đến mấy thằng kỳ lý chuyên môn khoa khoét như thế lại ra vào hống hách ở trong cái đình. Và cái đình lại như của riêng chúng nó, lại thâm nghiêm ghê gớm, chứa toàn những sự ức hiếp, đè nén. Ngày ngày chúng dong ra, dong vào, đánh tổ tôm mà bàn tư việc làng với nhau ở trong ấy. Những hạng khổ rách áo ôm như ông có đi qua cũng chỉ dám liếc trộm vào, rồi cắm đầu xuống mà lủi đi. Anh nào ho he, hóc hách một tí thì chúng nó tìm hết cách để hại, cất phần ruộng, truất ngôi, tống ra khỏi làng... ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, làm than cũ nổi lên trong ý nghĩ ông. ông không thể về cái làng ấy được nữa. Về bây giờ ra ông chịu mất hết à? Không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù. ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhẹ nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:

-Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?

-Là con thầy mấy lỵ con u.

-Thế nhà con ở đâu?

-Nhà ta ở làng chợ Dầu.

-Thế con có thích về làng chợ Dầu không? Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

-Có. ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu lại hỏi:

-à thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai? Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

-Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm! Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

-ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ. Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lão lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại mình oan cho mình nữa. Anh em đồng chí biết cho bố con ông.

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông. Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai. Mỗi lần nói ra được đại câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đại phần. Khoảng ba giờ chiều hôm ấy, có một người đàn ông đến chơi nhà ông Hai. Hắn cũng là người chợ Dầu. Hai người thì thăm ở góc nhà một lúc lâu rồi thấy ông Hai đóng khăn áo chỉnh tề tất tả theo hắn đi. Ông vội vã đến quên cả dặn trẻ coi nhà. Ông Hai đi mãi đến xẩm tối mới về. Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bồm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung đỏ, hấp háy... Vừa đến ngõ ông lão đã lên tiếng:

-Chúng mày đâu rồi, ra thầy chia quà cho nào. Lũ trẻ ở trong nhà ùa ra, ông lão vội rút cái gói bọc lá chuối khô cho con bé lớn:

-Bánh rán đường đây, chia cho em mỗi đứa một cái. Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ. Chưa đến bực cửa, ông lão đã bô bô:

-Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy! Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính, ông ấy cho biết... Cải chính cái tin làng chợ Dầu chúng tôi là Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả. Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lại lật đật bỏ lên nhà trên.

-Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính... Cải chính cái tin làng chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. RA Lyo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả! Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác. Còn phải kể cho người khác biết chứ. Ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người. Ai cũng mừng cho ông lão. Đến ngay cả mẹ chủ nhà là người ông lão yên trí, nghe tin này thế nào mặt mẹ cũng sa sầm xuống mà nói tức nói xóc, thì trái lại, mẹ lại tỏ vẻ rất vui sướng. Mẹ giương tròn cả hai mắt lên mà reo:

-A, thế chứ! Thế mà tờ cứ tưởng dưới nhà đi Việt gian thật, tờ ghét ghê ấy... Thôi, bây giờ thì ông bà lại cứ ở tự nhiên chả ai bảo sao. n hết nhiều chứ ở hết là bao nhiêu. Mẹ cười khi khí:

-Này, rồi cũng phải nuôi lấy con lợn... mà ăn mừng đấy! ông Hai gật gật:

-Được, được, chuyện này rồi phải nuôi chứ... Tối hôm ấy ông Hai lại sang bên gian bác Thứ, lại ngồi trên chiếc chõng tre vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông. Ông kể lại hôm Tây vào khùng bố. Chúng nó có bao thằng, bao nhiêu Tây, bao nhiêu Việt gian, đi những đường nào, đốt phá những đâu đâu, và dân quân, tự vệ làng ông bố trí, cầm cự ra sao; rành rọt tỉ mỉ như chính ông lão vừa dự trận đánh giặc ấy xong thật...

## Ông Cản Ngũ

Năm ấy hội vật đền Đô vào đám to, tiếng đồn bay dậy khắp mọi miền xứ Bắc, chính vì có tin ông Cản Ngũ về phá giải. Các sân vật, các tay đô vật, những người ham thích xem vật, đâu đâu cũng nghe bàn bạc, sôi nổi về ông Cản Ngũ. Cản Ngũ là cản ngũ tỉnh. Năm tỉnh đường ngoài xứ Bắc, ông là vô địch. Vì vậy ông Cản Ngũ còn có tên là ông Cản Bắc. Năm ấy ông Cản Ngũ đã đứng tuổi rồi. Người ta xì xào bảo nhau rằng ông là một ông tướng thân cận của quan Tán Bãi Sậy lâu nay vẫn giả dạng đi vật, chu du khắp chốn thiên hạ để tuyển mộ những người tài, mạnh, nghĩa khí, kết làm anh em đồng sinh, đồng tử, xung vào đội nghĩa binh đánh giặc, cứu nước. Từ hôm có tin ông Cản Ngũ về phá giải hội vật đền Đô, nhà cụ Cả Lắm ở thôn Đình Tràng ngày nào cũng dập dìu ba bốn chục người khách lạ. Họ toàn những tay đô lão luyện, anh tài của các sân vật nổi tiếng quanh vùng đến hội tụ, bàn bạc cách đối phó với ông Cản Ngũ. Ai cũng biết, người vào vật đầu tiên với ông Cản Ngũ nhất định là Quắm Đen rồi. Sức mạnh và tài đờm của Quắm Đen không còn phải bàn gì nữa. Mấy năm liền Quắm Đen vẫn chiếm giải nhất ở vùng này. Các đô đều vì nể. Quắm Đen to trùi trùi như con trâu mộng. Anh ta khỏe lắm. Gánh lúa của anh bao giờ cũng to, nhiều gấp đạ ba lần người khác. Anh có thể vật suốt ngày không biết mệt. Anh là học trò yêu của cụ Cả Lắm, được cụ truyền dạy cho nhiều thế đánh bí truyền và những đức tính cần thiết của một người đô vật đàn anh khi giao đấu với những địch thủ lợi hại. Thế nhưng, Quắm Đen thua ông Cản Ngũ thì ai sẽ vào "theo keo"? Cái khó của các ông đô vật vùng này là chỗ ấy. Mấy gian nhà khách, mấy ngày đêm liền, lúc nào cũng nghe ồm ồm tiếng bàn cãi. Các tay đô vừa uống rượu, vừa nói. Mặt người nào cũng đỏ phừng phừng. Người nào nom cũng to lớn dữ tợn. Những lúc bí quá, đã có người bàn đến nước cốt cùng là, nếu Quắm Đen bị ông Cản Ngũ đánh ngã thì tất cả các đô trong hàng tỉnh, mỗi anh một chiếc đòn gánh mấu liền cứ thế xông vào mà đánh. Đánh cho bàn dân thiên hạ không thể xem thường đô vật tỉnh Bắc được. Đánh cho ông Cản Ngũ cũng phải kiêng mặt. Cái ý xằng bậy ấy bị cụ Cả Lắm nghiêm khắc gạt bỏ đi ngay. Cụ bảo rằng: ông Cản Ngũ không phải là người dễ đánh! Mà gia dĩ có đánh được người ta, cũng không hay ho gì, đẹp đẽ gì cho các sân vật tỉnh mình. Tý Trâu là con trai út cụ Cả Lắm. Mấy hôm nay, nhà đông khách, chàng ta được bố phân cho các việc lật vật, nước nôi, điều đóm. Suốt ngày chàng ta chỉ quanh quẩn trên nhà khách hóng chuyện.

Tuy chưa được tập luyện thực sự, nhưng xem các bác, các chú "tắm vật" hàng ngày, Tý Trâu học được khối miếng. Tý Trâu vật rất giỏi, rất khỏe. Tất cả bọn chẵn trâu đều bị nó vật ngã. Nó vật ngã cả bò, vật ngã cả trâu, làm gì không vật ngã ông Cản Ngũ! Nó nghĩ bụng, đến hôm này ra xới không ai dám vào theo keo nó sẽ vào vật ông Cản Ngũ cho mà xem. Phục thì phục quý thì quý, nhưng lúc này ông Cản Ngũ là đối thủ của tỉnh mình thì cũng phải vật ngã ông ấy một keo cái đã.

\* \* \*

Tiếng trống vật nổi lên dồn dập. Người tứ xứ đổ về đông như nước chảy. Ai ai cũng náo nức muốn được xem mặt, xem tài ông Cản Ngũ. Người ta chen lấn nhau, quây kín quanh xới vật; nhiều người phải trèo lên những cây trôi, cây nhội gần đấy xem cho rõ. Dưới mái tam quan đền, những vương nhiễu điều bay đờ rục. Các đô trong tỉnh cỡi trần, đóng khổ ngồi hai bên xới. Trên thềm cao, ông Cản Ngũ ngồi xếp bằng trên chiếc chiếu đạ trắng, cạp điều. Ông ngồi một mình một chiếu; người ông đồ như đồng tụ, to lớn, lấm liệt, nhác trông không khác gì tượng hai ông tướng Đá Rãi ở trong đền. Đầu ông buộc một vương khăn màu xanh lục giữ tóc, mình trần, đóng khổ bao khăn vá. Ông ngồi ung dung ăn trầu uống nước, nói chuyện với mấy ông đàn

anh trong dân xã các ông đồ sở tại. Sau những keo vật thờ múa lộn thật đẹp mắt và sau những keo "khảo lèo" những đô khổ bệ; Quắm Đen bước ra xới, xốc lại mảnh khổ nhiều xanh, tiến lên thêm tam quan đèn, giơ bàn tay thô, vụng vuốt dài lên mấy vuông nhiều giải nhất, miệng cười rất tươi. Đó là dấu hiệu riêng của các đô trước khi vào đấu. Dấu hiệu tỏ ra cho mọi người biết, giải này mình vào phá và sẽ thuộc về mình. Nó là dấu hiệu thách thức, quyết đánh.

ông đồ già người sở tại, khăn chùng, áo dài ngồi cầm trịch, giơ cao chiếc dù trắng sơn son gõ mạnh xuống mặt trống ba tiếng thật đanh, thật giòn tỏ ý nhận lời. Quắm Đen quay ra đứng giữa xới. Ngay lúc ấy, ông Cản Ngũ cũng từ trên thêm cao bước xuống. Tiếng reo hò bốn phía tức thì nổi lên ầm ầm. Ngay nhịp trống đầu, Quắm Đen đã lặn xả vào ông Cản Ngũ đánh ráo riết. Rõ ràng là anh muốn dùng cái sức lực đương trai của mình lấn lướt ông ta và muốn hạ ông ta rất nhanh bằng những thế đánh thật lắt léo, hóc hiểm. Anh vờn tả, đánh hữu, dứ trên, đánh dưới, thoát biển, thoát hóa khôn lường. Trái lại, ông Cản Ngũ thì xem ra có vẻ lại lờ mờ, chậm chạp; dường như ông lúng túng trước những đòn đánh liên tiếp của Quắm Đen. Hai tay ông lúc nào cũng thấy dang rộng ra, để sát xuống mặt đất, xoay xoay chống đỡ. Keo vật xem chán ngắt. Cứ nghĩ tưởng Cản Ngũ thì phải thế nào chứ, đánh chác thế kia. "Chẹp!" Chán quá. ông Cản Ngũ bỗng bước hụt, mất đà chúi xuống. Quắm Đen đã như con cút lượn qua hai cánh tay ông Cản Ngũ ôm lấy một bên chân ông, bốc lên. Người xem bốn phía xung quanh reo ồ cả lên. Thôi thế là ông Cản Ngũ ngã rồi, nhất định ngã rồi. Có khỏe bằng voi thì cũng phải ngã. Tiếng trống vật dồn lên, gấp rút, giục giã. ông Cản Ngũ vẫn chưa ngã. ông đứng như cây trồng giữa xới trước những cặp mắt kính dị của người xem. Còn Quắm Đen thì đang loay hoay gò lưng lại, không sao bê nổi chân ông Cản Ngũ lên. Cái chân tựa như bằng cây cột sắt chứ không phải là chân người nữa. ông Cản Ngũ vẫn đứng nghiêng mình nhìn Quắm Đen mồ hôi mồ kê nhễ nhại dưới chân. Lúc lâu, ông mới thò tay xuống nắm lấy khó Quắm Đen nhắc bổng anh ta lên, coi nhẹ như ta giơ con ếch có buộc sợi rơm ngang bụng vậy. Các đô ngồi quanh xới đều lặng đi trước thần lực ghê gớm của ông Cản Ngũ. Thôi thế là Quắm Đen bại rồi. Keo vật bị đánh bại một cách nhục nhã, cay đắng quá chừng. Người ta đánh mình, co không bằng đánh với một đứa trẻ con! Quắm Đen, một tay đô tài mạnh bậc nhất trong hàng tỉnh mà còn bị đánh thua như vậy thì còn ai là người theo keo đánh nổi được ông Cản Ngũ? Họ đều cắn chặt môi lại mà thờ dài. Buổi tối hôm ấy, trong mấy gian nhà khách nhà cụ Cả Lãm lại ồn ồn tiếng các đô bàn cãi. Tiếng bàn cãi cùng lúc càng xô xát, dữ tợn. Một ông đồ già móm mém đứng lên, xin nói. ông lão nói nhỏ nhẹ, đà đặn như một ông quan viên, đứng nói giữa ngày hội làng.

-Thưa... có đồng anh em các đô hàng tỉnh, tôi xin có một đại nhờ... ông lão ngừng lại, đằng hắng một tiếng.

-ông Cản Ngũ tuy thị là tay đô kỳ tài thật. Nhưng tài là tài ở đâu kia, ở ta đây không phải là không có người đánh được ông ấy. Nhất định là đánh được ạ. Tôi xin cam đoan với các chú vị hàng đô ta như thế. ông lão tùm tùm, móm mém liếc nhìn mọi người. Cánh đô trẻ sốt ruột giục ầm ầm:

-Ai? Nhưng mà ai mới được chứ?

-Ai thì cụ cứ nói tởc móng heo ra! Tôi xin hỏi: ai đánh nổi ông Cản Ngũ nào? ông cụ đồ móm hể hả đưa một bàn tay ra chặn người vừa nói:

-Ấy, ấy... Thong thả, cứ để thong thả cái đã nào... Việc này tuy thị cũng dễ thôi, nhưng lại cũng rất ư là khó khăn cơ đấy...

Một tay đô nóng nảy đứng phắt lên, gạt đi:

-Thôi, chúng tôi biết rồi. Đánh ngã ông Cản Ngũ tỉnh này phi tay cụ Cả Lắm ra, còn ai vào đây nữa!

-Đúng! Đúng! Ngoài cụ Cả Lắm ra không còn ai đánh nổi ông Cản Ngũ! Chúng tôi đã nghĩ ngay từ hôm có tin ông Cản Ngũ về phá giải rồi kia. Nhưng thực tình chúng tôi cũng ngại. Không biết cụ Cả Lắm có nhận lời không? Cụ Cả Lắm tùm tùm cười, lắc đầu nói nước đại với mọi người:

-Tôi bây giờ như con trâu đã về già rồi, biết rằng gân cốt có còn được như trước nữa không? Nói vậy nhưng cụ Cả Lắm cũng đã nghĩ như mọi người. Trong hàng tỉnh, ngoài cụ ra, không còn ai có thể địch lại với ông Cản Ngũ được. Keo vật đánh ngã Quắm Đen khi chiều cụ càng thấy rõ điều ấy. Cụ Cả Lắm trước kia vốn là một tay đô mà các đô thời ấy đều gọi là ông trạng vật. Cụ đã từng đánh ngã hàng loạt các ông đô được xếp vào hàng đô ngự. Cụ có những ngón bí truyền như "tiện xương", "rút gáy", "chặt chân voi" v.v... là những miếng vật đến con cháu trong nhà, cụ cũng không muốn truyền lại, sợ tổn âm đức về sau. Tuy đã hơn mười năm không ra xới, tiếng tăm cụ vẫn lẫy lừng, các đô trong tỉnh đều kính nể, coi cụ như bậc thầy. Keo vật cuối cùng trong đời; cụ đánh ngã một ông đô già. Ông lão cũng là một tay đô tài mạnh lẫy lừng một thời, chỉ vì thanh danh của sân vật mình mà phải ra xới. Đánh ngã ông đô già keo vật ấy, về nhà không hiểu sao cụ Cả Lắm thấy trong lòng áy náy không yên, vừa thương thương, vừa tội tội. Từ đấy cụ không ra xới vật nữa. Nhưng lúc này, cái cảnh ngộ của cụ có khác gì cảnh người đô già cụ đánh ngã trước kia? Quắm Đen, anh học trò yêu của cụ đã bị ông Cản Ngũ đánh ngã rồi. Cụ không ra xới thì tai tiếng; còn hàng huyện hàng tỉnh. Mà ra xới thì... "Lưỡng hổ tương tranh". Hai con hổ dữ tranh tài, một sống, một mái...

Vả nữa, ông Cản Ngũ vốn là một ông tướng nghĩa binh dưới cờ quan Tán, mượn danh đi vật để thu phục nhân tâm, lo toan việc nước. Đối với một người như thế, sự thắng bại, mất còn trong một keo vật, phỏng có nên chăng? Đêm ấy khách khứa trong nhà ngủ yên đã lâu, cụ Cả Lắm vẫn chấp hai tay sau lưng, đi lại một mình bần khoản nghĩ ngợi dưới bóng trăng. Keo vật ông Cản Ngũ đánh ngã Quắm Đen vẫn không thể xóa khỏi được trong ý nghĩ của ông cụ. Nó là một keo vật lạ lắm, không thể coi là một keo vật bình thường được. Tư cách người đô vật đàn anh như ông Cản Ngũ, sao có thể nỡ đánh ngã một anh đô mới trỗi như Quắm Đen một cách tầm thường, bĩ thũ như thế được. Nó là cách muốn làm nhục nhau! Không, trong ý tứ keo vật này tất có điều gì bí ẩn đây. Ông Cản Ngũ về tỉnh này, nhất định không lạ gì cụ Cả Lắm. Keo vật này là keo vật khiêu khích đây. Keo vật thách thức, keo vật gọi Cả Lắm ra xới thi tài đây. Đã là một người đô vật, không ai có thể từ chối sự thách thức như vậy được. Trong người ông cụ Cả Lắm lại rạo rục bầu máu nóng của một anh đô tài ba và dày dặn, lọc lõi. Một ông đô, đã ra đến xới chỉ có quật ngã địch thủ. Mặt trăng đã ngả chênh chếch về phía tây, ông cụ Cả Lắm lặng lẽ đi ra vườn sau, thử lại gân sức. Cụ tiến lại bên bụi chuối, giơ một bàn tay chặt liền mấy cái, những cây chuối, bị tiện đại ra, đổ rạp xuống. Ông lão đứng tần ngần ngắm những cây chuối gãy một lúc, rồi lững thững đi lại phía những chiếc cối đá đại, thùng tròn vẫn dùng làm cối đập lúa để ở góc vườn. Ông lão xỏ vào mỗi bên tay một cái cối đá, thong thả đi quanh vườn cây. Ông lão đi như thế đủ ba vòng, rồi ung dung trở vào nhà đi nghỉ. Nhưng, ông cụ Cả Lắm vừa đi khỏi thì, từ trong một bụi cây tối, Tý Trâu đã chạy vút ra. Nó cũng chạy đến bên một bụi chuối, cũng giơ tay hăm hồ chặt liền một lúc hàng chục cây chuối đổ xuống. Nó cũng xỏ cối đá vào hai cánh tay, mồm môi mồm lợi, cắm cổ chạy quanh vườn hàng chục lượt. Từ lúc Quắm Đen bị ông Cản Ngũ đánh ngã, Tý Trâu cũng bồn chồn không yên. Nó cũng thấy uất ức, xấu hổ và lo lắng cho sân vật của vùng mình. Đêm ấy cụ cậu lục đục không sao ngủ được. Cứ chớp mắt đi, đã thấy vật nhau với ông Cản Ngũ... Hôm nay là ngày giã đám rồi. Sau Quắm Đen vẫn chưa có người vào vật với ông Cản Ngũ. Chỉ còn từ giờ đến chiều là các sân vật tỉnh Bắc mắt giải. Dưới mái tam quan, các bồ lão, các ông quan viên, quan đám, các ông đô sở tại, chạy vào chạy ra thờ thần. Hội đám nhật thếp. Trống vật thập thùng ròi rạc, cầm chừng. Thôi, giải vật năm nay cầm chắc về tay người ngoài rồi. Ông đô già cầm trịch đã đứng lên sửa soạn đánh một



hồi ba tiếng trống hạ giải thì, một ông già từ ngoài xói, rẽ đám đông bước vào. Cự Cả Lắm! Cả xói vật cùng reo lên. Các ông quan đám, quan viên, các ông chức dịch trong xã đều đứng cả dậy. Đúng là keo vật mà tất cả mọi người đang chờ đợi. Cự Cả Lắm hôm nay nom oai phong, lẫm liệt như một lão tướng sắp ra trận. Ông cụ đứng giữa xói, râu tóc bạc phơ, mình trần, đóng một cái khố bao nhồi trấu bằng vóc vàng, xung quanh vắt hai tấm nhiễu xanh và nhiễu đỏ lòa xòa đến gối.

Cả người ông lão chắc nịch, xù xì, gân guốc như một gốc đa cổ thụ. Lên đài xong, hai ông đồ già vào "bá tay tư". Chỉ mới vào "bá tay tư" thôi, cả xói bỗng đều như ngộp thở trước cuộc giao tranh sắp tới. Biết rằng gặp tay đối thủ lợi hại, ông Cản Ngũ đánh rất dè dặt. Hai ông đồ vừa đánh vừa thăm dò ý tứ của nhau. Họ không bỏ sót ở nhau từng cử động nhỏ nào. Họ đề phòng nhau từng cái liếc mắt, cái rùng mình... Tiếng trống vật bỗng dồn lên, càng lúc càng dồn lên mạnh mẽ. Keo vật đang từ thế thăm dò, dè dặt bỗng chuyển sang những thế đánh quyết liệt. Dồn lên, du xuống, quay tít quanh xói. Thực ra đây vẫn chỉ là đánh để thăm dò. Chưa bên nào dám đánh đến hết miếng đánh của mình, vừa đánh vừa giữ thế thủ. Cự Cả Lắm quả là một tay đồ lão luyện, dày dặn. Bao nhiêu đòn ông Cản Ngũ đánh sang, ông cụ đều đỡ gạt, tránh né, gỡ thoát một cách hết sức nhẹ nhàng. Cự vẫn chưa đánh trả ông Cản Ngũ một đòn nào. Đột nhiên, cụ Cả Lắm bỗng chao người đi, khuỵu một bên gối xuống, cả người cụ như một con thoi lao vút qua nách ông Cản Ngũ gánh lên. Nhưng ông Cản Ngũ đã kịp lùi lại một bước, thót người lại, vòng hai cánh tay to khỏe như hai con trăn đất, khóa chặt lấy gáy, lấy lưng ông cụ Cả Lắm, lắc mạnh...

Keo vật đã đến lúc hư, thực khôn lường. Cả hai ông đồ đều trở hết tài nghề ra để hạ nhau. Bốn bề chỉ nghe tiếng trống dồn dập, tiếng chân hai ông đồ tranh tài dõ dỏi trên mặt xói. Hai ông đồ cứ thế xoắn chặt lấy nhau, quấn nhau, xoay như chong chóng. Cả xói ngồi xem đều lặng đi trước một cuộc tranh tài ghê gớm từ xưa chưa từng thấy. Bỗng có một người nào đó hét lên: Bá tay tư: Một tay vít gáy, tay kia nắm cánh hoặc bá vai. Trước khi đánh các đồ đều vào bá tay tư để dò xét sức lực nhau.

-ông Cản Ngũ bị rồi!

Cả xói vật tức thì xao động, nhón nháo. Ông Cản Ngũ đã bị năm đầu ngón tay cứng như năm cái vuốt của cụ Cả Lắm quặp chặt lấy xương quai xanh. Đó là một miếng vật bí truyền. Khi mà cụ Cả Lắm đã hạ đến miếng "móc quai xanh" ấy thì kẻ địch chỉ: một là thua, hai là gãy quai xanh mà chết. Miếng vật các đồ mới chỉ được nghe cụ nói lúc vui chuyện, chưa được xem cụ đánh bao giờ. Toàn thân ông Cản Ngũ đã run lên bần bật. Mặt ông lúc đỏ tía lên, lúc lại tái nhợt đi, đại chân mềm oặt. Lúc này, hai con mắt cụ Cả Lắm sáng quắc như hai ngọn lửa chiếu thẳng vào mặt ông Cản Ngũ. Cụ đẩy ông ra xa, cụ kéo xích ông lại gần, cụ thông thả dắt ông đi từng bước diễu quanh xói. Ông Cản Ngũ hoàn toàn lệ thuộc vào sự điều khiển theo ý muốn của cụ Cả Lắm. Cả xói tưởng chừng như không ai dám thở mạnh nữa. Ai cũng thấy rõ nếu ông Cản Ngũ cưỡng lại sẽ bị gãy xương ngay. Chỉ có các tay đồ trong tình xem ra người nào cũng sửng sốt. Mặt mũi người nào cũng rạng rỡ, phớn phở hẳn lên. Ông cụ đồ móm không ăn được trầu, nhưng cũng mang sẵn một phong từ nhà, lúc này mới mở ra, đưa truyền mời mỗi ông đồ một miếng. Ông lão tùm tùm, móm mém, nói nhỏ với mấy ông đồ ngồi bên cạnh:

-Cụ Cả nhà mình, tuy thị cũng là tay thâm nho đáo để. Hôm trước ông Cản Ngũ xách Quắm Đen như con nhái, thì hôm nay ông cụ dắt ông Cản Ngũ khác gì xỏ sẹo dắt con trâu... Đồ vật tỉnh Bắc Ninh chứ có phải...

Chợt thoáng vừa có cái gì khác lạ xảy ra. Có những tiếng reo hò và tiếng dùi đập vào tang trống các các... Cái gì lạnh toát vừa chạy suốt sống lưng ông lão đồ già móm mém. Ông Cản

Ngũ vừa ngã đổ người xuống ngực cụ Cả Lắm. Và, như một tia chớp, ông đã thoát khỏi năm đầu ngón tay ghê gớm của cụ Cả Lắm, xuất kỳ bất ý "sang sườn" đánh một miếng "gồng vai" đội lên. Ông lão đồ móm không còn kịp nói hết câu nữa. Không còn tin ở mắt, ở tai mình nữa. Keo vật đã chuyển bại thành thắng như ở trong một cơn mê. Cụ Cả Lắm lão đảo bước ra khỏi xói. Mấy tay đồ đàn em vội chạy vội theo. Không ai nói được một lời nào. Keo vật cụ Cả Lắm thua đau quá. Cầm bát nước bà hàng đưa cho mà ông lão không thể sao nuốt đi được. Nó cũng giống như keo vật cụ đánh ngã người ta cách đây mười mấy năm về trước. Giống quá! Giống quá!... ông cụ lắc đầu thờ dài sườn sượt. Trời đã xé chiều. Trống vật nghe vẫn còn rộn rã. Quái lạ, còn ai vào đánh với ông Cản Ngũ nữa nhỉ? Một tay đồ từ xa hấp tấp chạy lại. Anh ta vừa thờ, vừa nói:

-Thưa cụ, thằng Tý Trâu... Cụ Cả Lắm đặt vội bát nước xuống chống hỏi lại:

-Sao? Thằng Tý Trâu làm sao, bác?

-Thưa cụ... Thằng Tý Trâu đang vật với ông Cản Ngũ.

-Chết thôi! Con cái nhà, ra xói mau lên thôi bác! Quên cả nỗi buồn bực, uất ức, cụ Cả Lắm lật đật chạy theo anh đồ vật ra xói. Trên xói vật, Tý Trâu đang giao đấu với ông Cản Ngũ. Nó đánh rất hăng. Đúng là con nhà nòi, có tài, có sức và gan dạ. Nó bám riết lấy ông Cản Ngũ đánh liên tiếp hết miếng này qua miếng khác. Nhìn miếng nó đánh hóc hiểm đến các ông đồ ngồi xem bên ngoài cũng lấy làm lạ. Ông Cản Ngũ chỉ lùi, tránh, đỡ, gạt, ông không có ý đánh ngã thằng bé.

Từ lúc biết Tý Trâu là con trai cụ Cả Lắm và đánh với nó vài nhịp trống, ông Cản Ngũ bỗng yêu quý thằng bé đến lạ lùng. Trong đời đồ vật, ông chưa thấy tay đồ nào quyết đánh bại địch thủ dũng mãnh như thế. Có lúc ông đã thử bóp gân, xương cho đến tái người đi, nhưng vừa buông ra, nó đã lăn xả vào đánh liền. Có lúc ông đánh dồn dập năm, bảy miếng liền; nó vẫn tỉnh táo chống lại không hề nao núng. Càng đánh, ông càng thấy yêu, ông có ý muốn thu phục thằng bé. Cụ Cả Lắm đứng ngoài theo dõi keo vật, ông lão đã thấy rõ hết cái ý ấy của ông Cản Ngũ. Nước mắt ông lão bỗng trào ra, cảm kích vô cùng. Ngay giữa keo vật đang đánh giở, ông lão xông vào giữa xói xin cho được ngừng lại và bắt Tý Trâu nhận ông Cản Ngũ là thầy học. Ông Cản Ngũ sung sướng nắm chặt lấy tay ông đồ già, nhận lời.

\* \* \*

Đêm ấy, trong nhà cụ Cả Lắm vẫn đông đủ khắp mặt các tay đồ vật trong tỉnh. Bình thường những lần mất giải về tay người, và sau những keo vật như Quám Đen, cụ Cả Lắm bị đánh ngã, thế nào cũng xảy ra những cuộc xô xát. Có khi đến đổ máu. Nếu không xông vào giữa xói đánh nhau thì, cũng tìm cách đón đường, chặn lối không cho đối thủ của mình về. Cái cảnh thua đau như chiều nay, ai còn mặt mũi, lòng dạ nào mà hội họp, mà ăn uống! Thế nhưng cụ Cả Lắm đã có lời mời. Hôm nay ông Cản Ngũ ở lại chơi nhà cụ, ý cụ muốn có mặt đông đủ anh em hàng đồ trong tỉnh. Họ nể lòng quá, phải ở lại. Những người đồ vật to lớn, ngang tàng nhưng lại rất biết phục thiện các bậc đàn anh; và nữa, đối với một ông đồ tài mạnh, lấy lòng như ông Cản Ngũ, trên 129 130 Prev Page 4 Next xói vật họ coi là đối thủ, là thù địch, thực ra trong lòng họ vẫn rất lấy làm hâm mộ. Trong ánh sáng của những ngọn đuốc nhựa trám cháy rùng rục cắm quanh nhà, các ông đồ ăn uống, nói năng từ tốn, chậm rãi. Hôm nay, nom họ rất hiền, chất phác, thuần hậu như những ông thợ cày. Rượu được vài tuần, ông Cản Ngũ chấp hai tay vào nhau, từ từ đứng lên. Ông hướng ra bốn phía các ông đồ ngồi quanh, ngập ngừng lên tiếng:

-Thưa... Các bạn hàng đồ... tôi xin có vài lời... Tất cả mọi người đều ngừng đưa, hướng về phía ông Cử Ngũ.

-...Tôi đi vất cho đến nay, kể như gần hết một đời người rồi. Đông, Nam, Đoài, Bắc không thiếu đâu tôi không có mặt. Gần hết đời người rồi tôi mới thấy được buổi hôm nay. Thật là một sự hạnh ngộ quý hóa vô cùng... ông Cử Ngũ mím chặt môi lại, cúi đầu xuống. Đôi vai to lớn của ông rung lên. Lúc lâu ông mới lại ngừng lên nói tiếp:

-Các bạn hàng đồ ở đây không những đã không coi tôi như thù địch, mà còn đái tôi vào hàng khách quý, thân thiết như một người đồ cùng trong một sân vật mình. Điều ấy thật là hiếm có. Điều ấy khiến tôi phải bực bạch trước các bạn hàng đồ tình nhà về keo vật hôm nay. ông ngừng lại, nhìn vào cụ Cả Lắm rất lâu.

-Keo vật tôi với cụ giao đấu lúc ban chiều thật khó hiểu quá. Tôi không bao giờ dám nghĩ rằng mình có thể thoát được năm ngón tay cứng như thép ấy của cụ. Lúc ở ngoài xóm, còn đang say đấu, thực tình tôi chưa thấy được điều ấy. Về đây, càng nghĩ tôi càng lầy làm lạ. Một ông đồ vật dày dặn, lối lạc như cụ, không khi nào để tôi thoát khỏi miếng vật hiểm nghèo ấy một cách dễ dàng quá như thế được...

Đúng là cụ tha cho tôi keo vật ấy. Đúng là cụ không muốn đánh tôi gãy xương, không muốn tôi thành một người tàn phế. Đã được coi như người thân trong nhà, trước có đồng anh em hàng đồ hôm nay, tôi muốn hỏi cụ cho rõ điều ấy? Tất cả các mâm rượu đều xô xao cả lên. Không ai ngờ keo vật lại là như thế. Người ta ngạc nhiên, khó hiểu. Vì sao ông cụ lại không đánh ông Cử Ngũ nhỉ? Có đúng thật là cụ Cả Lắm đã tha cho ông Cử Ngũ không? Cụ Cả Lắm vẫn ngồi im trước mâm rượu. Những lời ông Cử Ngũ nói đúng vào ruột gan ông lão. Đúng là keo vật đến lúc cụ phải đánh đến miếng "móc quai xanh" thì ông cụ có phân vân, suy nghĩ. Người đồ vật khi phải đánh đến những miếng hiểm độc đã là hạ sách rồi. Đây là nước cùng, của một anh tầm thường, xấu chơi. Huống chi, ông Cử Ngũ tiếng là đi vật, nhưng ông lại là một ông tướng nghĩa quân của quan Tán, có nên vì một keo vật mà làm hại một người bấy lâu vì dân, vì nước được không? Chính lúc cụ Cả Lắm còn đang phân vân như thế, thì chợt đã thấy mình bị ông Cử Ngũ đánh ngã rồi. Lúc sau, cụ Cả Lắm mới đứng lên từ tạ. ông lão có vẻ miễn cưỡng mà phải nói:

-... Keo vật được, thua đã định ở ngoài xóm rồi. Đúng ra cũng chẳng nên nhắc lại làm gì. Nhưng ông bác đã hỏi, thì tôi phải xin thưa... ông lão ngập ngừng một lúc, rồi tiếp:

-Tôi cứ nghĩ rằng, đã là người đồ vật mình, dù ở đâu, ở xứ Đông hay ở xứ Đoài, xứ Nam hay xứ Bắc, ở đâu cũng là người dân Việt ta cả. Cũng là máu đỏ da vàng với nhau; trong cái buổi còn đang nước mất nhà tan này, có nên vì hơn, thua một keo vật mà đánh một người nghĩa khí, một người vì dân, vì nước như ông bác đây thành một người tàn phế, bỏ đi được không? Được như vậy, có thể gọi là được, được không?... Tất cả mọi người đều ngồi lặng đi. Có một cái gì to lớn, thiêng liêng lăm lăm đang choán lấy hồn những ông đồ vật. Quắm Đen ngồi dưới ngọn đuốc đang cháy rùng rục, anh ta cúi gằm mặt xuống. Từ hôm bị ông Cử Ngũ đánh ngã không thấy Quắm Đen hé răng nói một lời nào. Anh ta vẫn ngậm nuôi cái ý phục thù. Lúc này, nghe những lời cụ Cả Lắm nói, anh ta bỗng thấy xấu hổ... Ngay đêm ấy, Quắm Đen đến gặp cụ Cả Lắm, xin cụ nói cho anh được cùng Tý Trâu theo ông Cử Ngũ...

Mấy hôm sau, Tý Trâu, Quắm Đen theo ông Cử Ngũ xuôi về vùng Văn Giang, Gia Bình. Cụ Cả Lắm tiễn chân đến tận bến Sài. ông lão đứng trên bờ nhìn theo mấy thầy trò ông Cử Ngũ qua sông một lúc rồi mới quay về. Từ dưới cũng không thấy cụ nói với ai rằng họ đi đâu... Mãi mấy năm về sau mới có người nghe tin Tý Trâu và Quắm Đen ở trong đội nghĩa quân của ông Tán

Thuật đánh Tây, nhiều mưu mẹo và gan dạ lắm.

Năm ấy hội vật đền Đô vào đám to, tiếng đồn bay dậy khắp mọi miền xứ Bắc, chính vì có tin ông Cản Ngũ về phá giải. Các sân vật, các tay đô vật, những người ham thích xem vật, đầu đầu cũng nghe bàn bạc, sôi nổi về ông Cản Ngũ. Cản Ngũ là cản ngũ tỉnh. Năm tỉnh đường ngoài xứ Bắc, ông là vô địch. Vì vậy ông Cản Ngũ còn có tên là ông Cản Bắc. Năm ấy ông Cản Ngũ đã đứng tuổi rồi. Người ta xì xào bảo nhau rằng ông là một ông tướng thân cận của quan Tán Bãi Sậy lâu nay vẫn giả dạng đi vật, chu du khắp chốn thiên hạ để tuyển mộ những người tài, mạnh, nghĩa khí, kết làm anh em đồng sinh, đồng tử, xung vào đội nghĩa binh đánh giặc, cứu nước. Từ hôm có tin ông Cản Ngũ về phá giải hội vật đền Đô, nhà cụ Cả Lắm ở thôn Đình Tràng ngày nào cũng dập dìu ba bốn chục người khách lạ. Họ toàn những tay đô lão luyện, anh tài của các sân vật nổi tiếng quanh vùng đến hội tụ, bàn bạc cách đối phó với ông Cản Ngũ. Ai cũng biết, người vào vật đầu tiên với ông Cản Ngũ nhất định là Quắm Đen rồi. Sức mạnh và tài đờm của Quắm Đen không còn phải bàn gì nữa. Mấy năm liền Quắm Đen vẫn chiếm giải nhất ở vùng này. Các đô đều vì nể. Quắm Đen to trùi trùi như con trâu mộng. Anh ta khỏe lắm. Gánh lúa của anh bao giờ cũng to, nhiều gấp đại ba lần người khác. Anh có thể vật suốt ngày không biết mệt. Anh là học trò yêu của cụ Cả Lắm, được cụ truyền dạy cho nhiều thế đánh bí truyền và những đức tính cần thiết của một người đô vật đàn anh khi giao đấu với những địch thủ lợi hại. Thế nhưng, Quắm Đen thua ông Cản Ngũ thì ai sẽ vào "theo keo"? Cái khó của các ông đô vật vùng này là chỗ ấy. Mấy gian nhà khách, mấy ngày đêm liền, lúc nào cũng nghe ồm ồm tiếng bàn cãi. Các tay đô vừa uống rượu, vừa nói. Mặt người nào cũng đỏ phừng phừng. Người nào nom cũng to lớn dữ tợn. Những lúc bí quá, đã có người bàn đến nước cổ cùng là, nếu Quắm Đen bị ông Cản Ngũ đánh ngã thì tất cả các đô trong hàng tỉnh, mỗi anh một chiếc đòn gánh mấu liền cứ thế xông vào mà đánh. Đánh cho bàn dân thiên hạ không thể xem thường đô vật tỉnh Bắc được. Đánh cho ông Cản Ngũ cũng phải kiêng mặt. Cái ý xằng bậy ấy bị cụ Cả Lắm nghiêm khắc gạt bỏ đi ngay. Cụ bảo rằng: ông Cản Ngũ không phải là người dễ đánh! Mà gia dĩ có đánh được người ta, cũng không hay ho gì, đẹp đẽ gì cho các sân vật tỉnh mình. Tý Trâu là con trai út cụ Cả Lắm. Mấy hôm nay, nhà đông khách, chàng ta được bố phân cho các việc lật vật, nước nôi, điều đóm. Suốt ngày chàng ta chỉ quanh quẩn trên nhà khách hóng chuyện.

Tuy chưa được tập luyện thực sự, nhưng xem các bác, các chú "tắm vật" hàng ngày, Tý Trâu học được khối miếng. Tý Trâu vật rất giỏi, rất khỏe. Tất cả bọn chăn trâu đều bị nó vật ngã. Nó vật ngã cả bò, vật ngã cả trâu, làm gì không vật ngã ông Cản Ngũ! Nó nghĩ bụng, đến hôm này ra xới không ai dám vào theo keo nó sẽ vào vật ông Cản Ngũ cho mà xem. Phục thì phục quý thì quý, nhưng lúc này ông Cản Ngũ là đối thủ của tỉnh mình thì cũng phải vật ngã ông ấy một keo cái đã.

\* \* \*

Tiếng trống vật nổi lên dồn dập. Người tứ xứ đổ về đông như nước chảy. Ai ai cũng náo nức muốn được xem mặt, xem tài ông Cản Ngũ. Người ta chen lấn nhau, quây kín quanh xới vật; nhiều người phải trèo lên những cây trôi, cây nhội gần đấy xem cho rõ. Dưới mái tam quan đền, những vuông nhiều điều bay đồ rục. Các đô trong tỉnh cỡi trần, đóng khổ ngồi hai bên xới. Trên thềm cao, ông Cản Ngũ ngồi xếp bằng trên chiếc chiếu đậu trắng, cạp điều. Ông ngồi một mình một chiếu; người ông đồ như đồng tụ, to lớn, lấm liệt, nhác trông không khác gì tượng hai ông tướng Đá Rãi ở trong đền. Đầu ông buộc một vuông khăn màu xanh lục giữ tóc, mình trần, đóng khổ bao khăn vá. Ông ngồi ung dung ăn trầu uống nước, nói chuyện với mấy ông đàn anh trong dân xã các ông đô sở tại. Sau những keo vật thờ múa lộn thật đẹp mắt và sau những keo "khảo lèo" những đô khổ bệ; Quắm Đen bước ra xới, xốc lại mảnh khổ nhiều xanh, tiến lên thềm tam quan đền, giơ bàn tay thô, vụng vuốt dài lên mấy vuông nhiều giải nhất, miệng cười

rất tươi. Đó là dấu hiệu riêng của các đô trước khi vào đấu. Dấu hiệu tỏ ra cho mọi người biết, giải này mình vào phá và sẽ thuộc về mình. Nó là dấu hiệu thách thức, quyết đánh.

Ông đô già người sờ tại, khăn chùng, áo dài ngồi cầm trịch, giơ cao chiếc dù trống sơn son gõ mạnh xuống mặt trống ba tiếng thật đanh, thật giòn tỏ ý nhận lời. Quắm Đen quay ra đứng giữa xới. Ngay lúc ấy, ông Cản Ngũ cũng từ trên thềm cao bước xuống. Tiếng reo hò bốn phía tức thì nổi lên ầm ầm. Ngay nhịp trống đầu, Quắm Đen đã lăn xả vào ông Cản Ngũ đánh ráo riết. Rõ ràng là anh muốn dùng cái sức lực đương trai của mình lấn lướt ông ta và muốn hạ ông ta rất nhanh bằng những thế đánh thật lắt léo, hóc hiểm. Anh vờn tả, đánh hữu, dứ trên, đánh dưới, thoát biển, thoát hóa khôn lường. Trái lại, ông Cản Ngũ thì xem ra có vẻ lại lờ mờ, chậm chạp; dường như ông lúng túng trước những đòn đánh liên tiếp của Quắm Đen. Hai tay ông lúc nào cũng thấy dang rộng ra, để sát xuống mặt đất, xoay xoay chống đỡ. Keo vật xem chán ngắt. Cứ nghĩ tưởng Cản Ngũ thì phải thế nào chứ, đánh chác thế kia. "Chẹp!" Chán quá. Ông Cản Ngũ bỗng bước hụt, mắt đà chúi xuống. Quắm Đen đã như con cứt luồn qua hai cánh tay ông Cản Ngũ ôm lấy một bên chân ông, bốc lên. Người xem bốn phía xung quanh reo ồ cả lên. Thôi thế là ông Cản Ngũ ngã rồi, nhất định ngã rồi. Có khỏe bằng voi thì cũng phải ngã. Tiếng trống vật dồn lên, gấp rút, giục giã. Ông Cản Ngũ vẫn chưa ngã. Ông đứng như cây trồng giữa xới trước những cặp mắt kính dị của người xem. Còn Quắm Đen thì đang loay hoay gò lưng lại, không sao bê nổi chân ông Cản Ngũ lên. Cái chân tựa như bằng cây cột sắt chứ không phải là chân người nữa. Ông Cản Ngũ vẫn đứng nghiêng mình nhìn Quắm Đen mồ hôi mồ kê nhễ nhại dưới chân. Lúc lâu, ông mới thò tay xuống nắm lấy khó Quắm Đen nhắc bổng anh ta lên, coi nhẹ như ta giơ con ếch có buộc sợi rơm ngang bụng vậy. Các đô ngồi quanh xới đều lặng đi trước thần lực ghê gớm của ông Cản Ngũ. Thôi thế là Quắm Đen bại rồi. Keo vật bị đánh bại một cách nhục nhã, cay đắng quá chừng. Người ta đánh mình, co không bằng đánh với một đứa trẻ con! Quắm Đen, một tay đô tài mạnh bậc nhất trong hàng tỉnh mà còn bị đánh thua như vậy thì còn ai là người theo keo đánh nổi được ông Cản Ngũ? Họ đều cắn chặt môi lại mà thờ dài. Buổi tối hôm ấy, trong mấy gian nhà khách nhà cụ Cả Lắm lại ồn ồn tiếng các đô bàn cãi. Tiếng bàn cãi cùng lúc càng xô xát, dữ tợn. Một ông đô già móm mém đứng lên, xin nói. Ông lão nói nhỏ nhẹ, đà đặn như một ông quan viên, đứng nói giữa ngày hội làng.

-Thưa... có đông anh em các đô hàng tỉnh, tôi xin có một đại nhời... ông lão ngừng lại, đằng hắng một tiếng.

-Ông Cản Ngũ tuy thị là tay đô kỳ tài thật. Nhưng tài là tài ở đâu kia, ở ta đây không phải là không có người đánh được ông ấy. Nhất định là đánh được ạ. Tôi xin cam đoan với các chú vị hàng đô ta như thế. Ông lão tùm tùm, móm mém liếc nhìn mọi người. Cánh đô trẻ sốt ruột giục ầm ầm:

-Ai? Nhưng mà ai mới được chứ?

-Ai thì cụ cứ nói tởm móng heo ra! Tôi xin hỏi: ai đánh nổi ông Cản Ngũ nào? ông cụ đô móm hể hả đưa một bàn tay ra chặn người vừa nói:

-Ấy, ấy... Thông thả, cứ để thông thả cái đã nào... Việc này tuy thị cũng dễ thôi, nhưng lại cũng rất ư là khó khăn cơ đấy...

Một tay đô nóng nảy đứng phắt lên, gạt đi:

-Thôi, chúng tôi biết rồi. Đánh ngã ông Cản Ngũ tỉnh này phi tay cụ Cả Lắm ra, còn ai vào đây nữa!

-Đúng! Đúng! Ngoài cụ Cả Lắm ra không còn ai đánh nổi ông Cản Ngũ! Chúng tôi đã nghĩ ngay từ hôm có tin ông Cản Ngũ về phá giải rồi kia. Nhưng thực tình chúng tôi cũng ngại. Không biết cụ Cả Lắm có nhận lời không? Cụ Cả Lắm tùm tùm cười, lắc đầu nói nước đại với mọi người:

-Tôi bây giờ như con trâu đã về già rồi, biết rằng gân cốt có còn được như trước nữa không? Nói vậy nhưng cụ Cả Lắm cũng đã nghĩ như mọi người. Trong hàng tỉnh, ngoài cụ ra, không còn ai có thể địch lại với ông Cản Ngũ được. Keo vật đánh ngã Quắm Đen khi chiều cụ càng thấy rõ điều ấy. Cụ Cả Lắm trước kia vốn là một tay đô mà các đô thời ấy đều gọi là ông trạng vật. Cụ đã từng đánh ngã hàng loạt các ông đô được xếp vào hàng đô ngự. Cụ có những ngón bí truyền như "tiện xương", "rút gáy", "chặt chân voi" v.v... là những miếng vật đến con cháu trong nhà, cụ cũng không muốn truyền lại, sợ tổn âm đức về sau. Tuy đã hơn mười năm không ra xới, tiếng tăm cụ vẫn lẫy lừng, các đô trong tỉnh đều kính nể, coi cụ như bậc thầy. Keo vật cuối cùng trong đời; cụ đánh ngã một ông đô già. ông lão cũng là một tay đô tài mạnh lẫy lừng một thời, chỉ vì thanh danh của sân vật mình mà phải ra xới. Đánh ngã ông đô già keo vật ấy, về nhà không hiểu sao cụ Cả Lắm thấy trong lòng áy náy không yên, vừa thương thương, vừa tội tội. Từ đấy cụ không ra xới vật nữa. Nhưng lúc này, cái cảnh ngộ của cụ có khác gì cảnh người đồ già cụ đánh ngã trước kia? Quắm Đen, anh học trò yêu của cụ đã bị ông Cản Ngũ đánh ngã rồi. Cụ không ra xới thì tai tiếng; còn hàng huyện hàng tỉnh. Mà ra xới thì... "Lưỡng hổ tương tranh". Hai con hổ dữ tranh tài, một sống, một mái...

Vả nữa, ông Cản Ngũ vốn là một ông tướng nghĩa binh dưới cờ quan Tán, mượn danh đi vật để thu phục nhân tâm, lo toan việc nước. Đối với một người như thế, sự thắng bại, mất còn trong một keo vật, phỏng có nên chăng? Đêm ấy khách khứa trong nhà ngủ yên đã lâu, cụ Cả Lắm vẫn chấp hai tay sau lưng, đi lại một mình bần khoản nghĩ ngợi dưới bóng trăng. Keo vật ông Cản Ngũ đánh ngã Quắm Đen vẫn không thể xóa khỏi được trong ý nghĩ của ông cụ. Nó là một keo vật lạ lắm, không thể coi là một keo vật bình thường được. Tư cách người đồ vật đàn anh như ông Cản Ngũ, sao có thể nỡ đánh ngã một anh đô mới trở như Quắm Đen một cách tầm thường, bĩ thũ như thế được. Nó là cách muốn làm nhục nhau! Không, trong ý tứ keo vật này tất có điều gì bí ẩn đây. ông Cản Ngũ về tỉnh này, nhất định không lạ gì cụ Cả Lắm. Keo vật này là keo vật khiêu khích đây. Keo vật thách thức, keo vật gọi Cả Lắm ra xới thi tài đây. Đã là một người đồ vật, không ai có thể từ chối sự thách thức như vậy được. Trong người ông cụ Cả Lắm lại rạo rục bầu máu nóng của một anh đô tài ba và dày dặn, lọc lõi. Một ông đô, đã ra đến xới chỉ có quạt ngã địch thủ. Mặt trăng đã ngả chênh chếch về phía tây, ông cụ Cả Lắm lẳng lặng đi ra vườn sau, thử lại gân sức. Cụ tiến lại bên bụi chuối, giơ một bàn tay chặt liền mấy cái, những cây chuối, bị tiện đại ra, đổ rạp xuống. ông lão đứng tần ngần ngắm những cây chuối gãy một lúc, rồi lững thững đi lại phía những chiếc cối đá đại, thùng tròn vẫn dùng làm cối đập lúa để ở góc vườn. ông lão xỏ vào mỗi bên tay một cái cối đá, thông thả đi quanh vườn cây. ông lão đi như thế đủ ba vòng, rồi ung dung trở vào nhà đi nghỉ. Nhưng, ông cụ Cả Lắm vừa đi khỏi thì, từ trong một bụi cây tối, Tý Trâu đã chạy vút ra. Nó cũng chạy đến bên bụi chuối, cũng giơ tay hăm hờ chặt liền một lúc hàng chục cây chuối đổ xuống. Nó cũng xỏ cối đá vào hai cánh tay, mám môi mám lợi, cắm cổ chạy quanh vườn hàng chục lượt. Từ lúc Quắm Đen bị ông Cản Ngũ đánh ngã, Tý Trâu cũng bồn chồn không yên. Nó cũng thấy uất ức, xấu hổ và lo lắng cho sân vật của vùng mình. Đêm ấy cụ cậu lục tục không sao ngủ được. Cứ chợp mắt đi, đã thấy vật nhau với ông Cản Ngũ... Hôm nay là ngày giã đám rồi. Sau Quắm Đen vẫn chưa có người vào vật với ông Cản Ngũ. Chỉ còn từ giờ đến chiều là các sân vật tỉnh Bắc mắt giải. Dưới mái tam quan, các bộ lão, các ông quan viên, quan đám, các ông đồ sở tại, chạy vào chạy ra thờ thần. Hội đám nhộn nhịp. Trống vật thập thùng rồi rạc, cầm chừng. Thôi, giải vật năm nay cầm chắc về tay người ngoài rồi. ông đô già cầm trích đã đứng lên sửa soạn đánh một hồi ba tiếng trống hạ giải thì, một ông già từ ngoài xới, rẽ đám đông bước vào. Cụ Cả Lắm! Cả xới vật cùng reo lên. Các ông quan đám, quan viên, các ông chức dịch trong xã đều đứng cả dậy. Đúng là keo vật mà tất cả mọi người đang chờ đợi. Cụ Cả Lắm hôm nay nom oai phong,

lầm liệt như một lão tướng sắp ra trận. ông cụ đứng giữa xới, râu tóc bạc phơ, mình trần, đóng một cái khố bao nhồi trấu bằng vóc vàng, xung quanh vắt hai tấm nhiễu xanh và nhiễu đỏ lòa xòa đến gối.

Cả người ông lão chắc nịch, xù xì, gân guốc như một gốc đa cổ thụ. Lên đài xong, hai ông đồ già vào "bá tay tư". Chỉ mới vào "bá tay tư" thôi, cả xới bỗng đều như ngộp thở trước cuộc giao tranh sắp tới. Biết rằng gặp tay đối thủ lợi hại, ông Cản Ngũ đánh rất dè dặt. Hai ông đồ vừa đánh vừa thăm dò ý tứ của nhau. Họ không bỏ sót ở nhau từng cử động nhỏ nào. Họ đề phòng nhau từng cái liếc mắt, cái rùng mình... Tiếng trống vật bỗng dồn lên, càng lúc càng dồn lên mạnh mẽ. Keo vật đang từ thế thăm dò, dè dặt bỗng chuyển sang những thế đánh quyết liệt. Dồn lên, du xuống, quay tít quanh xới. Thực ra đây vẫn chỉ là đánh để thăm dò. Chưa bên nào dám đánh đến hết miếng đánh của mình, vừa đánh vừa giữ thế thủ. Cụ Cả Lãm quả là một tay đồ lão luyện, dày dặn. Bao nhiêu đòn ông Cản Ngũ đánh sang, ông cụ đều đỡ gạt, tránh né, gỡ thoát một cách hết sức nhẹ nhàng. Cụ vẫn chưa đánh trả ông Cản Ngũ một đòn nào. Đột nhiên, cụ Cả Lãm bỗng chao người đi, khuy một bên gối xuống, cả người cụ như một con thoi lao vút qua nách ông Cản Ngũ gánh lên. Nhưng ông Cản Ngũ đã kịp lùi lại một bước, thót người lại, vòng hai cánh tay to khỏe như hai con trăn đất, khóa chặt lấy gáy, lấy lưng ông cụ Cả Lãm, lắc mạnh...

Keo vật đã đến lúc hư, thực khôn lường. Cả hai ông đồ đều trở hết tài nghề ra để hạ nhau. Bốn bề chỉ nghe tiếng trống dồn dập, tiếng chân hai ông đồ tranh tài dõ dỏi thành thịch trên mặt xới. Hai ông đồ cứ thế xoắn chặt lấy nhau, quấn nhau, xoay như chong chóng. Cả xới ngồi xem đều lặng đi trước một cuộc tranh tài ghê gớm từ xưa chưa từng thấy. Bỗng có một người nào đó hét lên: Bá tay tư: Một tay vít gáy, tay kia nắm cánh hoặc bá vai. Trước khi đánh các đồ đều vào bá tay tư để dò xét sức lực nhau.

-ông Cản Ngũ bị rồi!

Cả xới vật tức thì xao động, nhón nháo. ông Cản Ngũ đã bị nắm đầu ngón tay cứng như năm cái vuốt của cụ Cả Lãm quặp chặt lấy xương quai xanh. Đó là một miếng vật bí truyền. Khi mà cụ Cả Lãm đã hạ đến miếng "móc quai xanh" ấy thì kẻ địch chỉ: một là thua, hai là gãy quai xanh mà chết. Miếng vật các đồ mới chỉ được nghe cụ nói lúc vui chuyện, chưa được xem cụ đánh bao giờ. Toàn thân ông Cản Ngũ đã run lên bần bật. Mặt ông lúc đỏ tía lên, lúc lại tái nhợt đi, đại chân mềm oặt. Lúc này, hai con mắt cụ Cả Lãm sáng quắc như hai ngọn lửa chiếu thẳng vào mặt ông Cản Ngũ. Cụ đẩy ông ra xa, cụ kéo xích ông lại gần, cụ thông thả dắt ông đi từng bước diều quanh xới. ông Cản Ngũ hoàn toàn lệ thuộc vào sự điều khiển theo ý muốn của cụ Cả Lãm. Cả xới tưởng chừng như không ai dám thở mạnh nữa. Ai cũng thấy rõ nếu ông Cản Ngũ cưỡng lại sẽ bị gãy xương ngay. Chỉ có các tay đồ trong tình xem ra người nào cũng sững. Mặt mũi người nào cũng rạng rỡ, phớn phở hẳn lên. ông cụ đồ móm không ăn được trầu, nhưng cũng mang sẵn một phong từ nhà, lúc này mới mở ra, đưa truyền mời mỗi ông đồ một miếng. ông lão tùm tùm, móm mém, nói nhỏ với mấy ông đồ ngồi bên cạnh:

-Cụ Cả nhà mình, tuy thị cũng là tay thâm nho đáo để. Hôm trước ông Cản Ngũ xách Quắm Đen như con nhái, thì hôm nay ông cụ dắt ông Cản Ngũ khác gì xỏ sẹo dắt con trâu... Đồ vật tỉnh Bắc Ninh chứ có phải...

Chợt thoáng vừa có cái gì khác lạ xảy ra. Có những tiếng reo hò và tiếng dùi đập vào tang trống cắc cắc... Cái gì lạnh toát vừa chạy suốt sống lưng ông lão đồ già móm mém. ông Cản Ngũ vừa ngã đổ người xuống ngực cụ Cả Lãm. Và, như một tia chớp, ông đã thoát khỏi năm đầu ngón tay ghê gớm của cụ Cả Lãm, xuất kỳ bất ý "sang sườn" đánh một miếng "gồng vai" đội lên. ông lão đồ móm không còn kịp nói hết câu nữa. Không còn tin ở mắt, ở tai mình nữa.

Keo vật đã chuyển bại thành thắng như ở trong một cơn mê. Cụ Cả Lắm lão đảo bước ra khỏi xới. Mấy tay đồ đàn em vội chạy vội theo. Không ai nói được một lời nào. Keo vật cụ Cả Lắm thua đau quá. Cầm bát nước bà hàng đưa cho mà ông lão không thể sao nuốt đi được. Nó cũng giống như keo vật cụ đánh ngã người ta cách đây mười mấy năm về trước. Giống quá! Giống quá!... ông cụ lắc đầu thở dài sườn sượt. Trời đã xế chiều. Trống vật nghe vẫn còn rộn rã. Quái lạ, còn ai vào đánh với ông Cản Ngũ nữa nhỉ? Một tay đồ từ xa hấp tấp chạy lại. Anh ta vừa thở, vừa nói:

-Thưa cụ, thằng Tý Trâu... Cụ Cả Lắm đặt vội bát nước xuống chống hỏi lại:

-Sao? Thằng Tý Trâu làm sao, bác?

-Thưa cụ... Thằng Tý Trâu đang vật với ông Cản Ngũ.

-Chết thôi! Con cái nhà, ra xới mau lên thôi bác! Quên cả nỗi buồn bực, uất ức, cụ Cả Lắm lật đặt chạy theo anh đồ vật ra xới. Trên xới vật, Tý Trâu đang giao đấu với ông Cản Ngũ. Nó đánh rất hăng. Đúng là con nhà nòi, có tài, có sức và gan dạ. Nó bám riết lấy ông Cản Ngũ đánh liên tiếp hết miếng này qua miếng khác. Nhìn miếng nó đánh hóc hiểm đến các ông đồ ngồi xem bên ngoài cũng lấy làm lạ. Ông Cản Ngũ chỉ lùi, tránh, đỡ, gạt, ông không có ý đánh ngã thằng bé.

Từ lúc biết Tý Trâu là con trai cụ Cả Lắm và đánh với nó vài nhịp trống, ông Cản Ngũ bỗng yêu quý thằng bé đến lạ lùng. Trong đời đồ vật, ông chưa thấy tay đồ nào quyết đánh bại địch thủ dũng mãnh như thế. Có lúc ông đã thử bóp gân, xương cho đến tái người đi, nhưng vừa buông ra, nó đã lăn xả vào đánh liền. Có lúc ông đánh dồn dập năm, bảy miếng liền; nó vẫn tỉnh táo chống lại không hề nao núng. Càng đánh, ông càng thấy yêu, ông có ý muốn thu phục thằng bé. Cụ Cả Lắm đứng ngoài theo dõi keo vật, ông lão đã thấy rõ hết cái ý ấy của ông Cản Ngũ. Nước mắt ông lão bỗng trào ra, cảm kích vô cùng. Ngay giữa keo vật đang đánh giở, ông lão xông vào giữa xới xin cho được ngừng lại và bắt Tý Trâu nhận ông Cản Ngũ là thầy học. Ông Cản Ngũ sung sướng nắm chặt lấy tay ông đồ già, nhận lời.

\* \* \*

Đêm ấy, trong nhà cụ Cả Lắm vẫn đông đủ khắp mặt các tay đồ vật trong tỉnh. Bình thường những lần mất giải về tay người, và sau những keo vật như Quắm Đen, cụ Cả Lắm bị đánh ngã, thế nào cũng xảy ra những cuộc xô xát. Có khi đến đổ máu. Nếu không xông vào giữa xới đánh nhau thì, cũng tìm cách đón đường, chặn lối không cho đối thủ của mình về. Cái cảnh thua đau như chiều nay, ai còn mặt mũi, lòng dạ nào mà hội họp, mà ăn uống! Thế nhưng cụ Cả Lắm đã có lời mời. Hôm nay ông Cản Ngũ ở lại chơi nhà cụ, ý cụ muốn có mặt đông đủ anh em hàng đồ trong tỉnh. Họ nể lòng quá, phải ở lại. Những người đồ vật to lớn, ngang tàng nhưng lại rất biết phục thiện các bậc đàn anh; và nữa, đối với một ông đồ tài mạnh, lấy lòng như ông Cản Ngũ, trên 129 130 Prev Page 4 Next xới vật họ coi là đối thủ, là thù địch, thực ra trong lòng họ vẫn rất lấy làm hâm mộ. Trong ánh sáng của những ngọn đuốc nhựa trám cháy rừng rục cắm quanh nhà, các ông đồ ăn uống, nói năng từ tốn, chậm rãi. Hôm nay, nom họ rất hiền, chất phác, thuần hậu như những ông thợ cày. Rượu được vài tuần, ông Cản Ngũ chấp hai tay vào nhau, từ từ đứng lên. Ông hướng ra bốn phía các ông đồ ngồi quanh, ngập ngừng lên tiếng:

-Thưa... Các bạn hàng đồ... tôi xin có vài lời... Tất cả mọi người đều ngừng đĩa, hướng về phía ông Cản Ngũ.



-...Tôi đi vật cho đến nay, kể như gần hết một đời người rồi. Đông, Nam, Đoài, Bắc không thiếu đâu tôi không có mặt. Gần hết đời người rồi tôi mới thấy được buổi hôm nay. Thật là một sự hạnh ngộ quý hóa vô cùng... ông Cử Ngũ mím chặt môi lại, cúi đầu xuống. Đôi vai to lớn của ông rung lên. Lúc lâu ông mới lại ngừng lên nói tiếp:

-Các bạn hàng đồ ở đây không những đã không coi tôi như thù địch, mà còn đái tôi vào hàng khách quý, thân thiết như một người đồ cùng trong một sân vật mình. Điều ấy thật là hiếm có. Điều ấy khiến tôi phải bặc bạch trước các bạn hàng đồ tỉnh nhà về keo vật hôm nay. ông ngừng lại, nhìn vào cụ Cả Lắm rất lâu.

-Keo vật tôi với cụ giao đấu lúc ban chiều thật khó hiểu quá. Tôi không bao giờ dám nghĩ rằng mình có thể thoát được năm ngón tay cứng như thép ấy của cụ. Lúc ở ngoài xóm, còn đang say đấu, thực tình tôi chưa thấy được điều ấy. Về đây, càng nghĩ tôi càng lầy làm lạ. Một ông đồ vật dày dặn, lỗ lác như cụ, không khi nào để tôi thoát khỏi miếng vật hiểm nghèo ấy một cách dễ dàng quá như thế được...

Đúng là cụ tha cho tôi keo vật ấy. Đúng là cụ không muốn đánh tôi gãy xương, không muốn tôi thành một người tàn phế. Đã được coi như người thân trong nhà, trước có đồng anh em hàng đồ hôm nay, tôi muốn hỏi cụ cho rõ điều ấy? Tất cả các mâm rượu đều xôn xao cả lên. Không ai ngờ keo vật lại là như thế. Người ta ngạc nhiên, khó hiểu. Vì sao ông cụ lại không đánh ông Cử Ngũ nhỉ? Có đúng thật là cụ Cả Lắm đã tha cho ông Cử Ngũ không? Cụ Cả Lắm vẫn ngồi im trước mâm rượu. Những lời ông Cử Ngũ nói đúng vào ruột gan ông lão. Đúng là keo vật đến lúc cụ phải đánh đến miếng "móc quai xanh" thì ông cụ có phân vân, suy nghĩ. Người đồ vật khi phải đánh đến những miếng hiểm độc đã là hạ sách rồi. Đây là nước cùng, của một anh tầm thường, xấu chơi. Huống chi, ông Cử Ngũ tiếng là đi vật, nhưng ông lại là một ông tướng nghĩa quân của quan Tán, có nên vì một keo vật mà làm hại một người bấy lâu vì dân, vì nước được không? Chính lúc cụ Cả Lắm còn đang phân vân như thế, thì chợt đã thấy mình bị ông Cử Ngũ đánh ngã rồi. Lúc sau, cụ Cả Lắm mới đứng lên từ tạ. ông lão có vẻ miễn cưỡng mà phải nói:

-... Keo vật được, thua đã định ở ngoài xóm rồi. Đúng ra cũng chả nên nhắc lại làm gì. Nhưng ông bác đã hỏi, thì tôi phải xin thưa... ông lão ngập ngừng một lúc, rồi tiếp:

-Tôi cứ nghĩ rằng, đã là người đồ vật mình, dù ở đâu, ở xứ Đông hay ở xứ Đoài, xứ Nam hay xứ Bắc, ở đâu cũng là người dân Việt ta cả. Cũng là máu đỏ da vàng với nhau; trong cái buổi còn đang nước mất nhà tan này, có nên vì hơn, thua một keo vật mà đánh một người nghĩa khí, một người vì dân, vì nước như ông bác đây thành một người tàn phế, bỏ đi được không? Được như vậy, có thể gọi là được, được không?... Tất cả mọi người đều ngồi lặng đi. Có một cái gì to lớn, thiêng liêng lắm đang choán lấy hồn những ông đồ vật. Quắm Đen ngồi dưới ngọn đuốc đang cháy rùng rục, anh ta cúi gằm mặt xuống. Từ hôm bị ông Cử Ngũ đánh ngã không thấy Quắm Đen hé răng nói một lời nào. Anh ta vẫn ngằm nuôi cái ý phục thù. Lúc này, nghe những lời cụ Cả Lắm nói, anh ta bỗng thấy xấu hổ... Ngay đêm ấy, Quắm Đen đến gặp cụ Cả Lắm, xin cụ nói cho anh được cùng Tý Trâu theo ông Cử Ngũ...

Mấy hôm sau, Tý Trâu, Quắm Đen theo ông Cử Ngũ xuôi về vùng Văn Giang, Gia Bình. Cụ Cả Lắm tiễn chân đến tận bến Sái. ông lão đứng trên bờ nhìn theo mấy thầy trò ông Cử Ngũ qua sông một lúc rồi mới quay về. Từ dưới cũng không thấy cụ nói với ai rằng họ đi đâu... Mãi mấy năm về sau mới có người nghe tin Tý Trâu và Quắm Đen ở trong đội nghĩa quân của ông Tán Thuật đánh Tây, nhiều mưu mẹo và gan dạ lắm.

## Con mã mái

Mảnh sân đất nhỏ hẹp chạy dài trước ba gian nhà tranh lợp xúp. Bề ngang không đầy hai thước; bề dài chỉ đến tám bước chân là quá. Vậy mà Cả Chuẩn cũng cố bày biện cho nó ra vẻ một cái vườn cảnh. Giàn thiên lí, chính giữa, thấp lè tè, cành lá xum xuê che chiếc bể cạn thả cá vàng và bốn chậu lan đặt trên đôn sứ cũ kĩ, sứt mẻ: hai chậu bạch ngọc và hai chậu nhất điểm. Trong bể, kê một hòn non bộ sần sùi gân guốc; cỏ tóc tiên mọc um tùm giữ một vẻ hoang vu bí mật đối với bọn người sành bé nhỏ, đặt theo điển tích. Nào chùa, tháp, cầu, quán chèo vĩnh hiềm trở; nào ngư, tiều, canh, độc; nào cầm, kì, thi, tửu; nào Bá Nha ngộ Tử Kì; nào Sào Phủ tấy nhĩ... Tất cả ngụ một vẻ an nhàn thư thái, gác đường danh lợi ra ngoài như thời Nghiêu Thuấn. Che tất cả hòn non bộ là một cái tán si. Gốc si xù xì, thân uốn éo theo một kiểu nhất định.

Mỗi lần có khách lạ, ông Cả không quên giảng giải kĩ lưỡng về chiếc bể này:

- Có người trả năm chục bạc rồi, tôi không bán đấy nhé. Những người sành này tôi gửi mua tận chợ Đồng Xuân ngoài Hà Nội, toàn sứ tàu cả; lại còn cây si này nữa. Ông thử để ý ngắm kĩ mà xem: kiểu long cuốn thủy đấy!... Này nhé, cái gốc là cái đầu vực xuống uống nước này. Hai vầu này là hai con mắt này. Cái thân uốn éo như hình con rồng cuộn khúc này. Cái tán ở trên xoè là cái đuôi này. Còn cây nhỏ dưới gốc là cây tử này. Chơi cây phải có mẫu, có tử mới không sai ông ạ.

Cả Chuẩn khoe khoang hòn non bộ cũng như ông vẫn thường khoe hai cây cau lợn cọt trồng hai bên vại sói trắng. Mấy khóm lan, hai chậu bạch trà hay bất cứ một thứ gì trong sân cảnh đều mang một lịch sử cầu kì, khó khăn.

Khi người ta là một nhà nho – mặc dầu không hay chữ – nhất lại là nhà nho kiết nữa, thì càng sành chơi cái thú thanh tao này. Cả Chuẩn cũng vậy. Ông chơi cây cảnh chẳng qua để đôi lúc rượu say, tức đời đem câu “danh lợi bất như nhàn” hay “bần thanh còn hơn phú trọc” ra mà an ủi mình và để lên mặt khinh đời, nghĩa là khinh mấy bác giàu có trong làng, mà ông cha là những hạng người keo bản, thô tục, không bao giờ hiểu biết được cái thú nhàn nhã như ông. Ông thường dè bủ:

- Hừ! Sống ở trên đời mà bo bo đồng tiền, chẳng biết ăn chơi là cái gì, chết thì cũng hai tay buông xuôi, dễ mang được của đi chắc!

Rồi ông cất giọng sang sảng ngâm:

*Ngoài vòng cương toả chân cao thấp,  
Trong thú yên hà mặt tỉnh say.*

Chính ra, Cả Chuẩn cũng không tha thiết gì với cái vườn cảnh cho lắm. Sở dĩ có nó, chẳng qua vì ông rỗi rãi quá và cũng vì những lẽ trên kia. Thật tâm, ông chỉ thích gà chơi thôi.

Trong cái vườn cảnh bề bộn, nhỏ hẹp ấy, ông cố chen thêm vào một chuồng gà và hai chiếc bu thừa, cao lớn lênh khênh coi rất chướng mắt.

Cả Chuẩn mê thích gà chơi lắm. Suốt ngày chỉ lẩn lóc với gà. Ngay từ tờ mờ sáng, chưa dậy được, nằm trên giường, ông đã để ý nghe xem hôm nay con Chuối gáy mấy tiếng, con Bạch Nhạn gáy mấy tiếng. Có được mạnh mẽ không? Ông mê đến nỗi chẳng thiết làm ăn gì cả. Chỉ khổ bà Cả và cô Tường. Hai mẹ con đầu tắt mặt tối, ngược xuôi, tần tảo lấy tiền về nuôi gia đình. Thằng cu Trạm lớn rồi vẫn không được đi học. Phải ở nhà hầu hạ bố, nói là hầu hạ gà mới đúng. Lúc nào nó cũng la cà ở ngoài bờ ruộng bắt nhái, hoặc cào cào, châu chấu đem về cho gà ăn. Thằng bé đầy nắng đen sạm hẳn đi.

Ông Cả để cu Trạm sống theo vết cũ của mình. Cũng như phần đông trai làng: lớn lên lấy vợ, rồi nhờ vợ sống một cuộc đời ỷ lại vô lo vô lự. Nếu nhờ trời khảm khá có đồng ra đồng vào một chút, ra hương chính, cai đám; hơn nữa, lí, phó tổng chưa biết chừng. Thế là danh phận chán rồi.

Hiện giờ, trong nhà có hai con gà đá được. Cả Chuẩn vẫn chưa vừa ý con nào. Cái Chuối chân

vàng “chịu buộc bắt tăng” (1). Dầu hay, mau đòn, nhưng phải cái đá nhẹ. Cái Bạch Nhạn “Cần lập trụ” (2) đòn nặng, gan lì, thì lại chậm chạp; mặt bành xe, dại đàn lắm.

Cho nên Cả Chuẩn vẫn để ý tìm tòi một tông gà hay nuôi cho bố công vắn vổ. Ông thường phàn nàn:

- Nuôi được con gà đi đám, công phu lắm, chứ có phải dễ đâu. Hạng táp nham thì vô thiên lủng ra đấy. Nhưng không bỏ.

Một bận, ông sang Tư Méo bên Bính Hạ chơi. Gớm! Ông cứ mê lên về gà của hắn. Ông thuật lại với anh em bằng một giọng vô cùng thèm muốn:

- Chết! Chết! Chơi như người ta mới là chơi, chứ như mình ấy à! Một tay lão ta nuôi hai mươi nhăm con gà, ở trong một cái trại bát ngát. Mà con nào cũng như công như phượng ấy!

Cả Chuẩn còn sang bên Tư Méo bốn năm bận nữa. Ông mà mò muốn mua một con gà mái.

Cho rằng: “Chó giống cha, gà giống mẹ”. Gà mẹ có hay, gà con mới đá được. Tư Méo có cái Mái Ô sô mặt tông siếc, ông mê thích quá: “Chân tay mặt mỏ ấy, nó đá như vũ như bão chứ chẳng không”.

Nhưng khản khoản thế nào, Tư Méo vẫn không bán, mà hỏi mượn về “đúc” một lứa, hắn cũng không cho. Càng thế, Cả Chuẩn càng mê mẩn con mái xòm. Ông nhất quyết phải chiếm cho kì được mới yên lòng, nhưng vẫn băn khoăn chưa tìm ra cách nào.

Một buổi tối, người hàng xóm ông mất gà. Mụ xắn váy quá đầu gối, dạo khắp ngõ trong, ngõ ngoài, quai xanh vành mỏ ra sa sả rửa đũa nào đã chấp chiếm con gà mái của mụ.

Nghe vậy, Cả Chuẩn bỗng nảy ra một ý kiến. Ông mỉm cười gật gù khoan khoái, lấy làm đắc sách lắm. Sáng hôm sau, mặc dầu trời lạnh, ông đã lọ mọ xuống xóm dưới vào nhà Cả Cúi chơi. Đồi bên thì thầm bàn tán với nhau có vẻ bí mật lắm. Lúc ra về, ông còn cặn kẽ dặn đi dặn lại:

- Thế nào anh cũng cố lưu tâm giúp tôi nhé!... Nhớ con gà đen và xòm mặt ấy. Tôi không để anh thiệt đâu.

Cả Cúi gật đầu:

- Được! Được! Con nhớ kĩ rồi, ông cứ yên tâm.

Thỉnh thoảng, Cả Cúi lại lên nhà Cả Chuẩn chơi. Có lần hắn còn ở lại uống rượu nữa. Ông cũng chẳng nề hà tai tiếng chơi bời với quân câu gà với làng nước nữa.

Nửa tháng sau. Một đêm tối trời. Cả Chuẩn đã đi nằm từ lâu. Ông đang mơ mơ màng màng đến con gà mái của Tư Méo. Chợt có tiếng Cả Cúi gõ cửa rất gấp, giọng nhỏ và có vẻ sợ sệt:

- Ông Cả ơi! Ông Cả! Ông Cả ơi! Ông Cả!

Đoán chắc thế nào cũng có kết quả tốt đẹp, Cả Chuẩn sượng rợn lên. Ông vùng trở dậy, hấp tấp không kịp thấp đèn, bước thấp bước cao ra mở cửa. Ông hỏn hển hỏi bóng người trước mặt:

- Cúi đấy à? Thế nào?

Hắn lách người qua cửa ngõ hé mở, thì thào:

- Được rồi.

Ông Cả vội vã đi thấp đèn, rồi ngòai ngẩn người ra ngắm con gà nghiêng ghé trong ánh sáng vàng ketch, tần ngần chẳng nói chẳng rằng. Cả Cúi sốt ruột cất giọng lè nhè dói thuốc nhắc:

- Ông cho con xin... con về chẳng khuya.

Ông Cả giật mình tỉnh mộng:

- À, nhỉ!

Rồi cứ cầm cả gà trên tay đi vào buồng, nâng đầu vợ gọi:

- Này! Này! Đưa mượn tạm năm đồng.

Bà Cả oặt oại, ậm ờ, giọng khê nòng nặc:

- Bây giờ còn lấy tiền làm gì?

Ông phát bần:

- Có việc chứ còn làm gì nữa? Hỏi lẩn thẩn mãi!

Bà Cả đành phải đầu dụ. Bao giờ ông gặt, bà cũng phải đầu dụ như thế:

- Ở cái bao trong bồ hàng ấy. Lấy đúng năm đồng thôi nhé.

Trả tiền Cả Cúi, đưa hán ra về rồi, ông Cả vẫn còn ngồi mê man ngắm gà đến mãi khuya. Đêm ấy, Cả Chuẩn trần trọc không sao ngủ được. Ông cứ nghĩ luẩn quẩn về con gà mới mua, và tưởng tượng đến bao nhiêu chiến công rực rỡ của đàn con nó sau này Mái gần sáng, mới chợp đi được một lúc. Trong giấc mơ, ông chập chờn thấy toàn những gà là gà. Hôm sau, ông đi khắp mặt làng chơi trong làng khoe mình mới mua được con gà mái ô đẹp lắm, của anh bán củi gánh qua. Và nhân thể ông đặt luôn nó là cái Mái Cúi Tạ. Con Cúi Tạ đá nặng đòn lắm. Ai xem cũng phải thán phục nó có đôi quần đẹp. Cả Chuẩn đã cho thử tài đến năm sáu bận. Không con nào chịu nổi nó đến ba hồ. Lần nào cũng chỉ hai hồ, hai hồ rươi đảo về là nó đánh con địch một đòn cứ biệng siêng như người say. Cho đến hết hồ thứ ba là phải chạy. Duy có con Mái Xám của phó Tiệm trên phố phủ, gan liền mới chịu được năm hồ, thì hôm sau ngã gục xuống chuồng lợn chết.

\*  
\* \*

Độ rầy, con Cúi Tạ mới đổi lông, óng ả, mượt mã và béo tốt ra. Cái mặt đỏ gay lên. Nó dạo hết nhà trước vườn sau, thần thờ gọi trống: “Coóc!... Coóc!... Coóc!... Coóc!... Coóc!...”.

Cả Chuẩn càng bản khoăn lo nghĩ. Từ ngày có con Cúi Tạ, ông vẫn để ý tìm ở vùng này một con gà hay “đúc” (3) một lứa. Ông đem ý này bàn soạn với các bạn:

- Ở ta bây giờ, tôi xem không có một mái gà nào gọi là đá được để “rầy” con mái Cúi Tạ, các ông ạ.

- Thiếu gì? Cái Tía khuynh ba kì của đồ Thảo thế nào?

- Cái ấy đá thì có gì, ông bảo! Để cứ ăn ba kì là gà hay chắc? Chẳng cứ, ông ạ!

Hương Chế biểu đồng tình:

- Phải! Ông Cả nói phải, có cứ gì ăn giải là gà hay đâu. Chẳng qua là hợp “vở” (4) thì ăn thôi chứ khó gì. Chẳng hạn như gà mình chui, gặp phải con đấm, cứ mạng sườn nó thúc thì hỏi “ông” chui vào đâu? Chỉ ba hồ hương là “ông” sẽ cánh buồm xuống, “ông” bước. Nếu biết kháp (5) ra, gặp con đề cần bắt tăng (6) thì ông đã lại tiền bỏ túi.

Con Tía khuynh chân sương (7), ông Tư vừa nói, có đòn gì? Tôi chả thấy nó đánh cần cáo bao giờ gọi là có. Độc vị “thông vĩa hai mang” (8), gặp phải con đấm hay, cu cậu đâm ra tháo chái. “Cần chạy vài nhì” (9) lắm khi còn đánh “sà leo” (10) ngã quật mình xuống đất như trời giáng nữa mới chết chứ.

Gà hay vùng này bây giờ tôi chỉ thấy có ba con thôi: Cúi Tía Nồi của Tư Méo là một. Nó đá thì không phải bàn cãi nữa rồi. Cái Ô Chuốt gan liền tướng quân của lang Mão Đồng Kỵ là hai. Với lại cái Bịp Tầm đại (11) của đồ Đán bên Đình Bảng là ba. Thế thôi đấy. Còn ngoại giả tôi không còn ưng ý một con nào nữa.

Hương chế nói rất chí lí. Cả Chuẩn cũng nhận thấy thế. Vùng này xem ra chỉ có ba con gà ấy là xứng đáng rầy (12) cái Mái Cúi Tạ thôi. Con Tía Nồi của Tư Méo thì ông Cả không dám mang đến rồi. Con Bịp được cái phủ đòn và cũng có cần cáo đấy. Nhưng ông ghét nó phải cái lớn quá. Chơi gà tầm đại ra đấm khó kén được con “đồng cân đồng lượng” mà đá.

Cả Chuẩn nghĩ chán rồi. Ông nhất định lên Đồng Kỵ mượn cái Ô Chuốt. Con này tầm trung vừa chơi. Nó đá nhiều cần cáo lắm; lắm đòn đánh con địch kêu quang quác, bay vù ra ngoài sới. Khốn nỗi lang Mão không cho mượn. Cả Chuẩn cố nài năm khăn khoản mãi. Nể lời quá, và là chỗ bạn bè thân thiết, lang Mão đành bàn khéo:

- Thật tình tôi không dám tiếc anh em đâu. Ở nhà tôi cũng đang cho rầy mái. Khó nghĩ quá! Hay là thế này. Ông đem con Cúi Tạ để trên này đúc một thể?

Cả Chuẩn không bằng lòng. Ông cười gượng gạo bàn ra cách khác:

- Ủ! Thế cũng được. Nhưng mà... Nhưng mà... Hay thế này tiện hơn. Mỗi hôm tôi sai cháu nó đem lên đây. Ông cho cái Ô Chuốt đập một lần, có nhẽ tiện hơn.

- Vâng! Thôi thế cũng được. Chỉ khí vất vả cậu em một tí.

Hôm ấy ra về, Cả Chuẩn nghĩ lung lắm. Ông tự nhủ: “Cho đem lên như thế này, ngộ nhờ gặp Tư Méo thì sao”. Trí óc rối ren lên không biết bao nhiêu là ý định. Ông tìm cách này, cách nọ, chưa bẻ nào ổn cả. Không lẽ cho vào lồng rồi phủ giấy ra ngoài? Hay nhét vào cái bịt? Ủ, nhét

vào cái bị có nhẽ là tiện. “Nhưng lang Mão thấy mình giấu giấu, giếm giếm như vậy thì có phải lòi cái gian ra không?”.

Sau cùng, Cả Chuẩn chắc lưỡi quyết định như thế này: “Cứ đem tự nhiên. Nhưng phải đi vòng cánh đồng. Khí xa thực đấy. Nhưng thôi, chịu khó một tí vậy, cho chắc chắn”.

Thế là ngày hôm sau, cơm nước xong, cu Trạm lếch thếch ôm con gà vòng cánh đồng lên Đồng Kỵ lấy giống. Cứ rông rã như thế hơn nửa tháng trời, cho đến ngày con Cui Tạ rạo rục tìm ổ mới thôi.

Rồi con Cui Tạ đẻ. Mỗi lần nghe nó “cục ta cục tác” hoà với hai con gà trống kêu inh nhà lên, ông Cả lại sung sướng rộn rã. Có bận, chừng chênh choáng say, ông liếc bà, tủm tỉm nói lỡm: - Đấy bà mà nghe xem. Có phải con gà mái kêu: “Vừa đau vừa rát! Vừa đau vừa rát!” thì con gà trống ở đâu te tái chạy lại dỗ dành: “Ai cũng thế! Ai cũng thế!” không?

Dứt lời, ông cười ha hả.

Bà Cả nguyệt chồng, nguẩy xuống nhà bếp, lảm bảm:

- Người đâu khổ là người! Vài ba hớp rượu vào là như trẻ con ấy.

Cả Chuẩn cũng chẳng để ý đến lời vợ: ông còn mãi lấy thóc cho gà ăn và đi cất trứng cho cẩn thận. Chẳng nữa chuột tha hoặc rắn nuốt mất. Cái trứng nào ông cũng đánh số nhất, nhị, tam, tứ, thứ tự trước sau.

Thấm thoát, con Cui Tạ đã ấp. Những lúc nó rời ổ đi ăn, uống, Cả Chuẩn lại vào nhòm xem ổ trứng thiếu đủ ra sao. Ông đoán cái nào tròn là nở ra con đực, cái nào dài là nở ra con mái. Và để ý từ màu sắc thay đổi, từ màu hồng hồng đổi dần sang màu xám. Những công việc tỉ mỉ không đâu ấy cũng đủ khiến ông vui thích mà bận rộn suốt ngày.

Ấp được hai mươi hôm thì nở. Hôm ấy, Cả Chuẩn ở luôn bên ổ săn sóc. Mỗi con gà ráo lông, ông lại bắt ra bằm cái mỏ chấu (13) đi. Việc ấy đối với ông quan hệ lắm. Chả thế mà trứng chưa nở hết, ông phải ngồi chờ quá nửa đêm vẫn chưa đi ngủ. Bà Cả thương chồng vất vả, mấy lần nhắc nhỡm:

- Thì mặc nó có được không? Việc gì mà thức cho mệt người!

Ông bực mình, gắt lên:

- Bà thì có biết cái gì nữa mà cũng cứ nói mãi! Không chờ bóc vỏ chấu về sau này đá độ vài ba hồ đã tuột mỏ của người ta đi à?

Vả lại ông cũng không muốn ngủ, cứ thích ngồi rù trong chần bông bên ngọn đèn hút thuốc lào vạt và chú trọng nghe tiếng gà con chiêm chiếp, xao xác đến vui tai.

\*

\* \*

Lựa gà ấy của Cả Chuẩn chỉ để lại có hai con: một cái Ô Mã Mái và một cái “này nòi” Sám Miến Hồng. Đôi gà này mỗi con đều có một đặc biệt riêng. Ngay từ khi hấy còn lông tơ, con Sám Hồng đã bỏ đàn đi bới sâu ăn riêng một mình rất xa đàn. Còn con Mã Mái ăn no lại nằm châu hấu ngay mỏ mẹ, đúng với câu: “Thứ nhất ăn sâu, thứ nhì châu mỏ”. Ông tin chắc thế nào đôi gà ấy cũng có tài xuất chúng.

Bảy, tám tháng sau, đôi gà ấy đã qua thời kì “bóc dò”; rồi gáy căng. Cả Chuẩn đem sữa sang cất tai, cất mào; và gọt lông ở bụng ở đùi cho dễ om bóp vằn vố. Bây giờ, chúng có vẻ con nhà tướng lắm. Mỗi khi nhác thấy nhau là ngẩng cao cái đầu đỏ chót lên, “cục tét” một tiếng lớn. Rồi vỗ cánh phành phạch, cất tiếng gáy khiêu khích. Chúng nghiêng mình đứng kinh, dữ tợn nhìn nhau và bước lên những bước đi đĩnh đạc, chắc chắn, quả quyết cùng nhau một trận thư hùng. Ông Cả phải nhốt riêng mỗi con một nơi.

Tuy rằng cùng đàn với nhau mà đôi gà ấy mỗi con một vẻ, mỗi con đánh một đòn. Con Ô Mã Mái tăng dày, mí trờm làm cho đôi mắt éch sâu hoắm vào. Mỏ tam sơn, ba múi, quăm quăm như mỏ diều hâu. Minh củ đậu (14), đuôi lá vả, tỏ ra có sức bền bỉ, gan góc. Nhất là đôi quản đen bóng, rắn cứng như thép nguội. Hai hàng vẩy một song song chạy từ kheo đến bàn. Quản bên phải, sóng ngang với cựa có một chiếc vẩy rất nhỏ cài vào nữa. Theo những tay chơi, đó là

chiếc vẩy cáo, lợi hại lắm. Nó chuyên “hầu dục” (15) rất nhiều cần, cáo (16). Ai cũng phải chịu là con gà hay.

Nhưng đến con Sám Miến Hồng thì mới thực là tài ba có một. Với đôi quản đầy vẩy “khâu dao” (17), chỉ buông không cũng thành cần, cáo. Và nhất là hai ngón “thái” (18) vênh vênh kì quái. Nó đã lấy vừa đúng mười hai con mắt trong mười hai trận đá. Sám Hồng khét tiếng là con gà kì tài. Đến nỗi vằn khấu mỏ (19) lấy giẻ quấn chân lại, nó còn “buông” (20) một đòn khiến con Mã Mái giãy lên đành đạch.

Từ đấy táng ketch, không ai còn dám cho gà vằn với nó nữa, Vì thế, con Sám Hồng chưa bao giờ đá đến quá hồ rươi. Cả Chuẩn vẫn sợ sau này, ra hội, nó không đủ hơi, nên ông đành phải cho vằn lồng với con Mã Mái vậy.

Sầy-khách-lai ngoài Hà Nội về đã trả con Sám Hồng tới năm chục bạc. Nhưng Cả Chuẩn nhất định không bán. Ông cười chậm rãi:

- Vâng! Cứ kể ra năm chục thời cũng to đấy! Nhưng cái lòng thích với cái công phu nuôi nó thì nhiều chứ! Ai lại đem bán đi!

Thường thường, Cả Chuẩn vẫn ngâm câu: “Chân chì mắt ếch đếch sợ ai. Quản ngắn đùi dài đá chẳng sai” tả cái gan góc của con Mã Mái và câu: “Đầu công, mình cốc, cánh võ chai. Quản ngắn đùi dài đá chẳng sai” tả cái gọn gàng nhanh nhẹn của con Sám Miến Hồng.

Bỗng một hôm tiết trời đổi khác. Gió heo may lạnh lẽo vi vút từng cơn. Cả Chuẩn sổ suýt nói tiếng đặng tai. Ông thấy trơn trơn người; gầy gầy sốt, da nổi gai ốc lên. Cái đĩa Biếu cũng ươn người, quấy mẹ suốt đêm. Ông Cả cất giọng ngàn ngạt bảo vợ:

- Trờ trời đây mà! Khí tiết này độc lắm đấy, bà nó ạ.

Sáng hôm sau, Cả Chuẩn nằm nghe đôi gà gáy, thấy kém mọi ngày đến mười mười lăm tiếng và giọng không được mạnh mẽ, xói vào tai như trước.

Đôi gà hôm nay mất hết vẻ hùng dũng. Chúng xù lông ra, rụt đầu vào, thu gọn trong đôi vai cánh nhô lên. Mắt nhắm nghiền, cái mỏ se se vẩy. Thấy động, chúng giật mình te hế cặp mắt đỏ đục nhìn ra, rồi lại từ từ nhắm lại.

Cả Chuẩn như mê sảng, chạy hết đầu hồi bên nọ lại sang đầu hồi bên kia sờ nắn gà. Cuối cùng, ông ngồi thần ra bên bu úp con Sám Hồng. Hai tay ôm má, nâng cái đầu hoa râm rữ rươi. Ông chép miệng nói qua tiếng thờ dài ảo não:

- Ôi chào ôi! Nuôi với nắng.

Con Mã Mái vốn có sức, không đến nỗi nào. Con Sám Hồng thật hết cỡ. Mới có một đêm mà thịt nhão rào rào, nhẹ thọt hẳn đi. Cái điều đầy cơm không tiêu, rắn chắc. Da dễ xám ngoẹt và lạnh ngắt. Đờm vướng trong cuống họng, nó khò khè thờ. Chốc chốc bị tắc hơi, nó lại vẩy mạnh cái mỏ kêu “quéc” lên một tiếng lớn.

Cả ngày hôm ấy, ruột gan Cả Chuẩn rối bời lên để chạy thuốc cho hai con gà. Đứng không yên, ngồi không yên. Ai mách lối nào ông cũng làm. Giã gừng cho uống, nướng tỏi cho ăn, xoa dầu Nhị Thiên Đường, đốt bồ kết, xương truyệt, thôi thì đủ thứ. Trong đời ông, từ cha sinh mẹ đẻ đến vợ con đầu gối tay ấp, ông chưa phải hầu hạ ai khổ sở lo lắng đến như thế này. Cả Chuẩn như mất hồn, trông người sút hẳn đi, phờ phạc, xanh xao. Suốt đêm không ngủ, hai mắt cứ chang chang; và đôi tai rất thính nghe không sót một tiếng quéc nào của hai con gà quý báu theo gió lạnh đưa vào.

Thế rồi con Sám Miến Hồng chết rũ ngay đêm hôm thứ hai. Cái mỏ há rộng, đờm rãi xộc cả ra mũi. Một đàn kiến nhỏ tung tăng ở đó kiếm mồi. Cả Chuẩn lặng người đi. Ông trân trân nhìn gà. Nét mặt tro tro như chẳng hề may mắn buồn tiếc. Có lẽ ông biết trước số phận con gà ấy rồi.

Ông thờ dài, từ từ nhấc xác con vật lên ngắm nghía một hồi lâu. Nửa cười nửa mếu, ông nghiêng răng cay đắng:

- Rõ công cốc!...

Dứt lời, ông ném phịch xác con gà quý báu xuống đất, đoạn vỗ tay phủi bụi, thông thả đi lên nhà trên, cất tiếng gọi:

- Cu Trạm đâu rồi!... Vứt cổ nó ra Cầu Bò đi cho ông.

Thằng bé ngơ ngẩn hỏi:

- Vứt gì cơ ạ?

Ông chỉ con Sám Hồng, trợn mắt nghiêng răng, quát:

- Mù à? Vứt đi. Hối mãi!... Hối mãi!...

Từ hôm đó, Cả Chuẩn sinh ra khó tính và nóng nảy. Hơi một tí là thét lác inh hàng xóm lên.

Thằng cu Trạm sợ len lét không dám dấn mặt bố. Nó lĩnh đi chơi suốt ngày.

Con Mã Mái bỏ dài, ông cũng chẳng thiết trông nom. Con Bạch Nhạn và con Chuối cũ, một người em họ và Tư Chuyên mỗi người bắt một. Giá cái Ô Mã Mái khoẻ khoẻ ra thì cũng chẳng còn. Ai cũng như ai, tưởng thế nào nó chẳng chết! Thế mà trái lại, Ô Mã Mái cứ tỉnh dần, rồi khoẻ khoẻ bằng cũ. Trong nhà bây giờ không còn con gà nào, cái kiêu hùng của Mã Mái càng nổi bật lên. Lúc nào nó cũng nghênh ngang đi sóng đôi với một cái cần đồ chót vọt vươn cao lên đôi cánh phệnh phạng, nhô lên thụt xuống theo bước đi, trông đặc du côn.

Rồi con mẹ nó áp. Ô Mã Mái sinh ra chơi bởi lêu lổng, đi lang thang hết nhà này, nhà khác trong xóm. Đến đâu là đánh bặt gà trống ở đấy để chiếm những con mái tơ giống Ri, giống Pha bé bằng nửa làm vợ. Chán rồi, nó lại đi và đánh nhau như thế mãi... mãi... Lúc nào nó cũng lén lút ở bờ tre, bờ giậu hay bên những đồng rơm ve gái. Bộ lông mỡ màng đen láy của nó xơ xác và đồ ketch ra.

Từ ngày con Sám Hồng chết, Cả Chuẩn chẳng còn thiết nhìn nhõ gì đến gà quế nữa, thì cái vườn cảnh lại được ông săn sóc đến luôn. Cái vườn cảnh có lẽ chỉ để giải buồn cho những người sinh là nhà nho trong lúc chán chường thất vọng bất cứ vì lẽ gì.

Một buổi chiều kia, rượu đã ngà ngà, Cả Chuẩn tha thân bên vườn cảnh ngắm hòn non bộ, tĩa vài chiếc lá lan, nắn lại cành si cho đúng kiêu. Chốc chốc lại khe khẽ ngâm một vài câu thơ cổ, giọng trầm trầm như len lỏi trong đám lá xanh thì thảm với bóng chiều tàn tạ. Một vẻ buồn cổ kính vương trên nét mặt ưu tư.

Bỗng tiếng gọi choang choang của Tư Chuyên bên hàng xóm phá tan sự tĩnh mịch, êm ả, thơ mộng ấy:

- Ông Cả! Thế này có chết không...

Vừa nói ông vừa giơ con Bạch Nhạn, rũ rượi trên tay cho Cả Chuẩn xem:

- Ông có cho nhốt cái Mã Mái lại không. Hôm nay nó sang đá hồng cái Bạch Nhạn này rồi.

Cả Chuẩn thông thả hỏi:

- Sao? Chạy à?

- Nào đã chạy ở đâu. Thế này: tôi đi thăm đồng vắng, hai con ở nhà đánh nhau, mãi lúc về mới biết. Bắt ra thì con Bạch Nhạn gãy cần và tuột mỏ.

- À! Hồng thì thật! Làm chết gì! Nếu phải gà hay thì đã đánh được con Mã Mái. Ấy, tôi vẫn bỏ dài cho rầy mái hoang đấy.

- Chớ! Chớ! Ông không biết, chớ cái Mã Mái nó đánh như vũ bão ấy. Tôi dám nói quyết rằng cả vùng này từ con Chuối của lang Mão đến con Bịp của đồ Đản, không con nào ăn đứt được nó.

- Đành thế! Nhưng nói cho cùng: hay mấy thì hay cũng không thể bằng cái Sám Miến Hồng được.

- Chuyện! Bì thế nào được với con Sám Miến Hồng. Con Sám Miến Hồng nó là thần gà, thánh gà, đâu có phải gà thường.

Tư Chuyên hần nói rất phải: con Mã Mái cũng không phải gà thường thật. Cả Chuẩn nhủ thầm: "Giả thử không có con Sám Hồng, xem mình có quý nó không nào?" Càng nghĩ, ông càng thấy hối vì đã bỏ phí cho con Mã Mái rầy mái hoang, không chịu săn sóc.

Hôm sau, xem xét gà, thì tai hại, con Mã Mái bị kén mép và gãy hết cả lông cánh. Cả Chuẩn cắn câu gắt mình:

- Thế này còn đá đấm gì nữa!

Cà ngày hôm ấy, hai bố con loay hoay cấy cánh cho Mã Mái. Cu Trạm ôm gà, Cả Chuẩn khâu những lông cánh tích được vào những cuống lông gãy. Ông cẩn thận chọn lọc lông vế nào phải hợp vế ấy. Khâu xong, chắm vào chỗ chỉ vàng một ít sơn sống, ông đắc ý mỉm cười:

- Thôi, thế là tha hồ mà chác!

Còn cái kén ở mép, Cả Chuẩn đã mổ mấy lần mà không khỏi. Sau cùng, ông đành mặc nó vậy.

Và lại, cho đá thử mấy trận, Mã Mái vẫn không sao. Thế là ông đặt cho nó danh hiệu Ô Kén Mép.

Dăm tháng nữa thì hội Nhân Thọ. Cả Chuẩn ra công vằn vố cho Ô Kén Mép. Cứ cách nửa tháng, ông đem đến nhà Hương Chế vằn khâu mỡ một lần. Lối vằn này không hại gà. Một miếng da khâu tròn, lồng vào mỡ, hơi rộng một chút cho dễ thử. Có hai sợi dây buộc lên mào. Cứ thế, mỗi bên không thể mổ nhau được để đá. Con nọ chen con kia, thỉnh thoảng có buông được đòn nào thì buông thôi.

Trước còn cho vằn ba bốn hồ, sau dần năm, sáu hồ, rồi bảy tám hồ. Mỗi bận vằn xong, ông lại đem giã nghệ hoà với ngải cứu và một ít củ tam thất đun sôi với nước giải om bóp khắp thân thể. Thịt Mã Mái sứt lại và da dày lên. Dăm bữa nữa tháng, ông lại cho nó ăn một bữa lươn sống. Ăn cái này khoẻ gà lắm.

Các tay chơi gà sành sỏi trong làng, đều tin chắc chắn con Mã Mái ra hội chỉ có phần ăn với hoà chứ không thể nào thua được.

\*

\* \*

Cu Trạm ăn mặc chỉnh tề, sắp sửa phải ôm gà đi hội. Chiếc khăn xếp mốc điếm thêm vài chỗ gián nhấm lốm đốm trắng của bố thải cho rộng sụp xuống gần lông mày, như nuốt bộ mặt choắt chéo, đen sạm. Cái áo dài vải thâm ngắn căng, đồ kệch, may từ năm lên mười. Và chiếc quần vải to hẹp ống, xoắn xoe mặc cao quá bụng chân. Tất cả bộ y phục đầu Ngô mình Sở, cũn cợn đó làm cho nó thêm ngớ ngẩn.

Nghĩ đến việc được đi hội, cu Trạm lại vui sướng rộn ràng. Nó nóng lòng sốt ruột vì mấy ông khách. “Chuyện đâu mà lắm thế! Đến bực!”. Nó đi thung thăng ngoài thềm, chán rồi ra dựa vào bu gà, bàn thần ngắm con Mã Mái.

Khách mỗi lúc một thêm đông. Gian nhà vừa lụp xụp vừa chật chội bộn lên những người. Tiếng cười, tiếng nói xôn xao, âm ĩ. Ánh sáng cửa giữa lọt qua giàn thiên lí xum xuê hắt vào xanh ngắt. Ngọn đèn ăn thuốc bé nhỏ tù mù không đủ làm cho gian nhà sáng sủa lên chút nào.

Người nhà quê vẫn quen sống với sự tối tăm như thế.

Vừa uống nước, Hương Chế vừa hỏi:

- Ông Cả đã xem xét gà cẩn thận rồi chứ?

- Đã.

- Thôi, ta đi thôi chứ?

- Hãy thông thả, còn sớm chán. Để kiểm lại tiền đã nào. Ông Tư năm đồng này. Ông Hương mười hai đồng. Ông Đồ mấy nhí?... À tám đồng. Tôi mười hai đồng này. Còn ai nữa.

Thơ Bình vội vã:

- Ấy, còn tôi sáu đồng với chú Tư Vo nó bốn đồng nữa.

Cả Chuẩn lăm nhăm một lúc, rồi thông thả gói tiền, cẩn thận bỏ vào túi, giao hẹn:

- Thế vị chi là bốn mươi nhăm đồng cả thầy. Sau này đánh chác thế nào, ta sẽ lại tính.

Giữa lúc đó, có tiếng xe tay đồ ngoài cổng ngõ. Hai người khách ăn mặc sang trọng bước xuống, một người mặc ta, một người mặc tây. Họ thông thả đi vào. Đến thềm, người mặc ta cất tiếng giọng giả:

- Thế nào? Ông Cả năm nay có mấy cái ra hội?

Cả Chuẩn trông ra, vội vàng đứng dậy vồn vã:

- A! Ông Hương! Một cái thôi, ông ạ.

Người mặc tây đi sau háp tấp tiến lên hỏi:

- Sao? Sao lại có một?

- Ồ! Lại cả ông Sầy nữa này! Có một, chứ còn sao nữa? Cái Sám Miến Hồng chết toi rồi.

Sầy sừng sốt kêu:

- Ôi trời ôi! Chết toi à? Hoài của! Ngày ấy đã bảo ông để cho tôi thì không để.

Cả Chuẩn cười:



- Chết thì thôi, chứ để thế nào được? Mời hai ông vào trong nhà xơi nước đã.

Hương Thân khô hài:

- Mặc nước với nôi ấy. Bắt gà xem cái đã.

Cả Chuẩn vội bắt con Ô Mã Mái lại. Vừa nhấc gà lên, Hương Thân đã tấm tấ khen.

- Ái chà! Da thịt rắn đanh này thì phải biết là vằn võ kĩ càng.

Rồi ông cẩn thận xem cần, xem tạng, xem mắt; rồi xem đến mổ.

Hương Thân kinh hoàng hỏi:

- Ô, thôi! Chết! Có kén mép hở, ông Cả?

Cả Chuẩn chậm rãi:

- Vâng! Nhưng chả hề gì ông ạ. Đá thử mãi rồi.

Sầy hoạ theo:

- Chân ấy nó vụt thì mấy con chịu nổi ba hồ mà lo!

- Đành rằng thế. Nhưng giá vô bệnh tật vẫn hơn.

Dứt lời, ông lại cúi xuống nâng quần xem, thận trọng ngắm nghía từng li từng tí. Cả mặt trước, lẫn đằng sau quần. Một lúc lâu, ông mới thở nhẹ ra ý tiếc rẻ:

- Ác, thì có đòn ác lắm đấy. Chỉ phải ở hàng vầy độ (21) có chiếc “chung thân đái tật”.

Đồ Thảo lên mặt biết nhiều sách nho bắt bẻ:

- Ông nói vậy thôi, chứ biết đích làm sao được? Ông Đào Công chi phú ngày xưa chỉ làm có Mã Kinh và Khuyến Kinh. Có làm Kê Kinh bao giờ đâu?

Hương Thân tùm tùm trả lời:

- Không! Kinh nghiệm nhiều, nó quen đi chứ, cứ quen xem mắt gà như các ông, ai cũng bảo con nào đồng tử nhỏ là gan. Như thế là nhầm. Tôi đã nuôi nhiều, tôi biết: mắt con gà nào cũng vậy, sáng ngày ra đồng tử to, càng về trưa đồng tử càng nhỏ dần, nhỏ dầ rồi chỉ còn bằng một cái chấm đen. Đến chiều lại to. Thế thì các ông bảo tin làm sao được đồng tử nhỏ là gan... Có cứ gì đâu, trăm nghìn lồi xem, mỗi người mỗi khác.

Sầy cười lên hênh hếch:

- Ô! Thật à, ông Hương? Nếu thế thì y như cách xem giờ bằng mắt mèo của các báo đã đăng. Thần tình nhỉ!

- Chặc! Mắt mèo thế nào thì tôi không biết. Chớ mắt gà, nghiệm ra, hễ cứ râm trời thì đồng tử to mà càng nắng thì đồng tử càng bé. Có thể thôi!

Cả Chuẩn ôn tồn bảo mọi người:

- Ông Hương nói đúng đấy. Cái Mã Mái này thật bệnh tật suốt đời thật. Ngày còn bóc dò thì ốm mồm; khỏi ốm mồm lại bị trận ốm giãy “thập tử nhất sinh”. Đến lúc khỏi chết giãy; thì đâm ra kén mép, chữa thế nào cũng không khỏi.

Rồi như chợt nhớ ra, ông tươi cười bông lơn:

- Ô chết chữa! Mãi chuyện gà quá, quên cả uống nước.

Mọi người cất tiếng vui vẻ, kéo nhau vào cả trong nhà. Sau tuần nước, câu chuyện càng thêm giòn giã, nở nang. Hương Thân tấm tấ khen:

- Đẹp! Trông sướng cả mắt.

Sầy trợn trừng trợn trạc:

- Đã thấm đâu. Con Sám Miến Hồng mới thích chứ. Nó đá mười hai con mắt mắt trong mười hai trận đá. Chính tôi đã được xem một lần. Chết! Nó đã cứ vun vút “liên chi thanh nguyệt chi công”. Nhấc chân lên là thành cần cáo. Đầu công thon thon lé đòn rất tài... Chao bên này!... Chao bên này!... (vừa nói Sầy vừa dựng hai canh tay lên chao bên nọ, bên kia giả làm cổ gà)

cứ thoăn thoắt, thoăn thoắt! Coi sướng lạ!

- Hoài của, thế mà chết mắt.

Tư Chuyên từ nãy vẫn ngồi lì xì không nói, nghe chừng đã nóng ruột ruột, nhắc nhóm:

- Dễ thường trưa rồi đấy.

Cả Chuẩn sai cu Trạm cầm gà đi trước. Hương Thân lại gần thân mặt hỏi:

- Cánh nhà định đánh bao nhiêu đấy?

- Độ năm chục đở về thôi, ông ạ.

- Thế nào cũng cho chúng tôi ké với nhé. Đem con gà đi hội, ta phải đánh to to một chút, mới  
bổ công vắn võ ông ạ.

Thế là cả bọn lục tục kéo đi.

\*

\* \*

Dưới mái đình những chiếc giải gà buộc lòng thông. Ba chiếc giải: nhất, nhì, ba; và năm sáu  
chiếc giải lèo. Những vương lụa điều uốn éo nhẹ nhàng trong cánh gió. Cu Trạm say sưa nhìn.  
Nó mơ ước một chiếc thất lưng, trong khi mọi người chàng màng tìm gà kháp đá. Năm nay rất  
nhiều gà. Nhưng con thì nhỏ quá, con thì to quá. Hạng bằng trang (22) thì lại hơn xương (23),  
hơn cựa. Kháp gà phải thận trọng cân nhắc suy bì từng li từng tí. “Hơn một cái lông không chọi”  
cơ mà!

Cả hội xem ra chỉ có con Hoa Mơ của bác nhà quê ôm khư khư trên tay ngồi thu hình một xó  
đình là “đồng cân đồng lượng”. Nhưng ngữ ấy còn làm gì ra nhiều tiền mà chơi. Vả lại Hương  
Thân, Cả Chuẩn cũng đã so sánh chán rồi. Chân tay mặt mỏ cái gà ấy cũng không phải vừa. Tuy  
rằng không có đòn linh (24) bằng Mã Mái, nhưng lại hơn ở cái không có kén mép. Vì thế các ông  
cũng chẳng thiết.

Họ chán nản ra hàng trà nước làm vài khói giải buồn. Tư Méo cũng ngồi đấy, ông đon đả hỏi:

- Thế nào cái Mã Mái ông Cả định cho đá với cái nào chưa?

Cả Chuẩn ngửa cổ, thở khói thuốc lèo, lắc đầu:

- Chưa, ông ạ. Có mỗi cái Hoa Mơ xem ra cũng lợi hại lắm. Mà gà của tôi thì kén mép.

Hương Thân nói xen:

- Chả chơi được với nó!

Tư Méo xích lại gần thì thào:

- Được! Đá được mà! Cái gà ấy ở Trung Mầu tôi biết. Nó thì hay lắm đấy. Nhưng gặp phải anh  
chàng không biết chơi cho đi với gà già “vỡ” rồi (25). Chỉ đánh đến hồ thứ ba là chạy. Các ông có  
đá cho tôi ké ít nhiều với.

Cả Chuẩn, Hương Thân sung sướng reo khế:

- Thật à?

Thế là họ đem Mã Mái sát với Hoa Mơ. Gã nhà quê không dám cho gà đá. Nhất định kêu con Mã  
Mái to hơn, tuy rằng đôi gà rất bằng phân. Về sau, Lý Khản Trang Liệt phát bực mình gắt:

- Sợ gì mà sợ! Cái nhà bác này! Ta đánh cái kén mép của họ.

Gã nhà quê e dè:

- Đành rằng thế! “Cơ mờ” cháu không có tiền.

Lý Khản cười kha khá. Chừng ông say. Ông hùng hổ nói:

- Bác đánh bao nhiêu thì đánh. Còn mặc tôi. Bao nhiêu cũng cân.

Đôi bên thoả thuận đem gà vào sở tại, xin đánh giải nhất. Mỗi bên cược năm chục bạc. Còn sau  
này gọi thêm.

Hai ông chủ kê đem gà ra sới. Mọi người xúm đông quây vòng quanh bên ngoài vạch vôi. Hương  
Thân cầm con Mã Mái. Ông bắt gà, thả gà, chữa gà khéo léo và nhiều mảnh lới có tiếng.

Hết giao vào dúi (26), Hoa Mơ đánh Mã Mái một đòn cong hăn cần lại, quay liệng đi nửa vòng, Lý  
Khản gọi liền:

- Mười đồng ăn tám Hoa Mơ đây.

Sầy giờ tay:

- Bắt!

Hai người vừa trao tiền cho nhau xong, Mã Mái trả một đòn hầu dọc, Hoa Mơ ngăn ra, và tiếp  
thêm mấy chiếc nữa. Sầy sung sướng reo:

- Tin!... Tin!... Mã Mái năm đồng nữa! Ai bắt không?

Đôi gà cùng lọt quản, mau đòn nên sát phạt nhau dữ lắm. Người xem đều xuýt xoa khen là “kì  
phùng địch thủ”. Mới nửa hồ đầu mà quản con nào con ấy như trát máu.

Những lúc thả gà, Hương Thân đã để ý bao giờ Mã Mái cũng buông trước một đòn. Cho nên ông thả “lời” cho đúng tầm chân đá. Người ta thận trọng từng đòn một, trong lúc ăn thua này. Đôi gà vẫn tranh hùng trả đòn nhau kịch liệt, xô đi đẩy lại sát vào vòng người. Hai ông chủ kê bắt gà của mình ra. Họ xoa nắn chà xát đuôi vế và cho uống dấp giọng một tí nước, thấm vào khăn mặt cho tỉnh táo. Rồi cùng lừa lừa xem lối thả của người kia thế nào. Lý Khản cũng sợ cái đòn buông của Mã Mái. Ông đặt giúi Hoa Mơ vào sát. Nhanh nhẹn, Hương Thân nhắc lùi gà mình về phía sau. Được thế rộng, đúng “vỡ”, con Mã Mái buông liền. Hoa Mơ bị đòn rung chuyển cả người, mấp máy cả đuôi tôm. Mã Mái tiếp liền. Nó đánh một đòn rất nặng. Cái đòn di truyền của mẹ nó – con Mái Củi Tạ – khiến Hoa Mơ hoang mang, biếng siêng như say. Chân thấp, chân cao tập tễnh và bối rối quay “tháo chái”(27).

Lập tức, gã nhà quê lúc nãy ôm phất gà lên nhất định kêu quản con Mã Mái bôi thuốc độc, nếu không, sao vừa mới thả vào, gà của hắn đã hoa mắt như thế được?

Sầy sùng sộ:

- Anh định cãi bậy phỏng? Anh định cãi bậy phỏng?

Cả Chuẩn đứng giang tay, phân bua với công chúng:

- Các ông đứng quanh đây thử xem xem! Hai con vẫn ở đây, nào đã đi đâu xa mà bảo cho thuốc với cho men được? Chẳng qua là cái đòn nó như thế. Vậy xin phép các ông hàng hội cho chúng tôi vào lấy giải.

Gã nhà quê nhất định không nghe. Đôi bên cãi nhau ồn ào. Mấy ông sở tại phải ra dàn xếp khéo với Cả Chuẩn:

- Thôi ông ạ! Ta lại cứ cho vào đánh. Gà của mình hay vẫn được. Phải cái người họ quê mùa không biết gì.

Hương Thân cười nhạt:

- Không biết gì! Không biết gì ăn người! Không biết gì đời! Ông bảo bao giờ cái Mã Mái lại đánh được một đòn như thế?

- Thôi! Xin các ông. Chơi vui với nhau ấy mà!

Bàn đi tính lại một lúc lâu nữa, Cả Chuẩn mới bằng lòng. Ông nói với mọi người:

- Tôi chơi thế này là chơi “lép vế” đấy.

Đến lúc cho gà vào đánh, mọi người đều kinh ngạc thấy Tư Méo cầm, thả con Hoa Mơ. Ông cười nháy Hương Thân chống thẹn:

- Gớm! Chơi với bời! Ai lại thả “nhà nghề” thế bao giờ! Mình đành phải cầm giúp Lý Khản vậy. Hương Thân giận tím mặt. Bây giờ mới vỡ nhẽ. Thì ra con Hoa Mơ của Tư Méo. Hắn mưu mô quỷ quyệt cho gã nhà quê cầm rồi lại để Lý Khản vờ đánh tiền. Gớm thật. Hương Thân cười khẩy:

- Hừ! Bây giờ ông Tư mới chịu “ra mặt”. Màu mãi.

Đồ Thảo thâm hiểm, nói xa xôi:

- Vừa rồi có đám cháy ở đằng kia các ông ạ.

Ông có ý nói xô: “Cháy nhà mới ra mặt chuột”. Tư Méo gằm mặt không dám nói gì.

Mấy viên thiết đả con Hoa Mơ ăn trong lúc nhều nháo đã ngấm. Nó đã lại người, tỉnh táo mạnh mẽ như trước. Hương Thân thấy hơi lo lo. Tuy rằng Mã Mái hơn đòn một chút, nhưng cái lối đòn cũng đã “hầu dọc” và “khóa mở” ấy rất nguy hiểm cho cái kén mép.

Quả như Hương Thân đoán thật. Sang hồ tư, Mã Mái bị vỡ kén, máu chày rất nhiều, và kém dần dần.

Tư Méo tùm tùm nói khích:

- Nào đã chắc mèo nào cắn mỉu nào.

Hương Thân cười gằn, nhắc lại:

- Thật đấy, đã chắc mèo nào cắn mỉu nào. Chỉ một đòn lấy giải là thường.

Nói cứng vậy, chứ thật ra Mã Mái nao núng lắm rồi.

Cuối hồ năm, cái kén cương lên đau quá, mổ không được chắc để đá nữa. Đầu Mã Mái đại đi, sưng vù, mọng lên những máu, chúi vào hai đùi Hoa Mơ tránh đòn.

Đồng tiền liền với ruột. Hương Thân chẳng còn nghĩ đến bản thù, mỗi lần bắt gà ra chữa, ông

cho mồm vào hút máu, hút mũi cho nhẹ bớt mặt.

Hồ sáu, hồ bảy, Hoa Mơ đánh toàn đòn riêng (28). Nó nhấc đầu “trao chuông” đánh như gõ vào tảng Mã Mái. Mỗi lần bị đòn, Mã Mái lại lao đao, ngật ngưỡng cái cổ, mỗ vu vơ rồi là dần... là dần, gục đầu xuống đất. Mỗ tốp tốp, máu ở kén chảy rờn rờn đổ lòm cả sỏi. Những người đi xem xì xào bàn tán:

- Con Mã Mái ai ngờ bị “ba chân” các ông nhỉ!

Cả Chuẩn thương gà, nói khó với Tư Méo:

- Nay, ông Tư này! Xin thua năm phân đấy.

- Thôi, cứ đá cho đến “kì tẩu kì tử”.

Hương Thân bĩu môi:

- Ăn lắm máu! Cặp này hoà cho mà xem. Nếu chạy, con Mã Mái đã chạy rồi. Tôi dám chắc...

Ông vội ngừng bật và Mã Mái bị một đòn ngã ngựa ra đằng sau. Biêng siêng, giật lùi... giật lùi...

Những người đánh con Hoa Mơ reo:

- A chạy! Chạy rồi!

Và mỗ một đường chờ đón. Con Hoa Mơ được thể đá tiếp dồn dập, thốc tháo. Bỗng con Mã Mái cúi tiết phóng liền một đòn. Hoa Mơ rụt hẳn đầu lại, ngậy mặt ra, đuôi phập phồng, người chuyển rung rung. Hăng máu, Mã Mái ngoặt lấy đầu Hoa Mơ đá liền hai chiếc nữa. Hoa Mơ há mồm kêu “quác” một tiếng lớn, ngã chúi xuống, nằm thẳng cẳng, chân cánh giãy lên đành đạch. Một lúc lâu rồi yếu dần... dần... Máu ở mũi, ở mồm xoè ra chan hoà.

Cu Trạm lách qua vòng người chạy ra gọi Đồ Thảo khoe rồi rít trong khi ông này tưởng Mã Mái thua mười mươi, chán nản ra ngồi hàng nước chẳng buồn nhìn nhỏi đến gà nữa.

- A! Ha! Ha! Ông Đồ ơi! Con Hoa Mơ bị gà nhà đánh chết rồi, ông Đồ ạ.

Đồ Thảo không kịp uống bát nước mới rót, hấp tấp chạy lại sỏi gà, lấp bấp hỏi:

- Thật không? Thật không?

Vòng người xô hẹp lại. Cả Chuẩn, Sầy vội gạt ra ngoài nói:

- Các ông dẹp xa xa ra một tí, chẳng nữa người ta lại ôm gà lên kêu chúng tôi bỏ thuốc độc.

Con Hoa Mơ bị đánh chết thật. Mà Mã Mái cũng hết gân, không đá được nữa. Nó chỉ lấy chân cào cào, bới bới.

Tư Méo chịu thua. Mặt tái mét, ông run rẩy nhấc gà lên. Hương Thân mát mẻ:

- Đã chắc mề nào cắn mồi nào, ông Tư nhỉ!

Tư Méo tức tối, cười nhạt:

- Hừ! Chúng mình còn gặp gỡ nhau nhiều. Đã vội gì...

Hương Thân cười ha hả không trả lời. Ông ôm Mã Mái vào lấy giải.

### Chú thích

(1) Chịu buộc bắt tăng: chui qua bụng, đọi con địch lên mỗ vào đầu rồi đá.

(2) Cản lập trụ: cổ to rất cứng, đánh bao giờ cũng đứng thẳng.

(3) Đúc: cho đập mái, lấy gà con.

(4) Vỡ: lối đánh

(5) Kháp: gán, ghép

(6) Tảng: đầu phía trên

(7) Chân sương: chân trắng

(8) Thông vĩa: chui qua cánh rồi ngoái cổ lại mỗ đầu mà đá. Hai mang: hai bên cùng thuận.

(9) Cản: cổ. Chạy vại nhì: là thấp đầu nữa với chúi đòn.

(10) Sà leo: ngoái cổ lại mỗ đá lung tung. Con nào bị đê nhiều tức quá cũng đá sà leo. Đá như thế bao giờ cũng quật mình xuống đất.

(11) Tầm đạ: sức rất to.

(12) Rầy mái: đập mái.

(13) Mỗ cháu: con gà mới nở, đầu mỗ có một cái chấm nổi lên bằng hạt tằm tức là mỗ cháu.

(14) Minh củ đậu: tròn mà to, trái với mình “công” thon.

- (15) *Hầu dọc: mổ vào yết hầu, đá thẳng vào cổ.*
- (16) *Cần: đá con địch cong cổ, gãy cổ tức là đòn cần. Cáo: đá con địch kêu quang quác lên, hoặc mang liệng siêng, có khi bay vù hẫ lên, tức là đòn cáo.*
- (17) *Vẩy khâu dao: tức là chiếc vẩy chạy từ mặt quần bên này sang mặt quần bên kia.*
- (18) *Ngón thái: ngón chân đằng sau.*
- (19) *Khấu mổ: bịt mổ.*
- (20) *Buông: không cần mổ mà đá.*
- (21) *Vẩy độ: hàng vẩy phía sau quần, thẳng với cựa.*
- (22) *Bằng trang: bằng nhau.*
- (23) *Hơn xương: già hơn.*
- (24) *Đòn linh: đòn linh thiêng, rất tài và rất bất thành linh.*
- (25) *Vỡ: hông, đánh một lát chòn đòn, rồi chạy theo thói quen.*
- (26) *Giao: đứng xa đá phóng. Díu: vào gần sát nhau mà đá.*
- (27) *Tháo chái: quay ngược đầu đi một vòng.*
- (28) *Đòn riêng: lối đòn sở trường của một con nào. Khi địch bị kém thế, giở ra đá một mình, con kia không trả lại đòn được*

## Anh chàng hiệp sĩ gỗ

Những năm cách đây rất xa, xa lắm. ở thị trấn Bến Cam, mỗi năm cứ đến ngày gần Tết người ta lại thấy ông lão già ấy. Không ai biết quê quán ông lão ở đâu, họ tên ông lão là gì. Nhưng mỗi năm vào dịp Tết người ta lại thấy ông lão đẩy cái xe bánh gỗ lọc khọc đến, ăn mấy phiên chợ Tết, qua giêng, ngày rọng tháng dài lại đẩy cái xe bánh gỗ lọc khọc đi... Cũng chẳng ai để ý hỏi xem ông lão đi đâu? Đến những vùng sơn cùng thủy tận nào? Chỉ biết cuối năm người ta lại thấy ông lão. ... Một buổi sáng đẹp trời nào đó, sương mù và nắng sớm bay rục rỡ trên mặt sông. Gồng gánh, hàng họ từ trên các ngã đường kịt gánh về, và thuyền bè dưới bến đỗ lên những kiệu hàng, những bờ, những sọt, cam, bưởi, nắm hương, mộc nhĩ... Cả cái thị trấn nhỏ bé ấy đang tấp nập mua bán, mọi người bỗng nghe tiếng thanh la từ phía sau mấy lớp đồi núi ngồn ngang trước mặt nổi lên. "Pe è... èng!... Phè è... èng!... Phèeng!..." Tiếng thanh la mỗi lúc một gần, rồi ông già hiện ra trên đầu dốc Đò. ông lão đẩy cái xe hăm hờ đi xuống. "Phèeng! Phèng! Phèng!..." Cái xe lọc khọc nghiêng ngã lăn giữa hai dãy bàng trụi lá, vào phố. Trẻ con không biết từ những ngõ ngách nào đã thấy tuồn ra đây đường, không không chạy theo ông lão mà reo hò.

-A ha!... Ra mà xem! Múa rối! Múa rối đã về chúng mày ơi!...

-Cụ ơi! ... A ha ha! Cụ múa rối ơi! Vẫn có anh chàng hiệp sĩ đấy chứ?... ông lão vừa đẩy xe vừa gật gật đầu cười với đám trẻ con chạy theo. Đó là một ông già cao lớn, khỏe mạnh, có nước da đỏ chấy như đồng hun và bộ râu bạc trắng bay lòa xòa trước ngực. ông lão vận chiếc áo bông cũ, buộc ra ngoài một sợi dây chuối ngang bụng cho gọn. Chiếc nón mắt vành thì tụt xuống, lắc lư đằng sau gáy. ông lão bước từng bước dài, hăm hờ, vững chãi trên hai cái bàn chân to sù sì dính đầy đất bụi. ông lão ấy làm nghề múa rối rong. Trong con mắt trẻ con ở cái thị trấn nhỏ này, chúng nó cho ông lão là một người kỳ dị. Một tay giang hồ lão luyện, biết nhiều, hiểu nhiều, có nhiều tài lạ. Và, cái xe ọp ẹp ông lão vẫn đẩy ấy là một thứ thế giới bí mật của những con rối bằng gỗ. ông cụ già, cái xe gỗ, và đám trẻ con đã dừng lại dưới một gốc cây thông trước cổng chợ. Tiếng thanh la lại khua ánh ỏi lên một hồi nữa rồi im hẳn. Bây giờ ông lão mới quay ra, rút cái khăn vải vàng ố vẫn vắt trên vai xuống, lau mặt, lau cổ, toét miệng cười với đám trẻ con.

-E hèm! Xem nhá! Năm nay nhiều tích mới lắm. Đám cưới chuột, cô công chúa ăn vụng phải đòn, thằng Quậy ngồi gốc cây đa, anh chàng đánh hổ, ỏi chà chà lý thú lắm! Đám trẻ con đứng xung quanh ngẩn mặt ra nghe toét miệng cười theo.

Cuộc biểu diễn bắt đầu. Ông lão dẫn các tích trò xong chui vào trong cái hòm gỗ ngồi. Tiếng đàn sáo tức thì bay ra réo rắt, một lúc, hai cánh màn nhiều đở ở một bên thùng xe từ từ cuốn lên. Trong cái hòm gỗ ọp ẹp ấy bỗng hiện ra những cảnh hoa cỏ, núi sông rục rờ. Có những cụ già chống gậy lụ khụ đi lại. Có những em bé nhảy múa tung tăng. Có người đi cày, có người dạy học. Có rắn biết nói, có yêu ma hiện thành người đánh lừa những kẻ qua đường. Ở trong cái hòm gỗ, ông già lúc bấy giờ bỗng như người bị ộp đồng, ông lão không còn biết gì đến xung quanh nữa. Giữa cái đám chợ đương lúc ồn ào mua bán, dành dật nhau miếng sống với tất cả những mảnh khoe lọc lừa gian dối của con buôn, ông lão không nghe thấy gì hết. Tất cả tâm lực của ông dồn vào những con rối. Mặt ông co vào, giãn ra, rần rúm một cách khổ sở đau đớn, như người đang bị kim cạy, và hai con mắt thì long lên, sáng quắc. Ông lão hát, ông lão đánh đàn thổi sáo. Ông lão làm tiếng gió thổi, suối reo. Ông lão cười. Ông lão khóc.

Một mình ông lão nói đủ các loại tiếng người. Tiếng kẻ gian tham, tiếng người trung hậu, tiếng ông già, tiếng em nhỏ. Tiếng rên xiết của người nghèo khổ, cũng như tiếng nanh ác của những kẻ giết người... ông lão lúc bấy giờ như một vị chúa tể của loài rối, có nhiều phép lạ sai khiến chúng nó hoạt động, đi đứng, nói cười, vui buồn, yêu ghét... Theo ý muốn của mình bằng mười đầu ngón tay ảo thuật có buộc những sợi dây chỉ nhỏ. Ông lão biến những hình người bằng gỗ ấy thành những con người có linh hồn như những con người sống thực. Đám trẻ con ngồi xem cứ mê tít đi. Các em không còn thấy là diễn trò nữa. Trước mặt các em đó là những cảnh đời đang biến đổi dồn dập làm các em hồi hộp, lo lắng, mong đợi... Mỗi tích các em thấy mỗi lạ, mỗi con rối có một tính cách đặc biệt riêng làm các em phải ghi nhớ! Nhưng trong tất cả các con rối của ông lão, có một con được trẻ con thị trấn Bến Cam yêu thích, mến phục nhất. Các em đã biết nó từ mấy năm trước và luôn luôn nhắc đến. Ấy là con rối chuyên đóng vai hiệp sĩ cứu đời. Con rối ấy rất đẹp. Hình dáng giống như hình dáng những trang anh hùng, nghĩa sĩ trong các truyện cổ của Trung Quốc. Mặt trắng, môi đỏ, cằm vuông, mắt xếch. Đầu đội mũ võ sinh màu nguyệt bạch, sau gáy đeo đai vòng kim tuyến phủ, mình bận chiến bào lụa màu lục anh vũ, lưng thắt dây văn võ màu xanh, chân dận ủng tía. Trên vai lúc nào cũng dắt một thanh bảo kiếm, có thất giải lụa hồng ở chuôi. Nó đi đứng oai nghiêm, nói năng đĩnh đạc, rõ ra là một trang thiếu niên anh tuấn. Mỗi lần anh chàng hiệp sĩ ấy hiện ra trên sân khấu, vung cái thanh gươm báu ấy lên thì bao nhiêu sự bất công, ngang trái ở trên đời đều được san bằng hết. Người ngay lành được cứu giúp, đũa hung ác phải trừng trị. Sau buổi diễn trò hôm ấy, trẻ con thị trấn Bến Cam nhớ mãi tích Anh chàng hiệp sĩ đánh hổ cứu một em bé lên rừng hái thuốc cho mẹ. Các em đặt cho anh ta đủ các thứ tên mà các em mến phục. Có em gọi anh là Võ Tòng đả hổ, có em gọi là Báo tử đầu Lâm Xung, là Phương Thế Ngọc, Tiêu Đại Bàng, Nhất Chi Mai... Lại có những em về nhà lấy củi hì hụi đẽo một thanh kiếm gỗ mơ ước trở thành một trang anh hùng hiệp sĩ kiểu như Anh chàng hiệp sĩ bằng gỗ của ông lão làm nghề múa rối dong ấy...

Nhưng chuyện Anh chàng hiệp sĩ gỗ không phải chỉ có thế, nó còn nhiều điều bí ẩn không thể ai biết được. Các em nhỏ ở thị trấn Bến Cam không biết đã đành, mà ngay cả đến ông lão múa rối là người sinh ra nó cũng không thể ai biết được. Đó là cuộc sống và những tâm sự riêng của con rối hiệp sĩ ấy. Mỗi đêm, khi những tiếng động của cuộc sống loài người lắng xuống, ông lão múa rối sau một ngày làm việc mệt nhọc đã uống hết một cút rượu, nằm ôm đầu gáy như sấm trong một góc buồng trọ tồi tàn ngoài bến sông. Giờ này là của những con chuột rúc rích trong các khe tường kiếm ăn. Giun dế tí ti tìm nhau than thở dưới những búi cỏ... Bóng tối đã bò ra trùm lên mọi vật tấm màn đen bí mật của mình. Trong thanh vắng, những vật ban ngày không có linh hồn bỗng như sống dậy, hoạt động âm thầm trong cái thế giới riêng biệt của chúng nó. Mấy cây đa trên cái bờ đê cao như vui mừng hơn, chúng nó vươn dài những cành lá ra, khoáng

vai nhau thủ thủ kể lại những chuyện đời xưa, đời xưa của khúc sông này. Mặt sông thì yên lặng suy nghĩ, lúc tối lúc sáng, mỗi bận có một trận gió thổi qua lại thổi "à" lên một tiếng náo nùng. ở trong góc cái hòm xe của ông già múa rối, anh chàng hiệp sĩ bằng gỗ lúc bấy giờ đã được ông lão treo cẩn thận lên một cái đinh sắt. Trông nó lủng lẳng như người bị treo cổ, các bạn xung quanh nó đều được treo lên như thế cả. Loài rối treo lên như vậy lại là lúc được nghỉ ngơi, thanh thản. Đêm khuya, trong cái thùng gỗ tịch tịch, những con rối treo lơ lửng trên những chiếc đinh. Mùi băng phiến thơm hắc từ xó tối tỏa ra, đuổi mấy con gián hung dữ tìm mồi chạy lạo xạo bên ngoài những khe ván hở. Một trận gió đêm thoảng qua, bay lọt vào khe lay động những con rối. Chúng nó chột rùng mình bằng hoàng tình dậy và bắt đầu sống theo cái đời sống riêng của loài rối. Mụ ba giai gầy rạc ngáp một tiếng thật dài lên tiếng. Đêm nào mụ cũng nói trước tiên. Mụ ngoác cái mồm rộng ra đến tận mang tai xoe xoe như lúc cãi nhau:

-Thế nào các người! Tết nhất năm nay tôi phải réo nợ những nhà ai? Ai thuê tôi đi réo nợ chứ hả? Hả...

-Nợ nan cái đếch gì! Thối chữa.

-Anh cả kiết bĩ môi lâu bầu bảo mụ ba giai:

-ở trong cái hòm rối này anh đếch nào nợ anh nào mà nặng cả lên. Không biết đường thôi!... Cô công chúa khăn vàng mau miệng vội gạt đi. Cô ta bàn nên quay về việc chuẩn bị tổ chức ngày tết cho thật vui. Theo ý cô nên tổ chức theo hình thức mới, đàn sáo, múa hát cho vui. ông lão say, mặt lúc nào cũng đỏ như gấc chín. Một tay vẫn cầm xâu thịt, một tay cầm bầu rượu, tức thì phản đối. Lão lắc đầu quày quạy, kè nè giọng rượu:

-Phải say! Tết nhất phải say túy lúy cung thang thì mới thích. Lão cất tiếng ồ ề ngâm: "Nêu cao ư ư... pháo đỏ, bánh ứ ứ chưng xanh... ư ư... Thịt mỡ ứ... dưa a... hành, câu đối đỏ..." Họ nhà rối chẳng ai buồn nghe lão, bởi vì mỗi người mỗi ý. Theo mẹ con bà lão gấu già thì ăn tết phải có mật ong. Chị chàng mãn tam thể lại thích ăn tết bằng chuột nhất. Lão hổ xám tức mình gầm lên, lão gạt hết cả mọi ý kiến. Lão bảo tết năm nay lão phải xoi ít nhất là ba anh chàng bò mộng.

Thế là ồn cả lên, bò, lợn, hươu, thỏ nhao nhao phản đối lão hổ. Họ bảo hổ như thế là không tốt, là quân hung dữ. Bò vàng thì tức lắm, anh ta vừa run vừa cãi lại hổ. Mấy bà gái góa chẳng nói gì, cứ thấy hai tay ôm má buồn rười rượi, cô tiểu thư áo xanh lại trách móc anh chàng công tử bột là khô khan. ở ngoài sân khấu thì mắt la mày lét, bây giờ lại làm bộ, làm làm cái mặt. "Thiếu cảm tình"! Anh chàng hiệp sĩ gỗ vẫn âm thầm trong một góc tối: Đêm nay anh ta bỗng thấy lòng buồn một cách lạ lùng. Không phải vì sự quạnh vắng của đêm tối, cũng không phải vì các bạn anh cãi nhau. Chuyện cãi vã nhau như vậy, họ nhà rối của anh là chuyện rất thường vì thật ra, tiếng rằng cũng là rối cả đấy, nhưng có ai giống ai đâu. Họ mỗi người mang một hình thù, mỗi hình thù có một tính nết riêng. Vậy thì có điều gì đáng cho anh phải buồn? Anh tìm mãi không ra duyên cớ. Mọi đêm, vào giờ này, trong khi các bạn anh cãi vã nhau thì anh nghĩ lại những việc anh đã làm trong một ngày đã qua. Anh nghĩ: ngày hôm ấy anh đã trừ được mấy tên gian ác, đuổi được mấy lần thú dữ. Anh đã cứu được bao nhiêu người gặp tai nạn hiểm nghèo. Anh còn lan man nghĩ đến những công việc ngày tới sẽ phải làm những gì nữa cho xứng đáng với những nét mặt, những ánh mắt, miệng cười của các bạn nhỏ đã xem anh. Nhưng đêm nay, không hiểu vì lẽ gì, đầu óc anh chàng hiệp sĩ ấy vẫn lên những ý nghĩ vu vơ, day dứt trong người, những ý nghĩ làm anh bức dọc khó chịu, có lúc anh như muốn khóc, có lúc lại như muốn gào thét lên. Xung quanh các bạn anh cãi nhau đến chán miệng đã quay ra ngủ cả rồi. Cô công chúa khăn vàng đầu ngoẹo sang một bên, hai tay buông thõng xuống, rũ rượi như một cái xác. Lão hổ xám vẫn ngồi mở hai mắt trừng trừng ra mà ngáy... Ngoài sông sương xuống trắng xóa.

Không biết anh gà nào ở dưới bến đang ráng sức gáy gọi ông mặt trời. Gần sáng rồi. Anh chàng hiệp sĩ gỗ bồng thấy rùng mình. Theo hơi gió từ ngoài sông thổi vào, anh chợt nghe có tiếng người đang nức nở khóc trong bóng tối. Tiếng khóc xói vào mặt anh, kể về những đau khổ, cùng cực của một ông lão ăn mày mù. Ông lão có một con chó vàng rất khôn. Ngày ngày con chó dắt ông lão đi khắp chợ ăn xin, đêm về hai "thầy trò" lại ôm nhau ngủ ở dưới gốc đa ngoài quán trọ. Cuộc đời nghèo khổ đã cướp đi của ông lão hai con mắt. Ông lão chỉ còn trông vào con chó nuôi sống tuổi già. Vậy mà không biết đứa ác tâm nào lại đánh bả con chó của ông lão chết, cướp đi cái nguồn sống, và tình thương yêu cuối cùng của con người tàn tật ấy. Người anh chàng hiệp sĩ bồng sôi lên. Anh lại gặp cảnh bất công như anh vẫn gặp thường ngày trên sân khấu đây. Anh phải xông ra, đem hết tài lực của mình cứu giúp ông lão. Anh phải tìm kiếm bằng được đũa mắt chữa cho ông lão khỏi mù. Anh phải trừng trị kẻ đã cướp đi con chó khôn ngoan, chung thủy của ông lão. Anh phải xông ra! Và anh xông ra đây!... Trong người anh chàng hiệp sĩ ấy tức thì dội lên một nỗi đau buồn chưa từng thấy có trong đời. Khốn nạn! Anh chỉ là một con múa rối. Xương cốt anh chẳng qua cũng chỉ là một mẩu gỗ. Anh cũng như con bò vàng, mẹ con bác gấu, hay cô tiểu thư áo xanh v.v... các bạn rối treo quanh đây. Anh có hơn gì ai, thanh gươm vẫn đeo rất oai nghiêm trên lưng bây giờ anh có rút ra được đâu. "Thanh gươm của mình, đeo trên lưng mình mà không rút ra được!" Chao ôi! Thì ra từ trước đến nay anh chỉ múa may quay cuồng được ở trong cái thùng gỗ mọt bé nhỏ này, và anh hùng hảo hán bằng mười đầu ngón tay điều khiển của ông lão làm nghề múa rối. Anh chàng hiệp sĩ ấy thương thân quá. Anh muốn khóc, anh muốn khóc cho rõ thảm thiết. Nhưng, khốn nạn thân anh, đến một giọt nước mắt cũng không có ở một người gỗ như anh để mà chảy ra cho hợp với nỗi ai oán của lòng mình lúc này. Bên ngoài, tất cả những anh gà trống bồng cùng thi nhau cong cổ réo ông lão mặt trời dậy. Dưới bến đã nghe tiếng người í ới gọi nhau, tiếng vo gạo sà sạt. Bây giờ ông mặt trời mới ửng oải chống tay vào sườn núi ngời lên. Sáng rõ mặt người rồi...

Từ đêm nghe tiếng khóc của ông lão ăn mày mù lòa ấy, anh chàng hiệp sĩ gỗ bồng sinh ra nghĩ ngợi. Tiếng khóc khơi ra trong cái đời sống tù hãm của anh những khát vọng kỳ lạ. Anh muốn hóa thành người thực, và thanh gươm của anh thành một thanh gươm thực. Anh sẽ mang thanh gươm báu ấy ra khỏi cái hòm gỗ bé nhỏ này bước vào cuộc sống đầy khổ cực, bất công của xã hội bên ngoài kia. Anh sẽ vung thanh gươm ấy lên như khi anh vung gươm diễn trò trên sân khấu, san bằng mọi bất công, oan trái ở trên đời. Anh sẽ làm cho trên mặt đất này không còn có tiếng khóc thảm thiết như tiếng khóc của ông lão ăn mày mù mất chó. Những mơ ước viển vông ấy làm cho anh chàng hiệp sĩ ấy hằng hái, vui sướng, anh nuôi những ý nghĩ ấy trong lòng. Mấy hôm nay anh chàng hiệp sĩ còn nhận ra ở dưới gốc cây đa đen ngòm và lạnh lẽo kia không phải chỉ có một ông lão ăn mày khóc. Ở đây còn có nhiều tiếng khóc, tiếng rên rỉ, than thở khác nữa. Càng gần ngày giáp tết tiếng rên rỉ từ trong bóng tối cây đa đưa ra càng nhiều. Đó là những người ăn mày, những đứa trẻ vô thừa nhận, những người già ốm yếu không có con cái, cửa nhà; ban ngày lang thang đầu đường xó chợ kiếm ăn, ban đêm lại kéo nhau về nằm vạ nằm vật dưới bóng cây đa này.

Ý muốn hóa thành người thật lại càng nung nấu, day dứt trong người anh chàng hiệp sĩ gỗ. Một đêm anh đem cái ý nghĩ ấy ra trình bày với các bạn trong họ nhà rối của anh. Anh nói với tất cả tấm lòng tha thiết chân thành của mình. Nhưng bạn rối lúc ấy đang cãi nhau về chuyện ngày Tết. Vẫn lại cô công chúa khăn vàng cãi nhau với ông lão say. Mẹ con bà gấu đòi ăn tết mật ong, chị chàng tam thể lại thích tết nhất phải có món thịt chuột, còn anh bò vàng thì run rẩy cãi lại lão hổ xám. Anh chàng hiệp sĩ phải nói đến lần thứ ba, đám rối mới ngừng cãi nhau để nghe. Và, khi họ nghe thủng cái ý muốn của anh chàng hiệp sĩ rồi thì cả bọn đều lăn ra mà cười. Họ bảo anh ta là đồ dở hơi, đồ gàn, đồ điên... Cái thứ bằng một mẩu gỗ mọt ấy mà dám nghĩ đến chuyện làm người. Gã công tử bột chun mũi lại, mà cười:

-Này anh chàng hiệp sĩ của tôi ơi! Anh đừng tưởng rằng anh tài giỏi gì lắm đâu. Nhà em xin



mời ông anh cứ thử bước ra ngoài kia, khỏi cái vòng thơm hắc của mùi băng phiến này xem, mấy cái thằng gián hung tợn ở ngoài ấy nó lại không leo ngay lên mặt anh mà nhấm hết cả hồ dán trên tóc, trên mũ, trên áo quần của anh ấy à. Hừ, tưởng bở!...

Anh chàng hiệp sĩ lặng thinh không nói. Họ không hiểu nổi anh thật. Làm sao mà những con gấu, con bò, lão say rượu với gã công tử bột... hiểu nổi tâm sự của một chàng hiệp sĩ! Anh ngao ngán nhìn qua khe thủng gỗ thờ dài. Trong đêm tối, những ánh đèn đỏ ủa đang lừ đừ qua lại dưới mấy cái xóm nghèo ngoài bến sông. Đêm nay là đêm ba mươi tết rồi, những ánh đèn ấy là những ánh đèn đi đòi nợ. Từ những ánh đèn quý quái ấy tiếng chửi bới cứ rú lên những tiếng nanh ác, sắc nhọn như mũi dao đâm vào da thịt. Và, ở dưới gốc cây đa tối, mỗi lần tiếng chửi rủa vắng đến thì những tiếng than thở, rên rỉ, lại đưa ra thê thảm, ai oán hơn.

-Mẹ ơi!... Sao lại không ngủ ở nhà hả mẹ? Có tiếng một em bé nào nói khe khẽ ở dưới gốc đa. Tiếng em thanh thanh, run rẩy như tiếng chim non:

-Thôi ngủ đi con. Đừng hỏi nữa, khổ mẹ lắm con ơi!...

-Cơ mà con rét lắm mẹ ạ. Tiếng người mẹ lại thều thào vắng lên:

-Đây, mẹ vẫn ôm con vào lòng đây. Mẹ đã cởi hết áo của mẹ ủ cho con rồi... Con ngủ đi chóng ngoan... Con thôi.. Một trận gió ào lên thổi bạt tiếng người mẹ đi. Đêm tối thăm thẳm, và lạnh buốt. Bóng những ngọn đèn nhập nhòa vẫn đi lại trong mấy cái xóm nghèo dưới bến. Các bạn rồi đã quên hết những chuyện cãi nhau, ngủ im cả rồi. Ông lão múa rối, đêm nay không biết lang thang ở đâu vẫn chưa thấy về. Có lẽ ông lão buồn. Năm cùng tháng tận, một mình thân già tha phương cầu thực... Tiếng em bé lại cất lên hỏi mẹ. Tiếng em nghe ngoan quá.

-Mẹ ơi! Bao giờ thì mẹ con ta được về nhà hả mẹ?

-Đến giao thừa con ạ. Năm mới về thì người ta không đòi nợ nữa... à thì ra đó là hai mẹ con nhà ai đêm ba mươi tết trốn nợ ra đây. Anh chàng hiệp sĩ nghe mà tối sầm cả tâm trí. Sắp qua một năm rồi, anh càng bồn chồn, nóng ruột. Anh muốn thành người ngay. Anh phải là người thật, thanh gươm của anh phải là thanh gươm thật, anh mới thực sự giúp ích cho đời. Nhưng tiếng em bé ngoài gốc đa bỗng reo lên, cắt ngang ý nghĩ của anh chàng hiệp sĩ gỗ.

-Năm mới người ta không đòi nợ nữa à. A, thế thì thích quá mẹ nhỉ. Năm mới mẹ phải may áo mới cho con nhá. Mẹ gói cả bánh chưng nữa nhá, mẹ mua cả tranh tết nữa nhá. Con thích tranh lắm cơ. Tiếng em bé trong sáng và vui tươi lạ lùng. Ngừng một lúc

-chắc là em đang tưởng tượng cái năm mới đầy hạnh phúc của em

-em tiếp:

-à mẹ này! Năm mới bố con có về không mẹ nhỉ? Những đứa bạn con, chúng nó cứ bảo: bố mày chết rồi. Chúng nó nói dối đấy mẹ ạ, không phải đâu, năm nay thế nào bố cũng về... bố về thì mẹ phải mua rượu cho bố uống nữa nhé!...

-ừ, thôi ngủ đi con!

-Không, con không ngủ nữa. Con phải thức chờ năm mới chứ. Bao giờ năm mới hả mẹ?

-Chốc nữa, bao giờ có nhiều pháo nổ thì là năm mới.

-Thế ư? Thế thì sướng quá. Con sướng quá. Lạy giời pháo nổ mau lên! Pháo nổ mau lên, cho chóng đến năm mới... Em bé bỗng nín bật. Từ dưới bến sông, một ngọn đèn đỏ quạch lừ đừ đi lên.

-Người ta đến bắt nợ, mẹ ơi!...

-Im con. Ngọn đèn lẳng lặng đi qua gốc đa, rồi rẽ vào trong nhà trọ của ông lão múa rối. Anh chàng hiệp sĩ bỗng thấy một cái đầu người đàn bà thò vào trong thùng gỗ. Một tay mù cầm ngọn đèn nhỏ giơ ra phía trước, một tay cầm cái quạt giấy che kín nửa mặt. Hai con mắt nhỏ sáng, hau háu lác lác đảo nhìn quanh hòm xe. Mụ cất tiếng khàn khàn hỏi:

-Ngủ cả rồi à?... có ai còn thức không?...

-Tôi. Tôi còn thức đây.

-Anh chàng hiệp sĩ lên tiếng.

-Bà đến đòi nợ ai đấy? Bà nhầm nhà rồi.

-Không. Tao đi tìm thằng hiệp sĩ gỗ. Mà có biết nó đâu không?

-Tôi đây. Tôi là hiệp sĩ gỗ đây.

-à... Mụ đàn bà giơ ngọn đèn soi lên mặt anh chàng hiệp sĩ gỗ, khẽ reo lên:

-Mày là hiệp sĩ... Anh là hiệp sĩ đấy.

-Vâng.

-Tôi đi tìm anh từ chập tối... Ai biết ông lão lại trọ mãi tận đây... Anh có biết đêm nay tôi tìm anh có việc gì không?... Mụ yên lặng nhìn anh chàng hiệp sĩ, những nếp nhăn ở đuôi hai con mắt nheo lại. Mụ cười:

-Mày thì biết thế nào được, tao là bà tiên đây. Cuối năm tao xuống trần gian để giúp đỡ muôn loài. Tao biết mày vẫn thích thành người. Cho nên hôm nay tao đến đây phù phép cho mày thành người thật. Anh chàng hiệp sĩ bàng hoàng cả người. Anh không biết trả lời thế nào. Sự việc đến với anh đột ngột quá, anh bối rối, ngờ vực. Anh không dám tin lời mụ già nói là thật. Mụ già ấy lại hỏi:

-Thế nào mày nói lên chứ. Mày có... anh có muốn làm người không? Ta là bà tiên thật đây mà, ta không nói dối đâu.

-Bà là bà tiên thật ư?... Anh chàng hiệp sĩ gỗ khe khẽ hỏi lại, giọng anh run lên vì cảm động.

-Thưa bà tiên, vâng, từ lâu tôi vẫn ao ước thành người...

-Thế thì ta sẽ cho anh thành người. Ta sẽ cho cả thanh gươm gỗ của anh thành thanh gươm thật. Một thanh gươm quý chém sắt như bùn, chém rụng đầu người không kịp dây máu. Ha ha anh sẽ ở với ta. Ta sẽ cho anh một con ngựa hồng. Anh cưỡi con ngựa hồng, đeo thanh gươm báu đi suốt dọc hai bờ con sông thị trấn này: chỗ nào có vườn cam, vườn quýt ấy là của ta, anh

sẽ thu về cho ta. Anh muốn bạc vàng, có bạc vàng, anh muốn có châu báu được châu báu...

-Không! Không, thưa bà...

-Anh chàng hiệp sĩ vội ngắt lời cụ già.

-Tôi muốn làm người không phải để cưỡi ngựa hồng, đeo gươm quý, không phải để có được nhiều châu báu. Bà tiên ơi! Bà hãy quay đầu lại nhìn ra gốc cây đa ngoài kia mà coi... Đấy!

ở trong cái hốc tối như miệng một cái cửa ngục ấy đêm đêm tiếng rên rỉ, khóc than đưa ra ai oán, thê thảm lắm. ở dưới có ông già mù cả hai mắt, có những người què quặt, đói rét, có bà mẹ trốn nợ đêm ba mươi, phải cởi trần lấy áo ủ cho con, và đứa con thì chờ tết để được về nhà, được ăn bánh, chơi tranh và mặc áo mới... Bà ơi! Bà tiên ơi... Tôi làm người, tôi sẽ mang thanh gươm của tôi đi, tôi sẽ diệt trừ hết những quân cường bạo, những đứa gian tham. Tôi sẽ diệt trừ chúng nó như ông lão chủ tôi diệt trừ những con gián, con mọt ghê tởm làm hại loài rỗi chúng tôi. Bà tiên ơi! Tôi muốn rằng trên mặt đất sẽ không còn có người mù lòa tàng tật, không còn có tiếng than vãn, khóc lóc. Không có người ốm, không có người chết. Trẻ em có áo mới mặc ngày tết, người già mùa rét có chăn đắp, mẹ con được thương yêu nhau ở dưới mái nhà ấm cúng của mình... Thưa bà tôi sẽ... Anh chàng hiệp sĩ gỗ nói rất say sưa. Anh nói với tất cả những mong mỏi, khao khát bấy lâu của lòng mình. Còn cụ già lại rũ xuống mà cười, cụ cười khàn khàn, khàn khàn. Dứt cơn cười, cụ nhìn anh chàng hiệp sĩ lắc lắc cái đầu, có vẻ thương hại:

-Mày!... Mày, cái thứ bằng một mẩu gỗ một ấy cũng dám có những ý nghĩ ngông cuồng đến thế ư?... Nhưng thôi cũng được. Tao cũng cho mày làm người. ừi chào ời! Sao cái bọn trẻ ranh chúng mày đưa nào cũng giống nhau thế. Đứa nào cũng mơ tưởng những là thế này thế nọ... Rồi đấy! Mày sẽ biết. Tao cũng cầu gười khẩn phật mong cho mày giữ được những lời mày nói... Thôi bây giờ thì tao hóa cho mày thành người thật biết không. Nhưng mày phải hứa với tao, phải thề trước mặt tao rằng thành người rồi, việc trước tiên là mày phải giết một người...

-Phải giết một người?

-ừ. Phải giết một đứa con gái. Cụ già nhìn chăm chặp vào mặt anh hiệp sĩ. Hai mắt cụ nhỏ lại, trong suốt.

-Thưa bà, vì sao tôi lại phải giết người?

-Vì sao à?

-Cụ già hỏi lại.

-Vì... vì có giết một người thì tao mới lấy hồn nó cho mày được. Nếu không mày chỉ sống được đến gà gáy thứ nhất mày sẽ trở lại kiếp gỗ. Vì tao là bà tiên. Mày nhớ tao là tiên chứ? Tao thấy đứa con gái ấy là một đứa gian ngoan ghê gớm. Nó đã giết mẹ nó đấy, cho nên phải trừng trị nó. Thế nào? Mày có dám giết nó không? Cụ cười khẩy:

-Tao nghe mày nói làm người, mày sẽ mang thanh gươm của mày đi làm những cái gì ghê gớm lắm, thế mà giết một đứa con gái cũng không dám kia à?... Thôi, đây này. Một đấng làm người thật, và một đấng làm người giả, người gỗ thì...

-Thưa bà...

-Anh chàng hiệp sĩ vội lấp bắp hỏi.

-Thưa bà đưa con gái ấy nó giết mẹ nó?...

-Ừ. Nó giết mẹ nó. Nó còn đang định giết cả em nó nữa kia đấy.

-Nó định giết cả em nó nữa?... Vâng. Tôi xin nhận.

-Thế thì mày phải thề trước mặt tao, mày thề đi. Mày phải thề rằng nếu mày không giết đứa con gái ấy thì sớm sếp sẽ đánh chết mày. Mày sẽ lại trở về kiếp gỗ, muôn đời nghìn kiếp chỉ là một khúc gỗ mọt. Mày thề đi!

-Vâng. Tôi xin thề như vậy. Mụ già gật gù cái đầu, mụ đặt cây đèn lên nóc hòm xe, nhắc anh chàng hiệp sĩ gõ ấy ra khỏi cái đinh sắt, giơ lên. Tay kia mụ cầm chiếc quạt phẩy nhẹ vào mặt anh ba cái liền. Một luồng gió thơm ngát bay ra, tức thì hai con mắt khô cứng vẫn mở trôn trôn của anh chàng hiệp sĩ nhấp nháy, đảo qua đảo lại, môi mấp máy, và hai cánh mũi phập phồng thở ra những làn hơi ấm. Chân tay anh đã biết cựa quậy. Mụ già đặt anh hiệp sĩ đứng xuống đất. Anh lảo đảo trên đại chân còn run rẩy của mình. Từ đất bỗng chuyển lên một sức mới, anh rùng mình vươn lên, thở ra một tiếng thật dài, biến thành một người bằng xương bằng thịt cao lớn, vững chãi. Mụ già cầm lấy tay chàng hiệp sĩ kéo đi. Mụ nói như ra lệnh:

-Thôi, đi theo ta, mau!...

Mụ già ấy không phải là bà tiên. Mụ chính là một con mẹ phù thủy tai ác, nanh độc khét tiếng ở vùng này. Trong cái khu vực cây cối um tùm như rừng mụ ở, ít lâu nay lúc nào người ta cũng thấy có tiếng người kêu khóc thảm thiết đưa ra. Không ai biết mụ làm gì trong ấy, cũng không ai dám tò mò lại gần xem. Người ta sợ mụ thù, sợ như sợ một con rắn độc. Từ lâu, mụ phù thủy vẫn có ý định giết một cô gái con chồng để chiếm đoạt gia tài. Mỗi năm mùa xuân đến, cô gái nhớn lên thêm một tuổi, thì cái ý nghĩ giết con chồng lại càng quyết liệt thêm trong người mụ. Mụ đã sai một người vú già đánh thuốc độc cho cô gái ấy chết. Nhưng người vú già trung hậu đã không giết cô, bà lão báo cái tin ghê gớm ấy cho cô biết, và trốn đi. Từ đấy, mụ phù thủy giam cô gái vào cái hầm thóc ở cuối vườn. Những tiếng kêu khóc thảm thiết mà người ta vẫn nghe thấy chính là tiếng khóc của cô gái tội nghiệp ấy. Đêm nay là đêm ba mươi Tết rồi, chỉ còn có một lúc nữa thì bắt đầu một năm mới. Bao nhiêu há vọng, bao nhiêu tin tưởng của bao nhiêu con người trên mặt đất này đều đặt ra trong cái phút thiêng liêng ấy. Ở trong hầm thóc, cô gái cũng thôi không khóc nữa. Cô khóc đã nhiều rồi, nước mắt không thể cứu cô ra khỏi chốn này. Và trong bóng tối chờ đợi của đêm giao thừa, cô bỗng nảy ra nhiều ý nghĩ lạ lùng. Cô nghĩ rằng: trong mệnh mông của đất trời, mùa xuân đang lần lần bước tới. Mùa xuân đến sẽ mang lại hạnh phúc cho muôn loài. Cây cối khô cằn sẽ đâm chồi nảy lộc. Hoa nở, chim hót, bướm bay và người người vui mừng hớn hờ đón mùa xuân vào cuộc đời của mình. Mùa xuân đến hạnh phúc tràn đầy như vậy, cô không thể chết héo trong cái hầm thóc tối tăm, lạnh lẽo này được. Cô nghĩ, có lẽ lúc ấy sẽ có người đến để cứu cô. Một bà tiên nhiều phép nhiệm màu. Một ông bụt...

-Ngày xưa, trong truyện Tấm Cám bụt đã hiện lên cứu cô Tấm vì bị mẹ ghê hành hạ, thì cảnh cô bây giờ bụt cũng hiện lên cứu cô ra khỏi chốn này

-một ông bụt hiện từ, chống gậy tầm sách đến với cô, làm sáng rực cả hầm thóc. Cô sẽ quỳ xuống dưới chân bụt kể lể hết nỗi oan khổ của mình. Bụt sẽ dịu dàng nói: "Con ơi! Ta đã biết hết nỗi khổ của con rồi. Đêm nay ta đến cứu con đây".

Và Bụt chống mạnh cây gậy tầm sách xuống đất, tức thì muôn đạo hào quang từ cây gậy thần phát ra phá tan cả cái lùm thóc vẫn giam hãm cô. Cô gái bỗng hốt hoảng vùng dậy. Từ phía cửa, không biết vì sao, khóa và xích bỗng rơi xuống loảng soảng, rồi cánh cửa bật tung ra. Ánh sáng từ ngoài rọi vào trong cái lùm thóc tối. Trong ánh sáng của cây đèn, bóng một người hiện ra. Không phải là một bà tiên, cũng không phải là bụt, mà là một chàng trai trẻ mắt sáng như sao, mũi thẳng, cằm vuông. Đầu đội khăn võ sinh màu nguyệt bạch, mình bận chiến bào lục anh vũ, chân đi ủng tía. Trên lưng cài một thanh kiếm có thất giải lụa hồng bay phơ phất. Trong cái cảnh tăm tối ở đây, những áo quần màu sắc ấy, rõ ràng hẳn lên. Cô gái sững sờ nhìn chàng trai trẻ cầm cây đèn dĩnh đặc bước vào, cô bàng hoàng tưởng như đang ở một giấc mộng đẹp dễ nào. Người đời làm gì có người ăn mặc rực rỡ, kỳ lạ như thế kia. Đi đứng oai nghiêm dĩnh đặc như thế kia. Có lẽ đây là người mà tiên, bụt cho xuống cứu mình? Cô vội sửa lại mái tóc chạy ra đón.

-Anh! Anh là ai?

-Tôi là hiệp sĩ.

-Anh là hiệp sĩ? Trời ơi... Trong lòng cô gái bỗng sáng rực lên những niềm vui tin.

-Anh là hiệp sĩ? Có phải anh đến cứu tôi đây không?

-Không, tôi đến giết cô. Mặt anh chàng hiệp sĩ nghiêm lại. Anh nói rành rọt từng tiếng.

-Không! Không! Tôi không thể tin được anh lại giết tôi. Anh chàng hiệp sĩ đặt cây đèn lên bệ, rút thanh gươm ra, tiến lên một bước, dẫn giọng:

-Vì sao cô lại tin tôi không giết cô? Có phải rắn rết ở trong lòng cô đang hiện ra trong những lời nói khôn ngoan ấy không?

-Không! Không phải thế đâu. Tôi không thể nào tin anh lại giết tôi được vì rằng tôi trông anh... Người con gái ngược mắt lên nhìn chăm chăm vào anh chàng hiệp sĩ. Hai mắt cô gái to và đen láy. Hai con mắt ấy bỗng vụt sáng lên, như chợt nhận thấy một điều gì vui sướng. Cô vội chạy lại gần anh chàng hiệp sĩ, mừng rỡ nói:

-Tôi trông anh quen lắm... Phải rồi, tôi quen anh đã chín mười năm nay, từ hồi tôi hãy còn để chỏm. Tôi trông anh giống như một con rối của ông lão múa rối rong, cứ đến cuối năm lại về đây diễn trò. Một con rối chuyên đóng vai hiệp sĩ cứu đời. Anh cũng là hiệp sĩ. Đây này, cái khăn đội cũng màu nguyệt bạch. Cũng áo chiến bào lục, đai ủng tía. Và, thanh gươm. Thanh gươm cũng có giải lụa hồng buộc ở chuôi, như thanh gươm anh đang cầm ở tay kia. Trời ơi! Sao anh giống con rối ấy thế. Từ bé xem múa rối, tôi đã yêu thích, mến phục con rối ấy lắm. Thật là một con rối anh hùng, mỗi khi nó vung thanh gươm của nó lên thì mọi sự bất công, ngang trái đều được san bằng, người ngay thẳng trung hậu được giúp đỡ, đưa hung ác, gian tham phải trị tội. Tôi chưa từng thấy con rối ấy giết người hiền lành ngay thẳng bao giờ. Vì vậy tôi không thể nào tin anh lại giết tôi. Anh hiệp sĩ ơi!... Tôi không thể nào tin được. Anh chàng hiệp sĩ thấy bối rối. Những lời nói chân thành của cô gái làm xúc động lòng anh. Trong óc anh bỗng hiện lên rất nhanh quãng đời còn làm con rối của anh khi trước. Anh nhớ từng tích, từng việc rất rõ. Anh nhớ anh đã giết những loại gian ác, hùm beo, yêu quái; và anh đã cứu được bao nhiêu cô bé, bao nhiêu ông già, bao nhiêu chú thỏ hiền lành ngây thơ... Giọng nói và nét mặt còn trẻ măng của cô gái đứng trước mặt anh kia, không phải là giọng nói và nét mặt kẻ có tội. Những đứa có tội thì tội ác đeo trên mặt nó. Nó không thể giấu được. Đúng rồi, trong quãng

đời còn làm con rồi, anh chưa giết một người nào như thế này. Thanh gươm anh đã giờ lên, bỗng lại từ từ hạ xuống. Anh hỏi cô gái:

-Nhưng sao có người lại nói với tôi rằng cô đã giết người.

-Có người bảo rằng tôi giết người? Hai mắt cô gái tròn lên, kinh sợ.

-Phải, một bà tiên bảo tôi rằng cô đã giết mẹ. Cô còn định giết cả em cô nữa.

-Tôi mà giết mẹ tôi? Trời ơi! Sao lại có chuyện lạ như vậy? Một bà tiên bảo anh?... Thôi, thôi anh nhầm rồi. Anh mắc lừa rồi. Không phải là tiên đâu. Mẹ ghê tôi đấy... Nước mắt người con gái tràn ra chảy dòng dòng trên má. Anh chàng hiệp sĩ bỗng rùng mình, có một cảm giác rất lạ. Một cảm giác mà khi là gỗ anh không thấy. Một cảm giác làm anh bồi hồi, lo lắng đang chạy ròn rập trong lồng ngực anh. Anh trông thấy nước mắt. Lần đầu tiên anh trông thấy nước mắt, mà lại là nước mắt của một cô gái hiền hậu chảy ra. Anh thấy hình như yếu đuối, hình như những ý chí chiến đấu trong người bấy lâu bị hụt đi. Anh bỗng quát lên để trấn áp lòng mình:

-Mẹ ghê cô?...

-Vâng, mẹ ghê tôi. Bà ấy là một mụ phù thủy. Bà ấy vẫn có cái quạt phép che nửa mặt... Bà ấy đã giết mẹ tôi, và còn đang định giết tôi để chiếm đoạt cái gia tài này... Anh hiệp sĩ ơi! Anh có biết vì sao tôi bị giam hãm ở đây không? Anh thử nghĩ xem ở cảnh đời này, một người làm nên tội ác, có bao giờ giữa đêm ba mươi tết này lại bị giam cầm trong cái lẩm thóc bỏ hoang tăm tối này không? Anh chàng hiệp sĩ nín lặng, cúi đầu suy nghĩ. Những lời cô gái nói, anh thấy là có lý. Phải rồi, những kẻ làm nên tội ác nhất định không ở cái chốn tối tăm tòi tàn này, cũng như những người rên rỉ ở dưới gốc đa trước nhà anh trọ, những người ấy nhất định không làm nên tội ác. Vậy thì anh nên xử trí thế nào? Nên giết, hay nên tha cho cô gái? Chao ôi! Việc của người đời, anh mới bước chân vào, sao lắm nỗi éo le, khó hiểu làm vậy? Bỗng anh quay người chạy vút ra ngoài bóng tối. ở trong một cái miếu nhỏ gần đấy, mụ phù thủy đang ngồi thu mình dưới ngọn đèn xanh như hạt đỗ. Nghe tiếng chân người thỉnh thoảng đi ra, mụ đằng hắng hỏi:

-Xong rồi chứ? Anh chàng hiệp sĩ đã đứng trước mặt mụ phù thủy, anh nói:

-Tôi không thể giết người con gái ấy được!

-Vì sao không giết? Mụ vặn to ngọn đèn lên, nhìn anh chàng hiệp sĩ một cách dữ tợn.

-Tôi không giết, vì tôi không thể nghe lời một mụ phù thủy độc ác... Mặt mụ phù thủy tức thì xám đen lại, rồi trắng bệch ra. Hai con mắt mụ xanh lét chiếu thẳng vào mắt anh chàng hiệp sĩ. Mụ nhìn anh rất lâu, bỗng mụ cười lên khàn khàn, khàn khàn. Mụ cười nghe như hai miếng xương khô cọ vào nhau.

-Mày không giết nó? Mày còn nhớ những lời mày thề trước mặt tao chứ? Mặt mụ sất lại và tất cả những nếp nhăn đều co rúm vào nhau như miếng vỏ cây khô.

-Phải, tao là phù thủy đây. Một con mụ phù thủy độc ác giết người đây. ừ, phải rồi. Tao mượn tay mày giết nó đấy! Mày có giết nó không? Nếu mày không giết nó tao sẽ bắt mày trở về kiếp gỗ. Mày sẽ mục nát ra ngay ở trong cái miếu này, mày không về nổi cái hòm gỗ của mày mà múa may quay cuồng nữa đâu! Tiếng mụ phù thủy nanh ác, tàn nhẫn. Mụ không cần giấu diếm việc mụ làm. Mụ nhận mụ là đứa gian ác. Anh chàng hiệp sĩ rùng mình. Đầu óc anh quần lên những ý nghĩ đen tối, không dứt khoát. Bên tai anh vẫn nghe văng vẳng tiếng khóc của ông lão

mắt chó. Tiếng mẹ con em bé trốn nợ trong góc đa. Anh giết cô gái hay trở về kiếp gỗ?

-Mày ngu dại lắm. Mày tưởng mày không giết thì con bé ấy nó sống được à? Mày không giết thì đứa khác giết. Tao giết, nó cũng phải chết. Còn mày, mày làm được cái gì lúc ấy? Mày cũng đã tự chết tám đời rồi, mày là khúc gỗ, biết chưa. Mụ bỗng thở hắt ra một tiếng dài ngao ngán:

-Chao ôi! Tao vẫn tưởng mày là đứa chí khí kia đấy. Ai ngờ chỉ vì một đứa con gái mà mày bỏ lão ăn mày mắt chó, mày bỏ mẹ con cái đứa trốn nợ, mày bỏ hết cả chí khí của mày. Mụ ngừng lại nhìn anh chàng hiệp sĩ một giây, lại tiếp. Giọng mụ bỗng dịu hẳn xuống, khuyên lơn, ve vuốt:

-Mày tưởng rằng con bé ấy đã khổ sở lắm hay sao! ở trên đời này những đứa như nó kể có hàng trăm hàng nghìn. Mày phải có can đảm bỏ qua cái khổ này đi, thì mới cứu được hàng trăm hàng ngàn cái khổ khác. Thôi vào đi! Vào giết nó đi! Tao đợi ngoài này... Anh chàng hiệp sĩ càng bối rối, sợ hãi. Anh biết đấy là những lời ma quái lắm, vậy mà dường như anh không cưỡng lại được, dường như có lý. Anh biết rằng mình không trấn tĩnh nổi lòng mình nữa rồi. Tiếng mụ phù thủy bỗng quát lên:

-Vào! Đi vào! Chần chừ gì nữa!... Tiếng quát đàn áp tinh thần anh chàng hiệp sĩ. Anh như bị đẩy đi bởi một áp lực ma quái. Anh đi thất thểu vào trong cái hầm thóc. Hai mắt đỏ ngầu ngầu. Anh nắm lấy tay cô gái, nghiến răng rút thanh kiếm ra. Cô gái bỗng quỳ xuống, khóc rưng rức:

-Vâng, tôi xin chết. Tôi xin vui lòng chết dưới lưỡi gươm của anh. ở trong này tôi đã nghe hết những lời mẹ ghẻ tôi nói với anh rồi. Thì ra anh chính là con rối mà tôi mền phục từ hồi còn bé. Anh hiệp sĩ ơi!

Anh muốn làm người để cứu giúp những người nghèo khổ, hoạn nạn, như anh đã từng cứu giúp ở trong hòm múa rối khi xưa. Vâng, tôi xin vui lòng chết, để anh sống, anh làm những việc lớn lao, đẹp đẽ mà tôi thường mơ ước. Anh chém tôi đi! Vâng. Anh chém tôi đi... Anh chàng hiệp sĩ bỗng thở dài buông thõng tay xuống. Anh xấu hổ. Anh thấy anh không xứng đáng với tấm lòng tin cậy, cao cả của cô gái. Trong một lúc anh vụt nghĩ đến những con mắt của những người bạn trẻ vẫn xem anh diễn trò ở các chợ. Những con mắt lay láy, tin cậy, mền phục anh. Những con mắt ấy nếu chúng nhìn thấy anh vung gươm lên giết cô gái trong trắng, hiền hậu này thì sẽ như thế nào? Những con mắt mãi mãi dõi theo việc làm của anh. Đầu óc anh chàng hiệp sĩ bỗng vụt sáng lên một cách kỳ lạ. Anh cúi xuống, nâng cô gái dậy:

-Tôi không thể giết cô được. Thanh gươm của tôi chỉ để cứu người ngay thẳng trung hậu. Đêm nay tôi sẽ đưa cô ra khỏi cái hầm thóc tối tăm này...

-Không! Anh hiệp sĩ ơi! Anh đưa tôi ra khỏi cái hầm thóc sao được. Mụ phù thủy sẽ thu hồn anh.

-Mụ không thể thu được hồn tôi. Tôi chỉ mất hồn khi tôi làm những điều trái với lương tâm tôi... Thôi ta ra khỏi chốn này, mùa xuân đang chờ chúng ta ở ngoài kia. Anh chàng hiệp sĩ cầm tay cô gái dắt ra khỏi hầm thóc. Tiếng pháo giao thừa bỗng nổ ran lên. Rồi tiếng trống động thổ ở các đền, các chùa cũng ầm ầm nổi theo. Trong tiếng pháo, tiếng trống, tiếng mụ phù thủy rống rít lên:

-Thằng hiệp sĩ kia! Thằng vong ơn bội nghĩa kia! Mày dám phản tao à? Mày phải chết! Mụ xòe cái quạt đánh phạch:

-Tao sẽ thu hồn mày vào trong cái quạt này. Anh chàng hiệp sĩ cũng rút gươm, tiến lên. Anh nhìn thẳng vào mặt mụ phù thủy đồng dục nói:

-Thanh gươm này chưa bao giờ biết sợ những lời dọa nạt của những kẻ gian ác. Mụ phù thủy cười gằn, mụ giơ chiếc quạt phẩy nhẹ một cái. Một luồng gió bay ra thổi vào mặt anh chàng hiệp sĩ lạnh buốt. Anh chàng hiệp sĩ vung gươm lên đón đỡ. Nhưng hơi gió từ cái quạt thổi ra mỗi lúc một dữ dội. Tiếng gió cứ rít lên quẩn lầy người anh chàng hiệp sĩ. Anh bỗng rùng mình, tiếng mụ phù thủy vừa cất lên quái gở:

-Ba hồn bầy vía thằng hiệp sĩ ở đâu thì về mà chịu tội ội!... Về ngay... Ba hồn bầy vía... Mặt anh chàng hiệp sĩ tối sầm lại. Tay chân anh bủn rủn. Anh thấy hình như sức sống trong người anh bị rút đi. Và anh ngã khụy xuống, một bên chân anh liệt hẳn, giá lạnh, bầm không biết đau nữa. Hình như nó đã thành gỗ rồi. Anh chàng hiệp sĩ gỗ hốt hoảng vùng đứng lên, nhưng anh lại ngã khụy xuống. Đứng cái chân anh thành gỗ rồi. Mụ phù thủy đã tiến lại gần anh. Mụ vẫn hú lên những tiếng hú ghê rợn:

-Ba hồn bầy vía thằng hiệp sĩ... ở đâu thì về mà chịu tội... nhá á á ... Người anh chàng hiệp sĩ như nhẹ đi, mệt mỏi rã rời, anh đỡ gạt luồng cuồng. Thôi con mụ phù thủy sắp hại anh rồi. Anh sắp lại trở về kiếp gỗ và chết mục trên miếng đất này. Xung quanh tiếng pháo mừng đón mùa xuân vẫn nổ liên tiếp. Tiếng pháo như không bao giờ ngừng. Anh chàng hiệp sĩ bỗng nhớ lại những lúc anh đánh nhau với kẻ thù ở trong cái hòm gỗ trước kia. Anh nhớ lại những tiếng hát của ông lão múa rối khuyển lớn, khích lệ anh những khi anh chán nản, yếu đuối: "Khi ta thấy tinh thần ta yếu đuối, thì chính sự yếu đuối ấy sẽ đè chết ta; vượt qua được, ta sẽ thắng được quân thù..." Mụ phù thủy đã đứng trước mặt anh chàng hiệp sĩ, mụ trở ngược cái giáo quạt vào mặt anh, nheo một bên mắt cười:

-Mày thử đứng lên tao xem nào. Mày không đứng lên được nữa đâu. Chân mày thành gỗ rồi. Hừ, trứng chọi sao lại được với đá! Tao chỉ phẩy nhẹ một cái nữa thì cả người mày trở về kiếp gỗ, thanh gươm mày đang cầm ở tay kia cũng thành gỗ nốt. Mụ ngừng lại, nhìn anh dần giọng:

-Nhưng tao cũng rộng phép cho mày nghĩ lại. Nếu mày quay gươm giết con bé khốn kiếp kia, thì tao sẽ tha cho mày.

-Tha cho tao à? Ha ha ha ha... Anh chàng hiệp sĩ cười lớn. Lòng khinh thị và căm tức làm anh bật cười. Tiếng cười đầu tiên của một con rối bằng gỗ đã thành người. Tiếng cười của một con người thực có mặt ở cuộc đời. Tiếng cười cứ rung lên sang sảng như tiếng nhạc đồng, và làm sáng sủa cả cái không khí u uất ghê rợn lúc bấy giờ. Tiếng cười tự đáy lòng anh chàng hiệp sĩ phát ra, chuyển cho anh một sức sống mới, tan biến mọi sự yếu đuối đang đè trĩu trên người anh. Con mẹ phù thủy bỗng lùi lại, lùi lại... Tiếng cười đuổi theo làm mụ hoảng sợ. Mụ đã từng giết nhiều người. Mụ chưa thấy một người nào như vậy. Trước cái chết mụ chỉ thấy người ta khóc lóc van xin. Anh chàng hiệp sĩ này đứng trước cái chết lại cười. Thật là ghê rợn đối với con mẹ phù thủy. "Thắng được sự yếu đuối, ta sẽ thắng được quân thù". Tiếng cười đã thắng được sự yếu đuối trong người anh chàng hiệp sĩ. Anh hét lên một tiếng, chuyển hết gân cốt vung gươm, đứng dậy. Những chỗ tê bại trên người anh vụt biến đi. Anh vũ động thanh gươm cuốn lên, lấp loáng như một cơn lốc. Anh đã dùng đến những đường gươm bí hiểm nhất mà trước kia chỉ khi nào đánh nhau với yêu ma, hổ báo anh mới dùng đến. Trong tiếng pháo giao thừa và tiếng trống đồng thổ như tiếng trống trận, một đường gươm loáng lên như một ánh chớp cắt ngang những ý muốn độc ác của con mẹ phù thủy. Cả người mụ đổ xuống. Xung quanh tiếng pháo vẫn nổ ran trong các xóm làng, ấp trại. Lẫn có cả tiếng gà kéc ke gáy gọi ông mặt trời năm mới...

Một buổi sáng đầu năm, mưa phùn bay trắng trên thị trấn Bến Cam. Trên con đường đỏ sẫm lầy lội, ông lão múa rối rong ung dung đẩy cái xe bánh gỗ cọt kẹt từ trong phố đi ra. Mấy đứa trẻ



đang đánh đáo trong lều chợ nhìn ra trông thấy, chúng nó cùng reo lên, à à chạy ra đón. Một đứa con gọi:

-Cụ ơi! Cụ múa rối ơi! Cụ đã đi đấy à? ông lão múa rối ngừng mặt lên, toét miệng cười:

-Phải đi chứ! ở đây mãi ai nuôi? Hi...

-Này cụ ơi! Cháu hỏi... ông lão dừng xe lại, và đám trẻ con tíu tít vây xung quanh.

-Cháu hỏi, sao mấy hôm hội chùa diễn trò rối không tích nào có anh hiệp sĩ?

-Anh ấy đâu? Anh ấy đâu hở cụ? Đám trẻ con nhao nhao tranh nhau hỏi.

-Anh hiệp sĩ ấy à... Anh hiệp sĩ thì thi để sang năm làm con khác các cháu nhé. Sang năm làm một anh mới rõ thật đẹp...

-Sao lại làm anh mới? Làm mới còn kể gì nữa, chúng cháu không thích. Thế anh ấy đâu? Cụ bỏ anh ấy đâu rồi?... Bị hỏi dồn, ông lão đâm ra lúng túng. ông lão chắc lưỡi nói liều:

-Chậc, anh ấy hóa thành người rồi.

-Thành người à? Đám trẻ con tròn cả miệng, cả mắt kêu lên:

-Thế anh ấy có đem thanh gươm đi không?

-Có chứ. Có đem thanh gươm đi chứ.

-Thích nhỉ. Tao gặp anh ấy tao đi theo ngay.

-Lũ trẻ xuýt xoa. ông lão múa rối lại đẩy cái xe đi. Cái xe cút kít in trên đường đất đỏ hai vệt bánh xe sâu hoắm Đám trẻ con đứng nhìn theo hút bóng ông lão đẩy cái xe trên con đường xa tí trước mặt. Trước mắt các em lại hiện lên bóng dáng hùng dũng của anh chàng hiệp sĩ gỗ đầu đội mũ võ sinh màu nguyệt bạch, mình bận chiến bào lụa màu lục anh vũ, lưng thắt dây văn võ màu xanh, chân giậm ủng tía, trên lưng cài một thanh kiếm phơ phát giải lụa hồng.

*Nhà xuất bản Kim Đồng Hà Nội, 1958*

## **Kim Lân, người bị treo bút trong chế độ đỏ... Nguyễn Mạnh Trinh**

Có một người đã hỏi nhà văn Kim Lân:” Ông không viết văn lâu rồi nhưng những gì ông viết của mấy chục năm về trước vẫn được không ít độc giả tìm đọc với những lý do khác nhau. Sao ông lại im lặng mấy chục năm nay và im lặng đến hết cuộc đời?”

Nhà văn Kim Lân đã trả lời, chân thực, chua chát:

“Có nhiều lý do khiến tôi im lặng. Có những điều tôi muốn viết nhưng ngại nên không viết ra được, không vượt qua được ngưỡng cửa của chính mình. Vì sự im lặng ấy mà giờ đây tôi cũng im lặng không viết ra.

Cái mốc tôi ngưng viết văn là từ khi truyện Con Chó Xấu Xí ra đời. Khi người ta đã nhận mình là Con Chó Xấu Xí thì biết làm gì nữa đây. Đôi khi tôi viết về một người bạn văn chương nào đó đã khuất. Đó là những dòng của người còn sống trên dương gian nhớ người đã vắng bóng.

Truyện ngắn cuối cùng trong đời, tôi đã chuẩn bị đầy đủ nhưng rồi lại không viết!”

Và ông nói sơ lược về truyện ngắn cuối đời ấy, bình thản nhưng chứa một thông điệp nào của những điều khó nói”

“Truyện này đại khái là về một người đàn ông câm. Ông câm này nuôi một con chó. Tất cả những người chung quanh anh ta chẳng hiểu anh ta nói gì nghĩ gì kể cả mẹ của anh. Chỉ có con chó hiểu được anh. Cả hai đều không nói được cái tiếng mà người quanh họ đã nói.

Khi người ta mở chiến dịch giết chó, con chó của người này bị đuổi bắt. Nó chạy đến mép rừng. Chỉ dám bước nữa là nó thoát chết. Đúng lúc đó người câm cất tiếng kêu như một tiếng tru. Con chó dừng lại. Nó quay lại và bị giết chết. Nó không thể bỏ đi trước tiếng kêu đau khổ của bạn mình”

Sẽ có người trong nước kêu lên rằng viết như vậy là thú vật hóa loài người như của một cây bút “quốc doanh” nào đó kết tội tiểu thuyết của Dương Nghiễm Mậu. Và Kim Lân cũng đã tiên đoán trước nên không viết. Nhưng thử hỏi, người đã mang cái nghiệp văn chương mà tự mình treo bút thì nào nề đến bực nào. Cứ âm thầm suy tư, cứ âm thầm nuôi trong lòng những điều muốn ngỏ mà không ngỏ được.

Kim Lân, cho đến cuối đời. Viết, để rồi bị phê phán, bị kiểm thảo, tác phẩm bị vùi dập thì viết làm chi ...

Trước khi mất hai tháng, nhà văn Kim Lân có nói đến trường hợp sáng tác của mình:

” Tôi viết Con Chó Xấu Xí là viết sau khi xảy ra chuyện Nhân Văn Giai Phẩm. Tuy tôi không bị liệt vào nhóm Nhân Văn Giai Phẩm nhưng lúc bấy giờ người ta lại xướng ra việc đấu tranh với Nhân Văn Giai Phẩm trong đó có 5 người không tham gia đám Nhân văn Giai Phẩm gồm có Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Hồng và tôi. Chúng tôi không tham gia hội họp, không viết bài “đánh”.. vì chúng tôi cho rằng đó là anh em mình cả, chúng tôi chỉ muốn nếu thật sự họ sai thì phải thuyết phục họ, vì tất cả đều mới ở trong kháng chiến mà ra cả (Hoàng Cầm, Trần Dần, Hoàng Tích Linh, Lê Đạt...). Nhưng chính vì không tham gia nên người ta cũng ghét chúng tôi.”

Sau một thời kỳ dài bị phê phán, Văn Nghệ Trẻ đăng lại truyện ngắn “Con Chó Xấu Xí” của Kim Lân. Đọc lời bình của Bảo Ninh, tự nhiên tôi muốn đọc lại một truyện ngắn đã gây ra nhiều rắc rối cho tác giả và cũng là một chuyện chứng minh rằng có những điều mà ở thời buổi ấy thật bình thường, xảy ra hàng ngày thì về sau lại rất lạ lùng tưởng chuyện xảy ra một nơi chốn nào khác như trên cung trăng chẳng hạn... Thời nào có đặc thù riêng của thời ấy. Trên mọi phương diện khác, các sự kiện có thể bị bôi xóa đi. Nhưng, ở văn chương thì không như vậy. Những sự kiện đã được ghi chép, không bị xóa nhòa mà trái lại còn là những chứng tích cho một thời. Mà, những chứng tích ấy, càng về sau, lại càng làm rõ nét hơn một xã hội, một thời thế nữa...

Viết về Kim Lân, Xuân Sách trong “Chân Dung Nhà Văn” đã phác họa như sau :

“ [Nên danh nên giá ở làng](#)

chết vì ông lão bên hàng xóm kia  
làm thân con chó xá gì  
phận đàn trâu xí cũng vì miếng ăn”

Tác phẩm của Kim Lân có hai tập truyện ngắn : Nên Vợ Nên Chồng và Con Chó Xấu Xí. Trong tập “Nên Vợ Nên Chồng” có truyện “Ông Lão Hàng Xóm” một truyện mà Xuân Sách đã hạ một câu thật tuyệt ”chết vì ông lão bên hàng xóm kia“. Nhân vật của truyện là một ông lão, tuy muốn sống một đời bình thường nhưng lại mang nặng vết thương cái cách ruộng đất. Với tâm cảm ấy ông nhìn hàng xóm làng mạc khác hẳn thuở xưa.

Cái tình lân lý tương thân tương trợ ngày trước đã hết, mà thay vào đó là sự ngờ vực của những người đã trải qua những thay đổi của nhân tâm, của tâm lý những con chim bị tên nhìn cây cong tưởng cây cung nhắm bắn. Truyện ấy còn có một nhân vật khác, cô đội trưởng đội cải cách non choẹt đã từng làm chánh án những buổi đấu tố và xử tử biết bao nhiêu địa chủ trong vùng. Ông tả lại cái hoạt cảnh cô đội trưởng tập lái xe đạp, một chiến lợi phẩm tịch thu được của một gia đình địa chủ, ở sân đình, với tất cả sự mỉa mai và trào lộng : ”Cô đội trưởng lùn tè tè, hai bàn chân không đạp tới pê-đan... cặp mông mấp xoắn lấy chiếc yên xe khi chân cô đạp lên đạp xuống...“. Nhân vật cốt cán, là chủ lực của chế độ mà mô tả như thế thì làm sao những quan cán bộ “lãnh đạo“ văn hóa như Trường Chinh, Tố Hữu,.. chấp nhận cho được. Thế là, sách in ra, bị tịch thu. Nhưng, mọi chuyện đã muộn, mọi người đã đọc, và, trong sổ đen công an văn hóa, Kim Lân bị ghi thêm một điểm xấu....

Trong lời bình của Bảo Ninh, viết sau hơn bốn chục năm tập truyện ngắn “Con Chó Xấu Xí“ ra đời, tôi thấy hình như tác giả Nỗi Buồn Chiến Tranh muốn diễn tả một tâm tư nào, có khác với thời ấy nhưng cũng giống với thời ấy. Tuy bây giờ, là thời của đổi mới, cũng như có một thời là “sửa sai“. “Đổi“ hay ”sửa“, có làm mất đi được cái phi nhân vong thân không? Bảo Ninh viết:

“Con Chó Xấu Xí hồi mời ra đời bị phê dữ lắm. Cụ thể bị phán những gì qui kết ra làm sao chẳng ai còn nhớ, chỉ nhớ là rất kịch liệt. Cái thời đến lạ. Độc giả thời nay chịu không hiểu được.

Đành rằng ở ta, và có lẽ chẳng riêng gì ở ta, cái sự truyện ngắn mà lại lấy loài vật, nào lợn, nào sừ, nào thân nào tuất ra làm “nhân vật“ thế nào tác giả cũng phải chuốc lấy phiền toái, song trong Con Chó Xấu Xí thì quả thật đọc kỹ và soi mãi vẫn không thể lọc ra một đoạn một câu một chữ có thể làm cho thiên hạ chạnh lòng. Vậy mà...

Hay là bởi vì ở “con Mực nhà ta“, ở cái con êu êu thảm hại này với sự xấu xí phát ghê, sự thống khổ bi hài, và nhất là với sự tận nghĩa kinh hồn, mù lòa và điên dại của nó, có toát lên một cái gì đặc biệt con người chẳng? ít nhất là so với vợ chồng Nhược Dự?...”

Không phải như Bảo Ninh viết: “Cái thời đến lạ. Độc giả thời nay chịu không hiểu được“ đâu. Mà tôi nghĩ. Bảo Ninh biết thừa ra đấy. Bởi, thời trước với thời bây giờ có gì xa lạ với nhau đâu. Dù đã đổi mới, dù đã bị áp lực của cả thế giới để buộc phải cải tổ. Tôi nghĩ, về phương diện văn học, cái giây buộc trói vẫn còn chứ không phải đã cởi ra với nhà văn như tổng bí thư đảng Nguyễn Văn Linh đã tuyên bố. Hồi trước đã có nhiều vụ án văn tự như những nhà văn trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm hay nhóm nhà văn trí thức bị chụp tội “xét lại“. Thì bây giờ, cũng có nhiều nhà văn nhà thơ bị truy bức bị đày ải bị treo bút bị theo dõi bị làm những công việc không liên quan đến chữ nghĩa.

Còn nhân vật vợ chồng Nhược Dự trong Con Chó Xấu Xí là hai nhân vật mà tác giả cố ý phác họa cho một đại diện của giới trí thức tiểu tư sản với tất cả những tật xấu gán cho. Ở một cực

độ, ông cho thấy chủ tâm muốn so sánh nhân vật này với con chó xấu xí kia. Cũng cùng vô dụng, cũng cùng có bộ dạng không giống ai, bị những người chung quanh khinh ghét:

“Trước ngày, Nhược Dư cũng có viết văn. Anh ta viết những truyện “ái tình” lâm ly, sướt mướt với một thứ văn chương uốn éo quen thuộc rẻ tiền. Anh ta làm văn chẳng khác gì người thợ kim hoàn quen tay làm đồ Mỹ khí. Vì thế, từ ngày khởi nghĩa anh không viết gì được nữa mà anh ta cũng chẳng nghĩ gì đến chuyện tiếp tục viết văn.

Tuy vậy, cả nhà anh ta, từ bà cô già mỗ bán bún riêu ngoài quán đình Bùi đến cô vợ hai còn trẻ măng chuyên việc bệp núc, hầu hạ chồng và con chồng ở nhà đều như còn lẫn quần mê luyến với cái không khí của một thời “oanh liệt” của ông chồng trước kia... Trước mặt người lạ họ đối đãi nói năng với nhau hoa mỹ kiểu cách như người trong truyện cả. Nghĩa là nghe nó ngớ ngẩn, giả dối rất chướng tai!

Người như vậy kháng chiến cũng không bỏ. Biết Nhược Dư trước kia có viết văn cơ quan tôi mấy bận cứ người về đón anh đi công tác. Bạn nào Nhược Dư cũng có bộ mặt rầu rĩ bán khoán vì nỗi hoàn cảnh anh ta bó buộc vì anh ta nặng gánh gia đình vì anh ta bệnh tật đau yếu luôn. Phải loanh quanh ở nhà như vậy anh ta lấy làm xấu hổ và khổ tâm lắm lắm. Người địa phương vì thế ghét vợ chồng anh ta thậm tệ. Giữa cuộc kháng chiến bùng nổ không ai có thể ưa một anh đàn ông sức dài vai rộng mà chỉ thấy cặp kè với hai bà vợ và nhõn nhợ với một ngôi hàng. Người ta làm vợ chồng anh ta khó chịu tức tối ngấm ngấm có khi phải tủi hổ...”

So sánh một con chó với một con người, hình như tác giả muốn làm chất nhân bản bị giảm sút đi trong đời sống ấy. Con chó dù bị bỏ đói bạc đãi đủ điều nhưng vẫn trung nghĩa, trong mọi hoàn cảnh dù tối tăm đến đâu cũng không bỏ chủ. Suốt đời sống nó, toàn là cảnh nằm nhóc mồm chờ cơm, dù mẩu xương thừa hay miếng cơm ôi cũng không có. Thế mà mỗi khi chủ về vẫn chạy tới vẫy đuôi mừng rỡ. Nhà cửa bị Tây vào ruộng bỏ đốt phá tan hoang, chủ phải chạy tản cư khi trở về vẫn thấy chú chó xấu xí nhưng có nghĩa ở đó dù sức tàn nhưng vẫn vẫy đuôi mừng rỡ. Có phải ông chủ bạc ác ấy, không biết quý trọng nhân nghĩa ấy, là tượng hình của những người lãnh đạo mà nhà văn Xuân Vũ ví von gọi là “dì ghẻ văn nghệ”?

Ví von vợ chồng Nhược Dư với chú chó, tác giả đã theo đúng những chỉ đạo được “trên” đề ra chưa? Hạ giá thấp giới tiểu tư sản, có gì mà rõ ràng cho bằng gọi bằng loài chó. Thế mà, trong cái nhận xét ấy, có một chút gì bất nhẫn, có một chút gì ngấm chứa từ liên tưởng xa xôi. Và, cái mục đích viết để gây cảm thù giai cấp, viết để phân biệt ta địch, viết để minh họa chế độ, dường như không phải là chủ đích của Kim Lân. Mà, ngược lại có khi là những cái ngấm hiểu rất dễ gây ấn tượng đối nghịch...

Bảo Ninh nhận định: “Ngày nay chẳng biết phê gì biết bình gì hơn ngoài một chữ Hay, Truyện hay. Tuyệt hay.

Mới ngẫm ra rằng nhà văn rất khác nhà khoa học, không chỉ khoa học tự nhiên mà cả khoa học xã hội. Nhà nghiên cứu thì thế hệ sau nhất định phải cao tầm hơn thế hệ trước, trò phải giỏi hơn chí ít là kiến thức phải dày hơn thầy. Nhà văn thì không nhất thiết như thế. Nhà văn Kim Lân mà nói rộng ra là lớp nhà văn thế hệ ông, cho đến nay, và có thể sẽ mãi mãi, vẫn là những nhà văn bậc thầy, tác phẩm mãi mãi vẫn là hay mãi mãi vẫn vượt trội...”

Riêng tôi, trong cảm thức của mình, truyện Con Chó Xấu Xí đáng nói hơn từ cái cái chủ tâm hơn là cái tài nghệ văn chương. Làm người kể chuyện, ông viết kiểu khề khà và ít thấy chất sống động trong văn mạch. Nhưng, ở cái trầm lắng ấy, lại càng rõ hơn cái tâm thâm thúy và gọi lại nhiều suy tưởng. Không phải chỉ giản dị là tác giả mượn con vật để ví von với con người, mà

phức tạp hơn, là biểu tượng của những đặc tính của một thời thế đã qua nhưng vẫn còn sức sống và là niềm nuối tiếc của nhiều người. Không gian, thời gian của Con Chó Xấu Xí là của một thời đã qua, của khó khăn vật chất, của hy sinh tinh thần. Nhưng, sau đó, khi phần nào đạt được những thành quả, thì có những người, như những chú chó cứ chờ hoài một hạt cơm rơi, một mẩu xương thừa nhưng chẳng bao giờ có. Những nhà văn, lưng còn thẳng, chân còn đứng chưa qui, trở về Hà nội, ngõ ngang với chiến thắng nhưng lại thảm tiếc thời gian khổ, lúc mà “đi ghê” (lãnh đạo văn nghệ) và “con chồng” (quần chúng văn nghệ) chịu chung thiếu thốn. Bây giờ, kẻ thì nhà cao cửa rộng lên xe xuống ngựa tem phiếu thượng hạng của ngon vật lạ không thiếu một món gì trong khi có người luôn thiếu, đói, vợ con nheo nhóc, chỗ ở chật hẹp.

Có lần nhà văn Kim Lân tâm sự :

”Tôi viết không chỉ vì nhuận bút. Viết được thì viết. Không viết được thì thôi. Những cái cố gượng viết đều giả, đều khô khan đọc lại thấy xấu hổ lắm.

Tôi nghĩ muốn theo đuổi nghề văn thì người viết phải là người tử tế trước đã. Dĩ nhiên không phải hễ là người tử tế ắt hẳn viết văn hay được. Viết văn phải có tài. Cái tài đến với nhà văn thật tự nhiên, mất đi cũng rất tự nhiên. Tôi thấy nhiều nhà văn lúc chưa biết nghề nếp tẻ ra sao, hồn nhiên thoải mái viết cái mình yêu, mình thích thì viết lại rất hay, đến lúc hiểu kỹ về nghề thì viết lại tòi đi rất nhiều. Hay chẳng cái mình biết đã gò bó cái tự nhiên của mình? Nhưng hiểu biết về nghề văn là rất cần. Nó nâng tầm nhà văn lên, nhưng nếu để nó khống chế mình, làm mất cái thiên bẩm của mình đi thì nhà văn ấy không còn là chính mình nữa..”

Tôi vẫn chưa hiểu được tại sao “lúc hiểu kỹ về nghề thì lại viết tòi đi rất nhiều” như Kim Lân bày tỏ. Hay, nếu nghĩ rằng “hiểu kỹ về nghề” có thể là hiểu biết những mục tiêu mà cấp trên cần hoặc luôn lách khéo léo qua những kẽ hở để nói lên được điều mình muốn nói?

Theo Xuân Sách, trong những lời tâm sự khi viết về tập thơ “Chân Dung Nhà Văn” thì nhà văn phải học tập rất nhiều và rất nghiêm túc về những vấn đề chính trị, những yêu cầu cần thiết để văn học phục vụ chính quyền. Những giây phút học hành ấy là cả một cực hình cho những người nghệ sĩ. Và không biết có phải vì những hiểu biết thu lượm được để “hiểu kỹ về nghề” và làm ngọn bút tòi đi, kém đi.

Thế mà, sau khi Kim Lân viết Con Chó Xấu Xí, hơn bốn chục năm, thì Bảo Ninh lại xám hồi và ca tụng một tác phẩm đã bị chế độ vui đập và đẩy tác giả của nó vào cùn nhụt lãng quên:

“... nhà văn Kim Lân viết không nhiều, tự đùa mình là lão ông, vậy mà chúng ta hơi ôi, chúng ta tràng giang đại hải, chúng ta hì hục sản xuất văn chương, nhưng một chút gì của “con chó xấu xí” thôi chúng ta cũng không thể có. Chúng ta ráo riết làm mới, làm lạ, mắ mồi mắ lợi tự cao tự đại phô trương sự tối tân và thời thượng của những kiệt tác chúng ta sản xuất ra, nhưng chúng ta vẫn cứ vô cùng cũ và nhạt, hoàn toàn không thể nào bì được với văn chương chậm rãi, khề khà, nhà quê, mà vừa xiết bao chân thực vừa vô cùng thâm thúy lại thiết tha và sâu đậm lòng nhân, tình yêu thương con người và đất nước, tình yêu ngôn ngữ Việt của một nhà văn thực tài như Kim Lân.

Trong tập truyện ngắn đầu tiên “Nên Vợ nên Chồng”, có truyện ngắn “Cu Ế”, một truyện tuy viết theo đúng chính sách nhưng không làm cho “lãnh đạo” vừa lòng. Chuyện kể về một anh chàng trước đây nghèo đói nợ nần lại xấu xí nên vô duyên chẳng có cô nào thèm để mắt xanh đến. Những chàng trai cùng trang lứa đều thành vợ thành chồng hết mà chỉ có riêng anh vẫn sống cu ky một mình nên anh mới được gọi tên là “Cu Ế”. Nhưng đến khi đội cải cách về làng, anh được bắt rể để làm việc tổ cáo. Và, anh đã thấy được ánh sáng do Đảng mang tới cho đời

mình. Cu Ê vươn lên và đấu tranh giai cấp một cách kịch liệt. Anh sắm được một cô vợ và người ta bây giờ không ai còn dám gọi anh là Cu Ê nữa.

Truyện viết mạch lạc, kể một hơi, đọc dòng đầu đã ngờ ngờ dòng sau, lai viết đúng bài bản, không bắt bẻ chê bai chỗ nào được. Nhưng cái hình ảnh anh bần cố nông như thế kể ra mà đại diện cho những người đang đấu tranh để xóa bỏ giai cấp thì cũng hơi... đẹp mặt cho Đảng. Cái thâm thúy của nhà văn vẫn là mang cái chính sách đang được đề cao để so sánh với một câu chuyện có thể gọi là vụn vặt, chuyện lấy vợ của một anh chàng kiết xác. Thời Cải cách ruộng đất khi mà những đội cải cách là thượng đế, ai chết ai sống mặc tình tùy thuộc vào quyền hạn của họ, thì cái chiến lợi phẩm như cô vợ của anh Cu Ê hay chiếc xe đạp của cô đội trưởng nhãi ranh đang vẹo mình tập đạp kể ra cũng chẳng vinh quang mấy. Nó chỉ là một nét trào lộng thoáng qua thôi, nhưng mà thâm trầm sâu sắc...

Một truyện ngắn khác của Kim Lân được nhiều người cùng thời nhắc tới là truyện "Làng". Một truyện viết về nông thôn thời kháng chiến chống Pháp ở Việt bắc có những dấu ấn văn chương khá đậm. Cái tâm cảm của một người đi vào chiến đấu để mong có ngày trở về Hà Nội để nhìn thấy được những vinh quang mong đợi. Hình ảnh mà Kim Lân mô tả về cái gánh gồng của một gia đình tản cư có lẽ chỉ còn là chuyện rất cũ. Cái gánh này một đầu thì đầy những nồi niêu soong chảo đồ tuế nhuộm lặt vặt cần thiết cho một gia đình còn đầu kia là một đứa bé. Nó ngồi trong thúng đầu đội chiếc nón lá che úp mặt hai bàn tay nắm chặt lấy quang giầy dù bố nó đã cẩn thận chèn chung quanh những chần màn vá chằng vá đụp. Cái hình ảnh ấy, nghèo nàn tang thương và nhẩn nhục làm sao...

Nhưng, cái truyện ngắn ấy lại có những đoạn tuyên truyền hơi ngô nghê. Nhân vật trong truyện, ông Hai làng Dầu đã có những thay đổi theo thời rất nhanh. Trước, ông rất hãnh diện về làng của ông có những lăng mộ hùng vĩ thì sau này ông lại ghét đến độ căm thù vì những lăng tẩm phong kiến ấy bắt cả làng ông phục dịch. Rồi vì tin đồn làng Dầu đã theo tây nên dân chúng ở đây cũng ghét lây gia đình ông. Nhưng sự thực làng Dầu không theo Pháp và vẫn tôn sùng Hồ Chí Minh nên cả làng nơi tản cư cũng đổi thái độ với gia đình ông... Viết đúng đường lối như thế mà khi in Con Chó Xấu Xí vẫn bị đấu đá toại bời...

Đọc lại truyện về chó, một con chó xấu xí, ghẻ lở vô dụng nhưng có nghĩa, tôi lại chạnh lòng khi nghĩ đến câu thơ của nhà thơ Nguyễn Vỹ "Nhà văn An Nam khổ như chó". Ấy là thời của đế quốc, phong kiến, nô lệ. Còn thời đại của văn nghệ "hiện thực xã hội chủ nghĩa" thì sao? Có còn người chủ bạc ác đối đãi tệ hại với một loài vật có tình với mình không? Dù, đã qua mấy thời sửa sai, đổi mới..?

Trước khi mất, trong cuộc phỏng vấn của báo Đời Sống và Pháp Luật, nhà văn Kim Lân có nhận xét:

"Tôi có cảm giác văn ngày nay mất đi tưởng tượng lãng mạn mơ mộng và nhiệt huyết sống, Nó trở nên thực dụng ê chề oái oăm hơn. Đó là những điều cần khắc phục để nước nhà có một nền văn học ngày càng hoàn thiện.."

Nhà văn Kim Lân đã từ trần vào ngày 20 tháng 7 năm 2007, thọ 87 tuổi. Là một nhà văn tiên chiến đã đi theo Đảng từ ngày còn kháng chiến thế mà suốt cả cuộc đời chỉ in được có 2 tập truyện ngắn và cũng suốt đời chỉ thai nghén mà không viết được những truyện xứng ý với mình. Đó có phải là một trường hợp khi chính trị chỉ đạo văn học, thì thơ thành vè và văn chương chỉ là lớp son cho những điều giả trá,...

## Cuộc trò chuyện cuối cùng với nhà văn Kim Lân Bá Kiên

Cuộc trò chuyện diễn ra tại nhà riêng của ông ở xóm Hạ Hồi, Hà Nội cách đây chưa lâu. Thế mà chiều qua, ông đã ra đi...

15h30 chiều qua, 20/7, nhà văn Kim Lân đã trút hơi thở cuối cùng tại Bệnh viện Hữu Nghị. Nghe tin này tôi gai cả người, bởi cách đây ít lâu dù không được khỏe nhưng ông vẫn vui vẻ tiếp tôi tại nhà riêng ở xóm Hạ Hồi (Hà Nội). Và đây chính là cuộc trò chuyện cuối cùng ông dành cho cánh báo chí...

**“Cu Tràng cũng là tôi, con chó xấu xí cũng là tôi...”**

- *Đọc những tác phẩm của ông, người ta nhận thấy đó đều là những cái ông rút ruột ra mà viết?*  
- Tôi chủ trương từ lâu viết về những con người bình thường, đó là những người nông dân. Vì tôi quan niệm rằng, chính sách của Đảng và Nhà nước đúng hay sai nó nằm ở đời sống người dân. Những người bình thường đó bao giờ cũng thiết thời. Nên nhà văn muốn đòi cho những con người đó quyền làm người và quyền sống.

Ngày xưa cũng có những lần tôi đi công tác viết theo yêu cầu, nhưng những thứ đó viết ra đều rất nhạt, khô cứng, và đọc lên cứ thấy nó giả thể nào ấy. Bởi nó không thuộc cái của mình.

Tôi xuất phát từ anh nông dân nghèo, nên khi viết về chính những người đó thì mình lại dốc mình ra mà viết. Ví dụ như Lão Hai (trong truyện *Lão Hai*) là tôi, anh cu Tràng trong *Vợ nhặt* cũng là tôi và thậm chí con chó xấu xí (trong truyện *Con chó xấu xí*) cũng là tôi...

Nhìn lại một số tác phẩm của mình, nhiều truyện tôi viết về tôi: Một con chó cũng là tôi, thằng Tràng lấy vợ nhặt, tưởng như là không phải tôi, vì tôi có cưới đàn ông hoàng và cũng không bao giờ nhặt được ai cả. Nhưng nó cũng là tôi, vì khi viết truyện ngắn đó tôi cũng vừa mới lấy vợ (có cưới xin hẳn hoi, không phải nhặt), nhưng lấy vợ được ít ngày thì gặp đói.

Trong gia đình tôi cũng chỉ có ba người: tôi, vợ tôi và bà mẹ. Thì cái cảnh của tôi khi đó cũng không khác gì là cảnh mới nhặt được vợ trong truyện. Hai nữa là chính những ngày đói kém đó, vợ tôi cũng đi buôn cá, đã thế bà mẹ tôi tên là bà Tam, thì trong truyện tôi gọi là bà Tứ. Thực ra khi viết tôi cũng không nghĩ rằng lấy mình ra để viết, mà chỉ nghĩ trong đầu là viết về cái đói nhưng con người vẫn yêu đời, tin ở con người dù cái đói bao vây xung quanh, vẫn tin yêu, đùm bọc nhau và vẫn tràn đầy khát vọng sống. Nhưng sau khi viết xong, nghĩ lại thì hóa ra lại là viết mình.

- *Thế còn truyện ngắn “Con chó xấu xí”?*

- Tôi viết *Con chó xấu xí* là viết sau khi xảy ra chuyện Nhân văn Giai phẩm. Tuy tôi không bị liệt vào nhóm Nhân văn Giai phẩm nhưng lúc bấy giờ người ta xướng ra việc đấu tranh với Nhân văn Giai phẩm thì có 5 người không tham gia “đánh”, gồm có: Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyên Hồng và tôi.

Chúng tôi không tham gia hội họp, không viết bài “đánh”... vì chúng tôi cho rằng đó đều là anh em mình cả. Chúng tôi chỉ muốn, nếu thực sự họ sai thì phải thuyết phục họ, vì tất cả đều mới ở trong kháng chiến mà ra cả (Hoàng Cầm, Trần Dần, Hoàng Tích Linh, Lê Đạt...). Nhưng chính vì không tham gia, nên người ta cũng ghét chúng tôi.

- *Và chính “Con chó xấu xí” là ông viết để tự bạch tâm trạng của mình với mọi người lúc bấy giờ?*

- Đúng thế! Tôi chỉ muốn nói rằng, tuy tôi có là con chó xấu xí nhưng vẫn trung thành với chủ. Nguyễn Công Hoan đọc xong bảo “thằng này ngu bỏ mẹ, tự nhận mình là con chó!”. Ông Văn Cao thì nhận xét “gớm cậu viết võ kín quá!” làm tôi sợ.

Thực ra mình chỉ muốn làm kẻ đội đờn dưới công đường nói rằng “tôi bị oan”. Còn Nguyễn Minh Châu khi nói chuyện với các nhà văn trẻ, lấy chuyện đó ra mà rằng “viết văn thì phải có văn, giống như Kim Lân viết *Con chó xấu xí*. Sau này ông ấy chết chỉ cần mang nó ra mà đọc điếu văn”.

- Nhưng ông đâu có bị “đánh” mà kêu oan?

- Cũng bị đánh chứ, vì khi đó tôi có viết một truyện ngắn *Ông lão hàng xóm*, ngày ấy cũng là chuyện nói về sai lầm trong cải cách ruộng đất. Lúc bấy giờ in ra, nhiều người thích vì cho rằng viết thế là dữ dội. Cộng với mình lại thêm tội “không chịu viết bài để đánh Nhân văn Giai phẩm” thế là người ta cũng không ưa chúng tôi luôn...

- Những người bạn viết với ông như Tô Hoài, Nguyên Hồng, Nguyễn Tuân... thường có sức viết rất khỏe và không nghĩ ngợi. Thậm chí Tô Hoài nay vẫn còn viết mạnh. Còn ông có một thời gian dài không thấy ông viết gì, vì sao vậy?

- Tôi nói thật, nghề các anh ấy giỏi hơn tôi. Còn tôi, về sức viết và nghề viết là yếu. Vì mình là người vừa ít học lại đọc cũng ít. Nên chủ yếu tôi viết những cái gì nó thuộc về tôi là tốt. Nói thật, tôi không viết hay được về những nhân vật tích cực, hăng hái. Cái đó mọi người viết tốt hơn tôi. Nên các truyện của tôi đều viết về những người nghèo, bị thiệt thòi trong đời sống... Nếu phải viết trái với ý mình là tôi không viết được.

- Thế trong thời gian dài không viết ấy, ông làm gì?

- Tôi làm nhiều chứ! Không một tờ báo, nhà xuất bản nào của Hội (Nhà văn) mà tôi không làm. Rồi tham gia giảng dạy ở các lớp bồi dưỡng viết văn. Tôi với anh Nguyên Hồng làm việc này rất hợp nhau. Cũng có thời gian khá dài tôi làm ở Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nội. Tôi chủ yếu làm biên tập ở Nhà xuất bản (Hội Nhà văn). Khi làm công tác bồi dưỡng ở trường viết văn của Hội với anh Nguyên Hồng, tôi và anh Hồng coi các anh, chị đến học tập đều là những người bạn thân thiết của mình.

### **Khi nhà văn làm diễn viên điện ảnh**

- Ngoài tác phẩm văn chương, công chúng còn biết đến nhà văn Kim Lân như là một diễn viên điện ảnh nổi tiếng nhất trong số những nhà văn từng tham gia đóng phim. Lý do đến với điện ảnh của ông?

- Thú thực, tôi là diễn viên kịch thực thụ của Ban kịch Hà Nội. Vì tôi với Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Trần Hoạt là cùng quê với nhau. Và chúng tôi được anh Chu Ngọc bảo ra đóng kịch, thì đi đóng.

Kịch *Kiều Loan* là tôi có tham gia diễn. Nên khi tôi đóng phim cũng đóng được. Nên khi đạo diễn Phạm Văn Khoa mời đóng vai lão Hạc thì tôi nhận lời, vì tôi và lão Hạc có những cái rất gần nhau: Nghèo nhưng không hèn. Tôi rất thích cái tính cách ấy.

Tôi tham gia đóng nhiều phim, nhưng vai mà tôi tâm đắc nhất vẫn là lão Hạc trong *Làng Vũ Đại ngày ấy*. Vì tính cách của mình rất gần với tính cách lão Hạc, rồi cái hình thức bên ngoài cũng vậy, ăn nói thì thều thào, thảm hại...

- Khi vào vai lão Hạc, ông có gặp khó khăn nào khi mà phải đóng với một “chú Vàng”?

- Hồi đó đạo diễn Phạm Văn Khoa mua cho tôi một con chó xồm, màu vàng, đưa về cho tôi nuôi trong vòng 2 tháng. Nhưng vì là con chó già, nên việc thuần phục nó rất khó, mãi tôi mới cho nó ăn và dắt nó đi chơi được.

Nhưng đến lúc ra trường quay, đèn chiếu sáng loáng, người xem lại đông, nên nó sợ, đã thương mấy người. Quay được một ngày thì bị anh đạo cụ bực mình quá đập chết. Vì thế ở trong phim nếu người tinh mắt xem thì là hai con chó diễn chứ không phải một.



Đang lúc gay go tìm chó thay thế, anh đạo cụ đi lang thang tìm khắp nơi, tình cờ vào một lò gạch hút thuốc ào nói chuyện thì tay chủ lò gạch khoe “úi, tôi có con chó tuyệt lắm”. Con chó có tên là Gấu. Thời điểm máy bay Mỹ ném bom ra Bắc, nó từng được chủ giao cho đi chăn 30 con bò. Con này to lắm, nó cao bằng nửa người tôi.

Thoạt nhìn sợ lắm (không giống với con chó trong tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao, gầy gò và bé - NV). Tay chủ lò gạch dắt chó đến giao cho tôi và nói “Gấu, ông này là át chủ bài của mày nhá”. Tôi cầm, dắt nó đi một vòng. Rồi mua kẹo lạc cho nó ăn...

Trong phim có chuyện lão Hạc bán con Vàng, sau khi tôi cho nó ăn, mới đưa thòng lọng vào cổ nó. Thực tình khi đó tôi rất sợ nó cắn, nên mới đứng dậy quay mặt đi. Nhưng khi lên phim thì người xem lại nghĩ lão Hạc vì thương con Vàng mà không nỡ nhìn nó khi người ta dắt nó đi... (cười). Từ đấy người ta cứ gặp tôi là lại gọi “Lão Hạc, kìa lão Hạc kìa...!”.

- *Nay có còn ai gọi ông là Lão Hạc nữa không?*

- Có lần tôi vào Buôn Ma Thuột, đi qua chợ thấy người dân đứng lên chỉ trỏ, gọi “Lão Hạc!”. Khi ấy tôi lại đi cùng với diễn viên Bùi Cường (người đóng Chí Phèo), thế là úi giời, người ta đi theo cả đoàn...

Tôi với Bùi Cường phải lên vào một quán cà phê ngồi mới thoát. Cho đến bây giờ cũng thế, hàng ngày tôi vẫn đi bộ quanh hồ Thiền Quang, dân tình gặp vẫn gọi mình là lão Hạc, nhưng cũng có người biết tôi là Kim Lân.

### **Vui vì có con nổi tiếng**

- *Cả viết văn và đóng phim, ông đều có những thành công, nhưng phần lớn các con ông lại làm họa sĩ?*

- Trong nghệ thuật, có một số nghề như chèo, tuồng thì người ta thường truyền cho con cháu, nhưng viết văn thì rất khó truyền. Nên tôi có 7 đứa con thì 5 đứa là họa sĩ.

Vì thực ra, khi còn ít tuổi tôi rất thích vẽ. Tôi lại may mắn được giới thiệu đi làm sơn mài cho họa sĩ Nguyễn Gia Trí. Nên, đầu tiên là tôi ao ước được làm họa sĩ, nhưng nếu làm họa sĩ phải ra Hà Nội học, và ít nhất cũng phải có bằng tốt nghiệp tiểu học, mà tôi thì lại thi trượt tốt nghiệp tiểu học. Bởi thế không đủ sức mà theo nghề họa.

Chính vì thế tôi luôn nghĩ là phải cho con Hiền (con gái cả), thằng Chương (họa sĩ Thành Chương - con trai trưởng) đi học làm họa sĩ.

- *Chính ông đã định hướng để họa sĩ Thành Chương đi theo con đường hội họa?*

- Đúng thế! Tôi định hướng ghê gớm lắm. Khi nó thi vào trường Mỹ thuật thì vốn kiến thức ban đầu về hội họa là tôi dạy cho nó đấy chứ. Rồi khi nó học ở trường Mỹ thuật rồi tôi vẫn thường xuyên dắt nó đến nhà các họa sĩ: Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Văn Cao, Nguyễn Tiến Chung...

Nó cứ vẽ được cái gì thì tôi lại đưa đến những họa sĩ này nhờ họ góp ý cho. Kể cả con Hiền (họa sĩ Nguyễn Thị Hiền - một trong những nữ họa sĩ được nhiều người biết đến).

- *Nay trong giới họa sĩ, Thành Chương là người khá nổi tiếng được nhiều người biết đến và tranh bán cũng chạy. Còn ông, nhìn vào sự nghiệp hội họa của con mình ông có hài lòng không?*

- Tôi nghĩ nhiều người ở cái tuổi như tôi (năm nay ông vừa tròn 87 tuổi) con cái hư cũng có, nhưng con tôi dù cũng có những ảnh hưởng của xã hội, song chúng đều là những người tốt. Có chút sự nghiệp hội họa tốt.

Tôi có 7 đứa con thì có tới 5 đứa đi theo con đường hội họa: Con gái cả Nguyễn Thị Hiền vẽ giản dị nhưng rất có chiều sâu; thằng Chương vẽ cũng tốt...

- *Ông có hay sang Phủ Thành Chương?*

- Cũng ít lắm. Mới được vài lần. Ví dụ khi nào có quay phim, hay khi đón những vị khách quan trọng, như hồi có Hoàng hậu Thụy Điển... Phũ to quá, mình cũng thấy ngợp. Và lại bây giờ tuổi đã cao, đi xa quá tôi cũng thấy ngại. Với lại tính tôi không đi ngủ ở đâu được, ngoài cái Xóm Hạ Hồi này. Bây giờ già rồi, chẳng muốn đi đâu nữa.

## Kim Lân: sự im lặng của nỗi buồn Nguyễn Quang Thiều

Đã quá lâu rồi ông không cầm bút viết văn nữa. Đôi khi ông có viết về một người bạn văn chương nào đó đã khuất. Với ông đó chỉ là những dòng của người còn sống trên dương gian nhớ người đã vắng bóng. Viết như một cuộc trò chuyện với hư vô. Cả những cuộc trò chuyện với hư vô ấy cũng không làm ông cạn hết nỗi buồn. Làm sao mà cạn hết nỗi buồn nhân thế khi người ta còn sống. Giờ đây, trong ngôi nhà nhỏ ở ngõ Hạ Hồi, một căn phòng với nhiều đồ cổ, gương mặt ông, tuổi tác ông, giọng nói ông và con người ông thật hợp với những cổ vật này. Một khoảng thời gian quá dài đã đi qua những cổ vật kia và thời gian của gần một thế kỷ đi qua ông. Tôi thấy ông như một cổ vật còn sống và đang cất giọng nói về thời gian đã làm nên ông. Ông không viết văn lâu rồi, nhưng những gì ông viết của mấy chục năm về trước vẫn được không ít bạn đọc tìm đọc với những lý do khác nhau, vẫn được giảng dạy và vẫn được học sinh làm bài thi. Sao ông lại không viết văn nữa? Sao ông lại im lặng từ mấy chục năm trước và sẽ im lặng hết cuộc đời. Ông nói với tôi lý do sự im lặng ấy. Và bởi sự im lặng ấy mà giờ đây tôi cũng im lặng không viết ra. Nhưng cái mốc ông ngừng viết văn là từ khi ông công bố cái chuyện "Con chó xấu xí". Ông thở dài và nói rằng khi người ta đã nhận mình là con chó xấu xí rồi thì biết làm gì nữa đây.

Ông bắt đầu xuất hiện trên văn đàn khi mới ngoài hai mươi tuổi. Ông bảo lúc đó ông viết cứ bắt chước người này lại đến người khác. Viết như thế thì viết cả đời cũng không tả đúng cái mặt của mình. Nếu anh không là chính anh thì anh chẳng bao giờ là ai cả. Thế rồi, tờ báo *Trung Bắc Chủ Nhật* làm một số chuyên đề về vợ lẽ. Thế là ông viết về "Vợ lẽ" và ngay lập tức truyện của ông thành công. Ông bảo vì ông là con của một người vợ lẽ. Cụ thân sinh ra ông lấy những ba vợ. Ngày ấy nhiều người đàn ông có vợ lẽ lắm. Xã hội lúc đó nó thế. Bây giờ đàn bà tự do quá và ghê gớm quá. Thời gian đã cho họ quá nhiều mặc dù chế độ một vợ một chồng là nề đương nhiên trong xã hội văn minh. Cũng từ ngày đó, ông chỉ viết những gì ông hiểu, những gì ông khổ đau và thương nhớ. Thế là gương mặt văn chương của Kim Lân hiện ra sống động và đầy ấn tượng mà ai đã nhìn thấy sẽ chẳng dễ quên.

Rồi đến một ngày, ông thấy ông không thể cứ lấy gương mặt riêng biệt của mình mà đi đâu cũng được, làm gì cũng được. Bởi trong cuộc đời này, nhiều lúc miệng mình đầy mà cái cười lại của người khác. Mắt mình đầy mà lệ rơi vào lại từ đâu từ đâu. Tay mình đầy lại cầm cái mình không muốn cầm. Chân mình đầy mà lại đi vào cái ngõ mình không định bước. Đúng là sống mới thực là khó. Trong khi đó nhiều người lại ngỡ chết khó hơn. Thế là ông chán viết. Rồi ông bỏ bút hẳn. Bỏ lâu thành thói quen. Có lúc trong đầu muốn viết một cái gì đó lại ngại. Ngại cái cụ thể và ngại cả những mơ hồ. Tôi hỏi ông cụ thân sinh khi còn sống thường dạy ông điều gì về cuộc đời. Ông bảo cụ cứ sống như cụ nghĩ và yêu thương cụ nhưng chẳng dạy ông điều gì cả. Tất cả những gì ông học được là do làng ông dạy ông. Câu nói này sẽ không ít người nghe thấy sẽ chê ông sao lại nói về cha mình không dạy con. Cha mình sinh ra mình mà chẳng dạy mình điều gì sao (?). Nhưng ông nói vậy thì quả là uyên thâm. Làng chính là văn hoá. Văn hoá luôn luôn đúng là sẽ dạy con người phải làm gì. Làm lỗi thì văn hoá dạy để mà đứng lên. Tuyệt vọng thì văn hoá dạy để mà hy vọng. Thô tục thì văn hoá dạy cho cái đẹp. Tăm tối thì văn hoá dạy cho mơ ước.

Chiều mùa đông chóng tối. Tôi thích nhìn ông trong căn phòng tranh tối tranh sáng như thế. Khi ông đứng dậy lấy phích nước cho thêm vào bình trà tôi thấy những cổ vật trong nhà ông cũng chuyển động như ông. Tất cả mọi chuyển động của ông, của những cổ vật là sự chuyển động của thời gian. Tôi hỏi ông đã viết hồi ký chưa. Ông im lặng một lát rồi nói ông không viết hồi ký bởi viết hồi ký thì nhiều chuyện quá. Hồi ký là sự thật. Mà sự thật lại thường đau đớn. Những gì ông đã quyết im lặng mấy chục năm rồi thì nay cứ để cho mãi mãi nằm trong im lặng. Là một nhà văn, không sáng tác trong mấy chục năm giờ lại không viết cả hồi ký nữa thì ông sống thế nào? Cái gì sẽ làm cho ông vui, cho ông khuấy khoả tuổi già? Ông bảo ông cứ chơi nhưng những để cho vui, cho đỡ buồn. Nhiều năm trước ông có đóng phim. Mấy năm trước người ta thấy ông trên tivi bàn về văn hoá trà. Tất cả cũng là chơi thôi mà. Với ông, chơi là cách tốt nhất để ông chạy trốn. Mà chạy trốn ai? Ai đuổi ông? Ai truy lùng ông? Chẳng ai cả. Tôi chạy trốn chính tôi. Chạy trốn chính mình là cuộc chạy trốn khó khăn nhất, lâu dài nhất và cuộc chạy trốn ấy chỉ kết thúc khi người ta bước vào giữa lâu đài của cái chết.

Tôi nói với ông có hai loại người : loại thứ nhất càng sống nhiều càng buồn. Loại thứ hai càng sống nhiều càng thanh thản. Cả hai loại người này đều là những người hiểu được lẽ đời. Loại thứ nhất buồn vì thấy đời sống này sao nhiều đau khổ và vô nghĩa thế mà mình thì bất lực. Loại thứ hai thấy cần thanh thản để quên đi những đau khổ và vô nghĩa kia. Ông bảo ông là loại người thứ nhất. Cái truyện ngắn cuối cùng trong đời ông đã chuẩn bị đầy đủ nhưng rồi ông không viết. Tôi nghe ông kể truyện ngắn ấy mà thấy tiếc. Truyện ngắn ấy dài lắm nhưng tôi nhớ đại khái kể về một người đàn ông câm. Người đàn ông câm này nuôi một con chó. Tất cả những người sống quanh anh ta nhưng chẳng ai hiểu anh ta nói gì, nghĩ gì, kể cả người mẹ đẻ ra anh ta. Duy chỉ có con chó là hiểu được anh. Cả hai đều không nói được cái tiếng mà những người quanh họ vẫn nói. Nhưng họ lại vô cùng hiểu nhau bởi cả hai có chung một ngôn ngữ khác. Khi người ta mở chiến dịch giết chó. Con chó của người đàn ông câm kia bị người ta đuổi bắt. Nó chạy tới mép rừng. Chỉ dám bước chân nửa là nó thoát chết. Đúng lúc đó người đàn ông câm cất tiếng kêu như một tiếng tru. Con chó dừng lại. Nó chạy quay về và bị giết chết. Nó thừa biết những người đang hò hét tiếng người kia sẽ giết nó. Nhưng nó không thể bỏ đi trước tiếng kêu đau khổ của người bạn, người duy nhất đã thấu hiểu nó. Tôi hỏi ông sao ông lại không viết cái truyện ấy? Ông bảo ông đã nói nhiều lý do vì sao không viết nhưng lý do thật ông lại chẳng muốn nói ra. Đã không nói rồi thì đến chết cũng không nói nữa. Nhưng không nói ấy cũng là nói rồi.

Tôi nghe câu chuyện người đàn ông câm và con chó mà lòng buồn vô hạn. Ông bảo con người đáng trọng là con người không thay đổi tình bạn kể cả khi anh ta rơi vào hoàn cảnh bi đát. Thế mà có những người là bạn ông khi có tí quyền chức thì trở nên lạnh nhạt và hống hách với cả bạn bè. Từ đó, ông không bao giờ đến thăm và trò chuyện như xưa với người ấy nữa. Nhưng khi người ấy nghỉ hưu không mấy ai đến nữa thì ông lại đến. Ông đến và gọi tên người ấy như thừa hàn vi, như chưa bao giờ nghĩ khác về người ấy. Bởi người ấy cũng chỉ là một nhân vật bé nhỏ trong một cảnh ngấn của vở kịch bi hài vô tận của cuộc đời này. Người ấy đã hiểu ra thói đời và nghĩa đời dẫu rằng đã muộn. Người ấy nhìn ông mà nước mắt giàn giụa. Nhưng người ấy lại nói: Mắt mình hồi này cứ hay chảy nước mắt vô cớ. Thực ra là người ấy khóc vì xúc động và khóc cả vì đắng cay. Nhưng để nói thật ra là mình đang khóc và khóc vì sao đâu phải lúc nào và đối với ai cũng dễ.

Năm nay ông đã tám mươi tư tuổi. Ông bảo bao nhiêu thứ ông quên và cố tình quên giờ ông muốn tìm lại. Nhiều truyện ngắn ông viết bởi cái nhất thời, bởi sự ấu trĩ ông đã quyết quên đi từ lâu lắm rồi. Nhưng giờ đây ông lại muốn tìm lại những cái cũ ấy. Bởi theo ông, dù thế nào đi chăng nữa thì những cái đó cũng là của ông. Đã là cái mình viết ra dù không hay, dù viết chỉ để mà viết hoặc viết cho một ai đấy chứ chẳng phải cho mình, thì vẫn cứ là của mình. Cái đúng là của mình và cái sai cũng là của mình. Đã có lúc ông chẳng hề nghĩ ông sẽ làm tuyển tập, mà có nghĩ đến ông cũng không muốn làm. Giờ thì ông muốn làm tuyển tập. Làm chẳng phải là để

cho hậu thế đọc đầu. Làm để cho chính ông có dịp đọc lại toàn bộ những gì mình viết. Để từ đó mà suy ngẫm về mình hơn nữa. Đọc để một Kim Lân tám mươi tư tuổi được đối thoại với một Kim Lân năm mươi tuổi, một Kim Lân bốn mươi tuổi... Đọc để vò đầu mà than: Kim Lân, người quả có một thời không phải chính người. Đọc để vỗ đùi kêu lên: Kim Lân, ông thực không hổ danh. Làm được như vậy trong một cuộc đời hỏi còn gì phải ân hận nữa.

Bây giờ tôi thực sự tin rằng ông là kẻ biết rong chơi trên trần thế này. Cái danh đối với người nước Nam ta thật ghê gớm. Cái danh nhà văn đối với nhiều người còn ghê gớm hơn. Bảo mình là chủ tịch huyện, chủ tịch tỉnh có khi chẳng oai bằng bảo mình là nhà văn. Ông là nhà văn đích thực nhưng dám đùa bỡn với cái danh ấy. Ông trọng đời hơn trọng văn. Ông là người sống kỹ hơn là viết. Bởi như ông nói có trang viết của ông không phải là ông, Nhưng ai cũng nói ông luôn luôn sống đúng ông. Trong khi nhiều nhà văn viết thì ra vẻ là kỹ nhưng sống lại ầu. Sống kỹ thì mới viết kỹ được chứ. Sống kỹ theo tôi là dám sống đúng mình nhất. Nếu ai đó nói ông không viết vì lười thì hoàn toàn sai. Bởi cái động tác cầm bút nhiều hay ít đâu phải là chăm hay lười. Cái công việc của nhà văn khó khăn nhất vẫn là sự quan sát và suy ngẫm không ngừng cuộc sống này. Ông là người cho đến lúc này vẫn quan sát cuộc sống một cách sắc sảo và suy ngẫm hết sức sâu xa. Những suy ngẫm ấy đã không ngừng dày vò ông và bắt ông phải trả lời những câu hỏi về cuộc sống. Càng suy ngẫm nhiều thì dày vò càng lớn. Nhưng phẩm cách của một nhà nho có quá nhiều trong con người ông. Phẩm cách ấy có lúc làm ông trở nên yếm thế. Ông là kẻ ở ẩn mấy chục năm nay ở ngay nơi mà người ta không tin con người có thể ở ẩn được. Bởi nơi ấy quá ồn ào và nhiều cám dỗ. Ông không về quê như Nguyên Hồng. Ông cũng không lên rừng như Sao Mai. Ông ở ẩn ngay trong chính sự im lặng của ông, sự im lặng của nỗi buồn muôn thuở.